

TRONG
THẨM SÂU CỦA
BÍ ẨN 5

Giải mã những câu chuyện bí ẩn muôn đời



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRONG
THÂM SÂU CỦA
BÍ ẨN
5

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHHTH TP.HCM

Nguyễn Thị Kim Anh

Trong thăm sâu của bí ẩn. T.5 / Nguyễn Thị Kim Anh. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.
200tr. ; 20cm.

1. Điều bí ẩn. 2. Hiện tượng bí ẩn.

001.94 — dc 22
N573-A60

NGUYỄN THỊ KIM ANH
biên soạn

TRONG
THẨM SÂU CỦA
BÍ ẨN

5

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mục lục

Phần 1: NHỮNG CUỘC TIẾM QUYỀN VÀ MẠO DANH 7

Tần Vương Chính có phải là con của Lã Bất Vi?	10
Kẻ thách thức ngai vàng của nữ hoàng Catherine II	17
Vụ "trộm long tráo phụng" của nước Pháp	23
Chàng hoàng tử trong Tháp London	28
Vụ án "đổi gái lấy trai" của triều đình Pháp	33
Vị nữ anh hùng Jeanne d'Arc và giàn hỏa	39
Vị vua bị mất tích	43
Một kẻ bịp bợm trở thành Sa hoàng	48
Sự sám hối của vua Alexander I	53

Phần 2: VÉN MÀN BÍ MẬT 59

Người thọ 969 tuổi	62
Bá tước Saint-Germain bất tử	69
Sấm truyền đến Delphi	76
Các tinh tú và vận mệnh con người	84
Những lời tiên tri bất bủ của Nostradamus	90
Hòn đá tạo vàng của Nicholas Flamel	97

Bí ẩn hội đạo Rose-Croix	107
Một hội viên tam điểm trong nhà ngục Bastille	112
Chữa bệnh bằng “từ tính động vật”	116

Phần 3: BÍ ẨN CỦA KINH THÁNH VÀ KI-TÔ GIÁO 123

Ai là người viết kinh thánh?	126
“Ngôi sao” dẫn đường cho các nhà thông thái	134
Mộ chúa Jesus	139
Thiên đường hạ giới	145
Vương quốc của Linh mục John	149
Mộ phần thánh Peter	155
Một vị thánh cụt đầu	159
Thánh Francis và những vết thương của Đức Kitô	164
Thánh nữ Theresa xuất thần	170
Constantine nhìn thấy thập giá của Đức Kitô	175
Tắm vải liệm thành Torino	180
Sự kỳ diệu của một thánh tích	186
Sự hiện hình ở hang Lourdes	190
Một phụ nữ đã đăng quang Giáo Hoàng?	196

NHỮNG CUỘC TIẾM QUYỀN VÀ MẠO DANH

SỬ SÁCH CÁC TRIỀU ĐẠI QUÂN CHỦ LUÔN TRẦN NGẬP
NHỮNG CUỘC MƯU QUYỀN ĐOẠT VỊ, TRONG ĐÓ NHỮNG KẾ
NHÒM NGÓ NGẠI VÀNG VÀ KẾ MẠO DANH VUA CHÚA LUÔN LÀ
ĐỀ TÀI GÂY XÔN XAO... CHỈ RIÊNG TẠI NGA Ở THẾ KỶ 18
ĐÃ CÓ ĐẾN 37 SA HOÀNG GIẢ MẠO.

Ở các triều đại quân chủ, mọi quyền lực đều tập trung vào tay nhà vua, người giữ vị trí tối cao trong điều hành triều chính. Chính vì vậy, khi một vị vua băng hà là cả nước phải lo lắng... Sự thèm khát ngai vàng khiến nhiều kẻ tham vọng vẽ ra những câu chuyện tưởng tượng để nhanh chóng vươn lên tiếm quyền. Đôi khi, với danh nghĩa một hoàng tử - nạn nhân của một âm mưu triều chính, kẻ mạo danh tái xuất hiện vài năm sau đó và khẳng định mình đã "may mắn thoát thân". Kẻ này có thành công hay không còn tùy thuộc vào khả năng của hắn biết tập hợp dưới trướng những thành phần bất mãn và tùy vào vị quân vương đương vị có yếu đuối hay không. Từ màn kịch này nhiều kẻ đã nhanh chóng nổi lên và nhiều bước ngoặt bất ngờ đã diễn ra. Nhưng trong nhiều trường hợp, thân thế thực sự của kẻ tiếm quyền đến tận ngày nay vẫn nằm trong vòng bí ẩn.

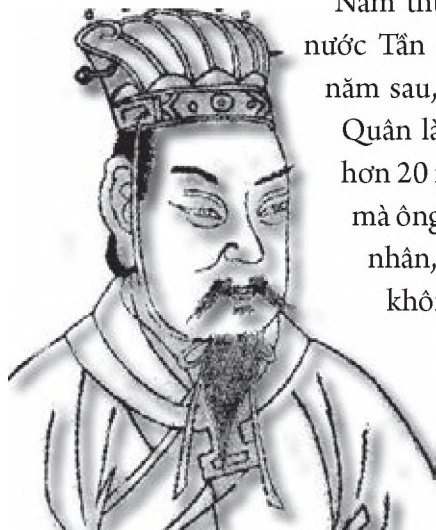
ra đời trong bí ẩn



Tần Vương Chính có phải là con của Lã Bất Vi?

Trong lịch sử Cổ đại Trung Quốc có một giai thoại kỳ, liên quan đến thân phận của Tần Thủy Hoàng, vị hoàng đế tàn bạo bậc nhất nhưng lại có công trong việc thống nhất đất nước Trung Quốc: cha ruột của ông không phải là vua mà là... một tay buôn vua tên là Lã Bất Vi. Nhưng có thật như vậy không?

Trở lại thời Chiến quốc ở Trung Quốc (khoảng thế kỷ thứ 5 TCN đến năm 221 TCN), từ sự sáp nhập của hàng trăm nước nhỏ, Trung Quốc chỉ còn lại 7 nước lớn là Tần, Hàn Triệt, Ngụy, Sở, Tề và Yên. Tần là nước mạnh nhất, liên tục uy hiếp 6 nước còn lại và dần dần thôn tính cả 6 nước. Nhưng đó là chuyện về sau, bối cảnh đề cập ở đây là khi 6 nước còn chưa rơi vào tay nhà Tần.



Lã Bất Vi

Năm thứ 40 đời Chiêu Tương Vương nước Tần (267 TCN), thái tử mất. Hai năm sau, vua cho con thứ là An Quốc Quân làm thái tử. An Quốc Quân có hơn 20 người con, nhưng ông và người mà ông yêu nhất và lập làm chánh phu nhân, là Hoa Dương phu nhân, lại không có con.

Từ Sở (công tử Dị Nhân) là con thứ của An Quốc Quân. Mẹ Từ Sở là Hạ Cơ không được vua yêu nên Từ Sở bị đẩy đi làm con tin của Tần

BUÔN GÌ LỜI NHẤT?

Lã Bất Vi trông thấy Tử Sở cơ hàn bèn về hỏi người cha, vốn cũng là một nhà buôn lớn: “Làm ruộng lời gấp mấy lần thua cha?” Cha ông trả lời: “Gấp mười”. Lã Bất Vi lại hỏi: “Buôn vàng bạc châu báu lời gấp mấy hả cha?” Người cha ngạc nhiên nhưng vẫn trả lời: “Gấp trăm”. Lã Bất Vi lại hỏi: “Buôn người lời gấp mấy?” Cha ông không hiểu bèn hỏi: “Sao con lại hỏi như thế?” Bất Vi bèn kể chuyện gặp công tử Di Nhân nước Tần đang làm con tin ở Triệu. Cha ông nghe xong liền nói: “Buôn người mà người đó làm vua thiên hạ, thì lợi đó không biết bao nhiêu mà kể”.

Bất Vi bèn bỏ tiền mua chuộc người giám sát Tử Sở, tiếp cận được Tử Sở và nói: “Tôi có thể làm cửa nhà ngài lớn lên”. Tử Sở cười, bảo: “Ông hãy tự làm cho cửa nhà ông lớn lên đã rồi hãy làm đến cửa nhà tôi”. Lã Bất Vi nói: “Thế thì ngài không biết: Cửa nhà tôi phải đợi cửa nhà ngài lớn thì mới lớn được!”

ở nước Triệu. Vì Tần nhiều lần đánh Triệu, giết người Triệu vô số nên Triệu rất thù Tần, bực đái Tử Sở. Tử Sở làm con tin ở Triệu, sống rất kham khổ.

● *Cuộc buôn vua*

Lúc bấy giờ, một nhà buôn cực kỳ giàu có là Lã Bất Vi đang ở Hàm Đan (kinh đô của Triệu) thì trông thấy Tử Sở rất đáng thương hại, nghĩ bụng: “Món hàng này lạ, có thể buôn được đây!”

Lã Bất Vi bèn lần la làm quen rồi đưa cho Tử Sở năm trăm cân vàng để tiêu dùng và đãi tân khách. Rồi lấy tiền mua của báu vật lạ, đem sang Tần dâng cho Hoa Dương Phu nhân, nhân đó tán tụng rằng Tử Sở tài giỏi, khôn ngoan, bạt thiệp, hiếu thảo với vua và

Hoa Dương phu nhân. Hoa Dương phu nhân không có con nên Bất Vi khuyên bà nhận Tử Sở làm con nuôi. Hoa Dương phu nhân bèn xin An Quốc Quân lập Tử Sở làm thừa tự. Danh tiếng Tử Sở từ đó càng nổi lên. Bất Vi lập mưu mời Tử Sở đến nhà, sai người thiếp yêu là Triệu Cơ ra rót rượu. Triệu Cơ là một kỹ nữ nổi tiếng ở Hàm Đan, đàn hay múa giỏi, lại đang có mang với Bất Vi, nhưng vì rất đẹp nên Tử Sở đem lòng say mê, bèn xin Bất Vi nhường cho. Bất Vi giả vờ tức giận nhưng cũng dâng Triệu Cơ cho Tử Sở. Tử Sở lập Triệu Cơ làm phu nhân, đến đủ tháng sinh con là Chính.

Năm 257 TCN, đời vua Chiêu Vương nước Tần, Tần sai Vương Ý vây Hàm Đan. Nước Triệu muốn giết Tử Sở. Tử Sở cùng Lã Bất Vi lập mưu đưa sáu trăm cân vàng cho kẻ canh giữ nên trốn được khỏi Triệu. Triệu muốn giết vợ con Tử Sở, nhưng Triệu Cơ là con nhà cũng có thân thế ở Triệu nên lẩn trốn được, nhờ thế mà mẹ con sống sót.



● Trở thành thừa tướng nước Tần

Năm thứ 56 (251 TCN), Chiêu Tương Vương mất, An Quốc Quân lên làm vua, tức là Tần Hiếu Văn Vương, lập Hoa Dương phu nhân làm hoàng hậu, Tử Sở làm thế tử. Vua Triệu cũng cho đưa Triệu Cơ cùng con là Vương Chính (húy là Doanh Chính) về Tần.

Tần Thủy Hoàng

Nhưng Hiếu Văn Vương lên ngôi được ba ngày đã mất. Tử Sở lên thay, tức là Trang Tương Vương, tôn mẹ nuôi là Hoa Dương hậu làm Hoa Dương thái hậu, tôn mẹ (Hạ Cơ) là Hạ thái hậu. Có ý kiến cho rằng chính Bất Vi chủ mưu hại vua Tần để Tử Sở sớm lên ngôi.

Năm đầu, Trang Tương Vương cho Bất Vi làm thừa tướng, phong là *Văn Tín Hầu*, được ăn thuế mười vạn hộ ở Hà Nam, Lạc Dương. Trang Tương Vương làm vua được ba năm thì mất. Thái tử là Vương Chính lên ngôi, tức Tần Thủy Hoàng sau này, tôn Lã Bất Vi làm tướng quốc, gọi là trọng phụ.

● *Lã Thị Xuân Thu*

Vua Tần tuổi nhỏ, thái hậu Triệu Cơ thường lén lút tư thông với Lã Bất Vi. Quyền lực nằm cả trong tay ông. Trong nhà Lã Bất Vi có đến vạn người. Bấy giờ ở Ngụy có Tín Lăng Quân (Ngụy Vô Kỳ), ở Sở có Xuân Thân Quân (Hoàng Yết), ở Triệu có Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng), ở Tề có Mạnh Thường Quân (Điền Văn), đều đua nhau chiêu hiền đãi sĩ. Bất Vi thấy Tần mạnh mà mình không bằng họ nên ganh ghét, cũng đón mời các kẻ sĩ, đãi rất hậu, khách ăn trong nhà có đến ba nghìn người. Khi ấy chư hầu có nhiều biện sĩ. Bất Vi bèn sai các khách soạn ra những điều mình biết, cho là đủ hết những việc trong trời đất, vạn vật, xưa nay, đặt tên sách là *Lã Thị Xuân Thu*. Ông bày sách ở cửa chợ Hàm Dương, đặt nghìn lạng vàng lên trên, mời các du sĩ của chư hầu ai có thể thêm bớt một chữ thì xin biểu một nghìn lạng vàng.

● *Người tình cũ trở thành người đàn bà dâm loạn*

Triệu Cơ càng nhiều tuổi thì đòi hỏi tình dục càng lớn. Lã Bất Vi một mặt không đáp ứng được, một mặt sợ Vương Chính

thông minh đỉnh ngộ ngày càng lớn lên, biết được chuyện giữa hai người thì sẽ mang vạ, bèn tìm một người tên là Lao Ái để trảm vào chỗ mình. Lao Ái là người có dương vật rất lớn. Bất Vi đưa Lao Ái về nhà, thường sai làm trò vui, lấy dương vật tra vào bánh xe gỗ, nhắc lên mà đi. Sau đó ông bần tin này cho thái hậu biết để nhử bà. Quả nhiên thái hậu cắn câu, muốn được có riêng Lao Ái. Bất Vi lại vẽ đường cho Thái hậu tặng tiền cho viên quan coi việc thiên để giữ lại dương vật của Lao Ái đồng thời cho y làm hoạn quan, nhờ vậy được vào hầu thái hậu.

Thái hậu cùng y gian dâm, sinh được hai người con, sợ người ta biết chuyện, bèn vờ xem bói nói nên tránh mùa dời cung sang đất Ung. Lao Ái thường đi theo được thưởng rất hậu, việc gì cũng



Triệu Cơ trong một phác họa hiện đại của Trung Quốc.

do Lao Ái quyết định. Nhà Lao Ái tột tở vài nghìn người, các khách cầu làm quan, làm môn hạ cho y đến hơn nghìn người. Lao Ái còn mưu với Thái hậu đọit vua chết thì phong con mình lên ngôi.



Lã Bất Vi và Triệu Cơ trong điện ảnh Trung Quốc

● *Kết thúc bi thương*

Năm thứ 9 đời Tần Vương Chính, tất cả những chuyện này bại lộ. Tần Vương Chính liền giao cho pháp đình xét xử. Việc này liên quan đến tướng quốc là Lã Bất Vi. Lao Ái bị *chu di tam tộc* (giết cả ba họ), hai người con của y và thái hậu cũng bị giết, còn thái hậu bị đày sang đất Ung. Nhà vua muốn giết cả Lã Bất Vi, nhưng vì Bất Vi thờ vua trước có công lớn, lại được các tân khách, biện sĩ nói giúp nên tha cho.

Tháng 10 năm thứ 10, Tần Vương Chính cách chức tướng quốc của Lã Bất Vi. Đến khi được Mao Tiểu thuyết phục, ông mới chịu sang Ung đón thái hậu về Hàm Dương và phong ấp cho Văn Tín Hầu Lã Bất Vi ở Hà Nam. Được hơn một năm, các tân khách cùng sứ



Một cảnh phim thể hiện hai nhân vật Triệu Cơ và Lao Ái

già của chư hầu đến thăm Văn Tín Hầu lũ lượt ở trên đường. Vua Tần sợ Văn Tín Hầu làm loạn, bèn viết thư nói: “Ông có công gì với Tần, mà Tần phong ông ở Hà Nam, ăn thuế của mười vạn hộ. Ông thân thích gì với Tần mà hiệu là Trọng Phụ?”

Rồi bắt đem cả nhà Bất Vi dời sang Thục. Lã Bất Vi tự liệu sẽ bị giết bèn uống thuốc độc tự tử.

● *Nhưng Vương Chính có phải là con của Lã Bất Vi?*

Những câu chuyện cung đình kể trên được nhiều sách sử ghi lại khiến người đời mặc nhiên cho Vương Chính là con của Lã Bất Vi. Nhưng những nhà nghiên cứu thời nay lại cho rằng có rất nhiều chỉ dấu cho thấy Vương Chính vẫn là con của Tử Sở.

Thứ nhất là phần lớn triều thần lúc bấy giờ vẫn tin Vương Chính là con của Tử Sở nên hết lòng ủng hộ. Chính vì vậy mà chính quyền của Vương Chính vẫn đứng vững trước cuộc binh biến do Phàn Ô Kỳ phát động nhằm dựng Thành Kiệu lên ngôi. Đại tướng Vương Tiễn đi dẹp cuộc binh biến này trả lời Phàn Ô Kỳ: “Thái hậu có mang mười tháng mới sinh, vậy nay tức là con tiên vương đẻ ra...” Ngay trong thời đó, những người theo thuyết gán Lã Bất Vi là cha Doanh Chính cũng không thể lý giải một cách khoa học vì sao Triệu Cơ lại mang thai Doanh Chính tới 12 tháng. Họ đành lập luận theo cách “thiên mệnh” rằng: “Có thể tại lòng trời muốn sinh ra một vị chân mạng thiên tử nên mới để người mẹ hoài thai lâu như vậy...”. Các nhà sử học thì lý giải: Thực tế, Doanh Chính chỉ nằm trong bụng mẹ 10 tháng kể từ khi Triệu Cơ về với Tử Sở. Do cộng thêm thời gian Triệu Cơ ở với Bất Vi, thời gian mới là 12 tháng.

Luận thuyết cho rằng Vương Chính là con của Lã Bất Vi do đó nhiều khả năng là sản phẩm của sĩ phu các nước chư hầu Sơn Đông bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt. Họ cảm hờn vì bị mất nước, nên nhân việc mẹ vua Tần từng là thiếp của Bất Vi để đặt ra chuyện này nhằm hạ thấp kẻ thù không đội trời chung của mình, phác họa hình ảnh của ông như một kẻ tiếm ngôi và giết cha.

Kẻ thách thức ngai vàng của nữ hoàng Catherine II

Một cô gái tên Tarakanova xuất hiện ở châu Âu, tự xưng là cháu gái của Peter Đại Đế, tức người thừa kế chính thức ngai vàng ở Nga. Thực hư như thế nào?

● *Con gái của nữ hoàng Nga với một kỵ binh Kozak?*

Lần đầu tiên mọi người nhìn thấy nàng là tại Paris năm 1772. Lúc đó nàng tự xưng là Aly Emetey, quận chúa Vladimir. Nàng nói mình không biết cha mẹ là ai, chỉ biết là được nuôi dưỡng ở Đức rồi sau đó được đưa sang Ba Tư...

Trong thời gian nàng ở Ispahan, một hoàng thân đã tiết lộ thân thế thực sự của nàng và thuyết phục nàng quay về châu Âu để chinh phục số phận. Quây quần bởi những nhân vật mờ ám và xảo quyệt, nàng gây ra nhiều điều tiếng ở Paris, London, Berlin. Và rồi, nàng bắt đầu kể rằng nàng là con gái của nữ hoàng Elizabeth nước Nga, người đã qua đời vào năm 1762. Dùng nhan sắc kiêu diễm của mình, nàng lôi kéo được sự ủng hộ của một số nhân vật nổi tiếng. Trong số những người này có bá tước Oginsky người Ba Lan và bá tước Rochefort Valcourt, cả hai đều yêu nàng say đắm.

Cô gái này liệu có con bài nào chính đáng để nhòm ngó ngai vàng mà nữ hoàng Catherine đã ngự trị suốt từ năm 1762?

Nữ hoàng Elisabeth tức người mà nàng gọi là mẹ, đã từng cai trị nước Nga trong thời gian từ 1741 đến 1762. Trong thời gian này, bà lên lút kết hôn với người mình yêu là Alexis Razum, một người lính kozak tầm thường. Liệu bà có con riêng với người đàn



Chân dung Catherine II, vị nữ hoàng cai trị nước Nga bằng bàn tay thép - Tranh của Dmitri Levitsky.

ông này không? Một số sử gia tin là có và thậm chí họ còn nói rằng hai đứa con của nữ hoàng đều mang tên Tarakanov, một người là hoàng tử Tarakanov còn người kia là công chúa Tarakanova.

● **Tất cả đều thông đồng chống lại nữ hoàng Catherine II**

Dù thế nào thì cô gái này cũng được rất nhiều người hậu thuẫn do sẵn có lòng căm ghét nữ hoàng. Ngoài ra, nàng cũng may mắn rơi vào tình thế có

lợi. Từ năm 1773, một người tên Pugachev đã gây xôn xao khắp các vùng nông thôn và thành thị Nga khi tự cho mình là Peter III, người chồng bị ám sát của nữ hoàng Catherine II. Kẻ mạo danh này đã làm lung lay uy quyền của nữ hoàng. Trong bầu không khí hào hứng từ sự xuất hiện của kẻ mạo danh Peter III, chuyện một cô gái tự xưng là con của cựu nữ hoàng Elizabeth cũng dễ được chấp nhận hơn.

Lúc đó, những người Ba Lan lưu vong kể từ khi tổ quốc bị chia cắt năm vào 1772 cũng đang âm mưu chống lại nước Nga. Họ xem nàng Tarakanova như một phương tiện để lật đổ nữ hoàng Catherine, kẻ mà họ vô cùng căm ghét vì đã áp dụng chính sách

cai trị sắt đá trên lãnh thổ bị chia cắt của họ. Do sợ uy tín quốc tế bị ảnh hưởng nên những người này không ra tay ám sát nữ hoàng mà chọn cách ủng hộ kẻ khác lên ngôi.

● *Bị hôn phu phản bội và bắt giữ*

Tarakanova xuất hiện ở Venice đầu năm 1774. Tại các nơi giới thượng lưu tụ tập, nàng luôn được đối xử như một nhân vật tối quan trọng, có khả năng trở thành nữ hoàng trong tương lai. Không chịu được sự sỉ nhục đó, nữ hoàng Catherine và Alexis Orlov, chỉ huy trưởng của chiến hạm Nga ở Địa Trung Hải, đã cùng lập mưu bắt nàng. Ngay sau khi Alexis Orlov tung tin mình bị thất sủng, chàng lập tức được Tarakanova gửi thư liên hệ vì lúc đó nàng cũng đang muốn tìm hậu thuẫn mới. Trong thư, nàng giải thích mối quan hệ giữa nàng với mẫu hoàng đã băng hà. Orlov xin được gặp nàng. Ngay từ lần gặp mặt đầu tiên, cả hai đã bị tiếng sét ái tình đánh trúng. Orlov hứa sẽ giúp đưa công chúa Tarakanova lên ngôi, đồng thời cũng hỏi cưới nàng. Đám cưới diễn ra sau đó ít lâu trên tàu của Orlov, tức trong phạm vi lãnh thổ của Nga. Ngay khi vừa đặt chân lên thuyền trong bộ áo cô dâu lộng lẫy, nàng công chúa đã bị bắt giải về Saint-Petersburg để tra hỏi.

Nàng Tarakanova kết thúc cuộc đời một cách bi thảm trong nhà lao Saint-Petersburg - Tranh của Konstantin Flavtski (1864).



NHỮNG VỤ GIẾT CHÓC ĐỂ TIẾM QUYỀN

Lịch sử nước Nga được đánh dấu bởi nhiều vụ giết người đẫm máu để chiếm đoạt ngai vàng.

Helen Glinsky, mẹ của Ivan Bạo Chúa (Ivan Hung Đế). Là người giữ cương vị nhiếp chính từ khi phu quân qua đời năm 1533, Helen Glinsky từ trần năm 1538, có khả năng do bị đầu độc bởi những hoàng thân có tham vọng tiến ngôi. Từ năm 1538 đến năm 1547, tức năm đăng quang của Ivan Bạo Chúa, bạo loạn đã diễn ra ở khắp nước Nga.

Năm 1682, ngay sau khi Sa hoàng Alexis vừa băng hà, hai dòng họ Miroslavsky và Narichkine đã đối đầu nhau nhằm tranh giành quyền lực. Peter con trai vua Alexis, được chỉ định làm Sa hoàng còn mẫu thân ông trở thành nhiếp chính. Nhưng em gái cùng cha khác mẹ với Peter là Sophia Narichkine đã tạo phản năm 1682 để chiếm quyền nhiếp chính và gây kinh hoàng khắp đất nước bởi chính sách cai trị tàn bạo của bà.

Năm 1689, Peter đoạt lại quyền lực, đẩy Sophia vào tu viện, đồng thời hành quyết tàn bạo những ai theo phe bà tại Quảng trường Đỏ ở Moscow. Sa hoàng Peter từ đó trị vì cho đến tận năm 1725, trở thành một trong những vị vua anh minh nhất của Nga mà ta vẫn gọi là Peter Đại Đế.

Sau khi nữ hoàng Elizabeth băng hà năm 1762, cháu của bà là Peter III trở thành hoàng đế Nga. Trước đó, vào năm 1745, ngài đã kết hôn với công chúa Catherine của Đức. Khi trở thành Sa hoàng, ngài đã gây bất mãn cho cả dân chúng lẫn triều đình bởi sự hà khắc và bất tài của mình.

Hoàng hậu Catherine, tức người sau này trở thành nữ hoàng Catherine II, đã lợi dụng sự bất mãn này để làm cuộc cách mạng lật đổ nhà vua. Kết quả là Sa hoàng bị truất ngôi và bị giam vào ngục tối. Không bao lâu sau, ngài qua đời một cách bí ẩn. Kẻ giết Sa hoàng có lẽ là Alexis Orlov, một trong những người chỉ huy cuộc nổi loạn.



● ***Kẻ thù đoạn hay người thừa kế hợp pháp?***

Người hỏi cung Tarakanova là quan chưởng ấn Galitsin. Do tiếp tục dưỡng binh tự xưng là con gái của nữ hoàng Elizabeth, nàng bị nhốt vào nhà lao Saint-Petersburg. Sức khỏe nàng kiệt quệ dần, nàng bắt đầu ho ra máu khiến cả Galitsin cũng cúi lòng. Ông xin nữ hoàng nương tay với nữ tù nhân nhưng đã quá muộn: Tarakanova qua đời trong tù ngày 4 tháng 12 năm 1775.

Nhiều tin đồn khác nhau về Tarakanova đã được cung cấp cho nữ hoàng Catherine. Có tin cho nàng là con gái một chủ quán rượu ở Praha. Lại có tin nói rằng nàng là con gái của một người làm bánh mì ở Đức, hoặc là một người Do Thái gốc Ba Lan. Không giả thuyết nào trong số này đứng vững được. Do không biết chắc nữ hoàng Elisabeth và chàng kozak Razum có con với nhau không nên không ai dám khẳng định nàng Tarakanova đúng là người mà nàng tự xưng.

Còn nếu quả thật là như thế thì có thể nói Catherine II đã ám hại người thừa kế chính thức ngai vàng trong nhà lao Saint-Petersburg.

tráo đổi hài nhi



Vụ “trộm long tráo phụng” của nước Pháp

Ngay từ lúc hạ sinh, Jean I đã mang thân phận của một vị vua nước Pháp. Nhưng chỉ 5 ngày sau khi sinh, đứa bé đã đột ngột qua đời trong hoàn cảnh hết sức bí ẩn. Có thể nói chắc chắn rằng đứa bé bị ám sát. Tuy nhiên, 30 năm sau bỗng đâu xuất hiện một người tên Giannino Guccio ở Siena (Ý). Người này tự nhận mình là Jean và thậm chí còn được một số triều đình châu Âu nhìn nhận.

● Phải chăng đứa bé sơ sinh bị chính chú mình ra lệnh hạ sát?

Khi vua Louis X Le Hutin băng hà ngày 5 tháng 6 năm 1316 thì người vợ thứ của ngài là Clémence xứ Hungary đang mang thai 3 tháng. Mọi người đều hy vọng đứa bé là trai bởi vua Louis X không có con trai nối dõi, mà luật đương triều thì lại không cho phụ nữ lên ngôi.

Charles de Valois, em trai của Philippe le Bel, triệu tập các quân thần trong triều đến để tôn Philippe de Poitiers, em trai vua Louis X lên làm “người tạm thời cai trị vương quốc”. Nếu như hoàng hậu Clémence sinh hạ con gái thì Philippe sẽ được



Nhờ Jean I bị ám sát nên Philippe V (hình) mới được lên ngôi. Một số người nghi ngờ là vị tân vương này đã tiếp tay gây ra cái chết của Jean I.

công nhận là vua, còn nếu sinh hạ con trai thì Philippe sẽ giữ quyền nhiếp chính cho đến khi đứa trẻ chính thức trưởng thành, tức khi nó lên 13 tuổi.

Sau gần 6 tháng chờ đợi, ngày 15 tháng 11 năm 1316, hoàng hậu Clémence hạ sinh một bé trai. Cả Paris hân hoan trước việc đất nước có tân vương, tức vua Jean I. Đứa bé rất khỏe mạnh và

TÌNH HÌNH NƯỚC PHÁP NĂM 1316

Dưới triều Philippe IV le Bel (1285-1314), nước Pháp thời Trung Cổ đạt đến đỉnh cao quyền lực. Nhờ có công chính đốn triều đình nên vương quốc đông dân nhất châu Âu này trở nên phồn vinh và không ngừng mở mang bờ cõi. Nhà vua luôn quy tụ quanh mình một đội ngũ luật gia đông đảo. Nhờ hoạt động cải cách hành chính triệt để và lâu dài nên nhà vua dần dần đạt được cương vị người đứng đầu một nhà nước tập quyền. Nhờ tiến hành nhiều đợt khảo sát dư luận quần chúng mà nhà vua và các cố vấn luật đã tạo ra được tinh thần đoàn kết dân tộc, từ đó hướng đến việc thống nhất miền Nam và miền Bắc nước Pháp, biến Paris thành thủ đô chính thức của vương quốc Pháp.

Thế mới biết vua Philippe quan trọng như thế nào và đất nước đã rối ren ra sao khi ngài băng hà. Người kế vị vua Philippe là Louis X le Hutin, một vị vua khiến các đại công hầu có thể ngẩng cao đầu trở lại. Tuy nhiên, ngài chỉ trị vì được hai năm thì mất. Khi ngài băng hà năm 1316, viễn cảnh đất nước phải trải qua thời kỳ nhiếp chính dưới sự cai trị của một vị vua chưa chào đời khiến mọi người vô cùng lo lắng và là cơ hội để những kẻ có tham vọng làm le nhòm ngó ngại vàng.



Vua Philippe IV le Bel

theo truyền thống, nó phải được trình diện với các đại thần trong triều. Nữ bá tước Mahaut d'Artois cầu xin hoàng hậu Clémence ban cho vinh dự được đưa đứa bé ra trình diện trước quần thần và được hoàng hậu chấp thuận. Ngày 19 tháng 11, nữ bá tước nâng cao đứa bé trước các đại thần trong triều. Ngay đêm hôm đó, đứa bé yếu dần rồi trút hơi thở cuối cùng vào rạng sáng hôm sau, tức sau đúng 5 ngày làm vua.

Tin đồn lập tức lan tỏa khắp triều đình. Mọi người tự hỏi vì sao nữ bá tước Mahaut d'Artois lại cố xin được trình diện đứa bé? Phải chăng là để bà có cơ hội ra tay hạ sát nó? Nữ bá tước vốn đã nổi tiếng từ trước là ma mãnh và bị nhiều người kiêng dè. Chính vì thế mà người ta đồn âm lên rằng đứa bé bị đầu độc hoặc bị bóp mạnh vào một bộ phận trọng yếu nào đó trên cơ thể.

Đây là giả thuyết cũng đáng tin vì nữ bá tước Mahaut đầy tham vọng này chính là nhạc mẫu của Philippe de Poitiers tức người sẽ trở thành vua Philippe V nếu như đứa bé tên Jean kia chết. Một số người còn nghi ngờ là Philippe đã tiếp tay với nữ bá tước. Tuy nhiên, tất cả mọi tin đồn đều ngưng bật ngay khi tân vương đăng quang.

● *Nhờ linh cảm nên tráo đổi long nhi*

Ba mươi năm sau, câu chuyện này lại bùng lên. Năm 1346, một người sống ở Siena tên Giannino Guccio đột nhiên xưng mình là Jean I. Ông ta thuật lại câu chuyện dựa theo trí nhớ và dựa vào những sự kiện mà một ẩn sĩ tên Jordan sống ở thị trấn Saint-Augustin đã kể cho ông. Năm 1345, Jordan được một phụ nữ quý tộc mời đến để bà xưng tội trước khi lìa đời. Người phụ nữ này tên là Marie de Carsi, trước kia là nhũ mẫu của cậu bé Jean bạc phận.

Theo lời bà kể, vào ngày 19 tháng 11 năm 1316, chỉ vài giờ trước khi đứa bé được đưa ra trình diện cho các đại thần, có hai tử tước vì lo sợ cho tính mạng đứa bé nên đã không giao Jean cho nữ bá tước Mahaut đáng gờm kia mà lấy một đứa trẻ khác trao vào chỗ của Jean. Đứa bé này là Giannino, con ruột của bà Marie và một người Ý tên Guccius Miri. Sau cái chết của con trai trong đêm hôm đó, người mẹ đau khổ được giao nhiệm vụ lén lút nuôi dạy vị vua nhỏ để cậu bé không bị người ta mưu hại lần nữa cho đến khi đến tuổi có thể tái xuất hiện. Nhưng hai vị tử tước sau đó đã không may bỏ mạng ngoài sa trường mà không kịp tiết lộ bí mật. Mười năm sau, cha đứa bé là Guccius Miri bắt đứa bé về nuôi nhưng không hề biết thân phận thật của nó.

● *Đức vua Giannino*

Dù là thật hay giả thì câu chuyện này cũng rất đáng tin. Nó đã thuyết phục được một số nhân vật quan trọng ở châu Âu khiến họ không ngần ngại tung câu chuyện này ngược vào trong nước Pháp để gây rối loạn cho cái vương quốc quá cường thịnh này. Một trong những người đầu tiên bảo vệ giả thuyết Jean còn sống là Cola di Rienzo, thượng nghị sĩ ở Roma, người từng một thời là nhà độc tài ở thành phố này. Chính ông ta là người đầu tiên nghe được chuyện này từ phái viên của đạo hữu Jordan và cho người đi tìm Giannino. Sau khi tìm ra chàng thanh niên này ở Siena và phân tích kỹ mọi giấy tờ trong hồ sơ, đến năm 1354 ông soạn một bản công bố nhằm trình bày tất cả mọi sự việc và khẳng định rằng Giannino là Jean I.

● *Cái chết thứ hai của Jean I trong tù*

Ở tuổi 40, cuộc sống của Giannino hoàn toàn bị đảo lộn. Vua Louis I của Hungary tức cháu trai của hoàng hậu Clémence cũng

bị thuyết phục bởi câu chuyện trên nên công nhận Giannino là Jean I. Chính phủ Siena dĩ nhiên cũng ủng hộ kẻ tự xưng là vua nước Pháp và cung cấp cho ông một ban cố vấn cùng quân thị vệ. Các lái buôn thành Venice cũng đổ tiền giúp Giannino tập hợp binh mã. Tuy nhiên vị vua đương triều của Pháp là Valois Jean II biệt danh Le Bon (*Người tốt*) rõ ràng là không thích việc một người lạ bỗng nhiên tranh ngai vàng của mình.

Được sự ủng hộ của người Anh, Giannino đến Provence và đóng quân ở bờ sông Durance. Nhưng đội quân quá yếu kém của ông không đương đầu nổi với Jeanne de Naples, nữ bá tước vùng Provence vốn ở cùng phe với vua Jean le Bon. Cuối cùng, “Vua Giannino” bị bắt ở gần thị trấn Uzès năm 1361. Tuy nhiên, nữ bá tước Jeanne từ chối không giao nộp Giannino cho vua Pháp mà giam ông vào ngục ở Naples. Đến năm 1363 thì Giannino qua đời trong tù, mang theo bí mật của mình xuống đáy mồ.



Sự xuất hiện trở lại của Jean I dưới cái tên Giannino đã làm lung lay ngôi vị của Jean II (ảnh), vua nước Pháp, biệt danh le Bon (Người tốt).

Chàng hoàng tử trong Tháp London

Năm 1491, ở Ireland, xuất hiện một kẻ cắp nghề ngai vàng nước Anh. Người này tự xưng là con trai thứ hai của Edward IV, bị chính chú ruột của mình ra lệnh ám sát 8 năm trước đây khi còn là một đứa trẻ.

● *Sự ăn năn của gã đao phủ*

Khi vua Edward IV băng hà năm 1483, ngài để lại 2 con trai và 5 con gái. Lúc đó, hoàng tử lớn nhất là Edward chỉ mới 13 tuổi. Quyền nhiếp chính được trao vào tay người chú của Edward V là Richard. Sau khi lên nắm quyền nhiếp chính, Richard nhanh chóng loan tin là cả hai hoàng tử đều không phải là con hợp pháp của vua Edward IV. Ông ta ra lệnh giam cả hai hoàng tử vào Tháp London, lúc đó là nhà tù của Anh, rồi xưng vương ngày 26 tháng 6. Mười ngày sau, ông chính thức đăng quang và lấy tên hiệu là Richard III.

Hai đứa trẻ sau đó bị James Tyrell, một thủ hạ thân tín của Richard, ám sát chết trong tù. Thi thể chúng được chôn trong Tháp ngay dưới chân cầu thang.

Tám năm sau, tức năm 1491, một thanh niên quý tộc điển trai, ăn mặc bảnh bao, đột nhiên xuất hiện ở cảng Cork ở Ireland. Có người nhận ra chàng là Richard d'York, con trai thứ của vua Edward (Quận công xứ York). Chàng thanh niên này cũng khẳng định điều đó và kể lại nguyên nhân khiến chàng thoát chết. Câu chuyện như sau: sau khi giết anh trai của chàng, những tên đao phủ cảm thấy hối hận nên đã giúp chàng trốn thoát. Chàng được

đưa đi giấu ở nhiều nước châu Âu, chủ yếu là Hà Lan rồi sau đó là Bồ Đào Nha. Khi nghe được chuyện này, toàn dân cảng Cork đón chào nồng nhiệt người mà họ tin là Richard d'York. Chàng thanh niên sau đó tìm cách liên hệ với triều đình các nước châu Âu và được khắp nơi đón nhận. Vua Jacques IV ở Scotland hứa ủng hộ chàng, còn vua Charles VIII ở Pháp thì mời chàng sang Pháp chơi. Thực ra thì cả hai vị vua này đều chẳng quan tâm gì đến nhân thân thực sự của chàng thanh niên mà chỉ vui mừng vì gây được phiền toái cho vua Anh.

● **Một hoàng tử...**

Richard quy tụ quanh mình một đám quần thần và đến sống ở lâu đài Amboise mà vua nước Pháp ban tặng. Tại London, Henry VII (lên ngôi vua nước Anh sau khi đánh bại vua Richard III năm 1485) vô cùng lo lắng trước việc các nước hậu thuẫn kẻ muốn tranh chấp ngai vàng của ông. Ngài đưa quân đến Calais (Pháp) và dàn quân ngay trước Boulogne. Vì không muốn gây chiến trở lại với Anh nên vua Charles VIII rút lại sự hậu thuẫn đối với Richard. Richard đành rời khỏi nước Pháp.



*Hai hoàng tử bên trong Tháp London -
Tranh của John Everett Millais (1884)*

Nhưng liền sau đó ông lại được vua Maximilien của Áo hậu thuẫn. Nhờ sự giúp đỡ này mà Richard tập hợp được một quân đoàn gồm 1.500 binh mã. Tháng 6 năm 1495, Richard cầm đầu 14 chiến hạm tiến vào bờ biển nước Anh. Quân của ông bị đẩy lui nhưng ông may mắn được vua Jacques IV dang tay đón nhận và cho ông nương nấu ở Scotland.

Vì hai người bằng tuổi nhau nên họ nhanh chóng nhận nhau là bạn. Richard được Jacques gả cô em họ Catherine dòng dõi hoàng

Vụ ám sát các hoàng tử con vua Edward

Trong tác phẩm Richard III, văn hào Shakespeare đã mô tả việc hạ sát hai hoàng tử con vua Edward IV thông qua lời kể của Tyrrel.

“Hành động bạo ngược và tàn nhẫn đã hoàn tất. Đây là tội ác lớn nhất, là vụ tàn sát thảm thương nhất mà thế gian này chứng kiến! Dighton và Forrest, những tên mà tôi mua chuộc để làm cái việc giết người vô nhân đạo này, là bọn vô lại bẩm sinh, những con chó khát máu. Vậy mà chúng cũng phải động lòng và bật khóc nức nở như hai đứa trẻ khi kể về cái chết thê lương của hai hoàng tử. Dighton nói: “Bọn trẻ năm đó, trông thật xinh xắn”. Forrest nói thêm: “Hai đứa trẻ vô tội ôm lấy nhau trong vòng tay trắng nuột. Đôi môi chúng như những cánh hồng mỏng đỏ gắn trên một cành hoa ở thời kỳ rục rở nhất. Trên gối nằm của chúng là một sách kinh. Nhìn thấy hình ảnh đó, suýt nữa tôi đã đổi ý. Ôi, nhưng chẳng biết sao mà ma quý...”. Nói đến đây, hấn ngừng lại để Dighton tiếp lời: “Chúng tôi đã bóp chết tác phẩm xinh đẹp nhất mà tạo hóa đã tạo ra suốt từ thuở khai thiên lập địa”. Và rồi chúng bỏ đi với tâm trạng dẫn vật và ăn năn đến mức không thốt được nên lời. Tôi cũng ra về để đem tin này dâng lên vị vua tàn bạo”.

tộc. Sau đám cưới, cả hai cùng nhau tham gia cuộc chiến chống Anh và chiếm được hai pháo đài gần biên giới.

Năm sau, thừa lúc hạt Cornwall nổi dậy chống vua Henry VII, Richard bèn nắm lấy cơ hội để tranh đoạt ngai vàng. Ông lên tàu đến vịnh Whitesand và tại đây ông được đón tiếp như một người đến giải phóng đất nước. Hàng ngàn người đổ xô ra nghênh đón kẻ tự xưng là Richard IV, vị vua hợp pháp duy nhất của nước Anh.

● ... hay con một lái buôn?

Tuy nhiên, khi đến ngày ra trận đối đầu với quân của Henry VII thì Richard tự nhiên hoảng sợ. Đêm trước ngày xung trận, ông

*Edward V và Quận công xứ York chờ ngày hành quyết trong tháp London -
Đanh tác của Paul Delaroche (1797-1856)*



bỏ trốn vào một tu viện... Thế là cuộc chiến không thành. Không thấy Richard đâu, đội quân tự động tan rã.

Henry VII bắt được ông đưa về London. Hoảng sợ, ông khai tên thật của mình là Perkin Warbeck, con trai một lái buôn người Flamand sống ở Tournai (Bi). Lạ một điều là nhà vua lại đối xử với ông rất trân trọng. Thay vì hành quyết hoặc ném ông vào ngục tối, ngài lại đưa ông đến lâu đài Westminster và ban cho ông một căn hộ lộng lẫy trong lâu đài. Người vợ chung thủy của ông là công chúa Catherine cũng đến sống cùng chồng. Cặp vợ chồng trẻ này thậm chí còn được phép ra phố chơi mà không có người đi theo canh giữ.

● *Kết cuộc đau thương của một tên bip bọm vô ơn*

Nhưng đến năm 1498, do tưởng nhớ quăng đời phiêu lưu mạo hiểm của mình nên Perkin Warbeck tìm cách trốn thoát. Ông bị bắt lại ngay sau đó và bị đưa đến Tháp London giam cùng với Edward Warwick, hậu duệ của dòng họ York và cũng là người cuối cùng của dòng họ Plantagenet, vốn cũng là người muốn tranh chấp ngai vàng nước Anh. Hai tháng sau, cả hai người tù rủ nhau trốn thoát sau khi hối lộ ít tiền cho cai ngục. Họ ăn mừng thành công của mình trong một quán rượu ở London, nhưng nhanh chóng bị bắt lại ngay tối hôm đó.

Lần này, vua Henry VII không còn độ lượng với tên bip bọm nữa. Warwick bị vút vào hầm tối của nhà tù Newgate và bị xử tội chết. Một sáng năm 1499, kẻ muốn tiếm ngôi để trở thành vua Richard IV đã bị treo cổ ở Tyburn.

Vụ án “đổi gái lấy trai” của triều đình Pháp

Tháng 10 năm 1773 tại cung Palais-Royal (Pháp), Công tước phu nhân de Chartres, vợ của Công tước Philippe d’Orléans đã hạ sinh một bé trai mang tên Louis-Philippe, người sau này trở thành vua nước Pháp trong khoảng thời gian từ 1830 đến 1848. Năm mươi năm sau, đột nhiên một nữ quý tộc gốc Ý tìm mọi cách để được công nhận là người thừa kế duy nhất của dòng Orléans.

● Vụ tráo trẻ sơ sinh được tiết lộ sau nửa thế kỷ

Tháng 7 năm 1823, một phụ nữ bí ẩn mang tước hiệu nữ Nam tước de Sternberg bắt đầu tiến hành hàng loạt hoạt động ở Pháp để chứng minh mình là con gái của Philippe d’Orléans. Philippe d’Orléans là vị hoàng thân rất nổi tiếng vì từng tham gia cuộc Cách mạng Pháp và cũng là phụ thân của Louis-Philippe, người mà toàn bộ dòng Orleans, nhánh thứ của dòng họ Bourbon, đặt kỳ vọng.

Vào thập niên 1820, Louis-Philippe được xem là người có triển vọng lên ngôi báu vì ông đại diện cho phe đối lập với chính quyền Phục Hưng.

Nữ Nam tước de Sternberg đã đưa ra những bằng chứng khiến mọi người nghi ngờ về tính chính danh của Louis-Philippe, một trong những nhân vật thuộc hàng cao quý nhất giới quý tộc và hơn nữa lại là người giữ vai trò chủ yếu trong ván bài chính trị của Pháp thời đó. Chính vì thế nên không ai có thể bác bỏ các bằng chứng này trước khi xem xét chúng cẩn thận.

Nữ Nam tước không giống một kẻ ưa mạo hiểm. Bà ra đời ở Ý vào tháng 4 năm 1773 trong một gia đình gốc gác tầm thường dưới tên gọi là Maria-Stella. Trên giấy tờ, cha bà là một cai ngục. Nhưng bởi bà rất xinh đẹp đồng thời lại giỏi ca hát và diễn kịch nên được ngài Newborough, một quý tộc già, để mắt và hỏi cưới. Kể từ đó, Maria-Stella sang Anh sinh sống. Không bao lâu sau, chồng bà qua đời và để lại cho bà một gia sản kếch sù. Bà tái hôn với một quý tộc Nga và trở thành nữ Nam tước de Sternberg.

Năm 1820 xảy ra một sự kiện lớn. Trước khi qua đời, phụ thân của nữ Nam tước là ông Lorenzo Chiappini đã để lại một lá thư, trong đó ông thú nhận mình không phải là cha ruột của bà. Ông cho biết vì tham tiền nên đã trao đứa con trai mà vợ ông vừa mới hạ sinh để đổi lấy đứa con gái của một nhân vật quyền quý. Tuy nhiên, trong thư ông lại không tiết lộ thân thế nhân vật này.

● “Đổi gái lấy trai”

Maria-Stella quay về thị trấn Modigliana nơi bà sinh ra, và sau một thời gian dài tìm hiểu, bà đã tái lập được các sự kiện xảy ra năm 1773. Thời đó, nữ Bá tước Borghi,

*Chân dung phỏng đoán của
Louise de Bourbon, nữ công tước
de Chartres - Tranh của Élisabeth-
Louise Vigée-Le Brun.*



BẰNG CHỨNG SỰ KIỆN

Đến nay mọi người đều tin vào việc trao đổi trẻ sơ sinh ở Modigliana vào năm 1773. Nhưng điều này không có nghĩa Philippe d'Orléans là Joinville bởi vào tháng 4 năm 1773, người sau này trở thành vua Louis-Philippe lúc đó còn đang ở trong bụng mẹ tại Pháp chứ không phải ở Ý.

Có một điều chắc chắn là Louis-Philippe sanh vào tháng 10 chứ không phải tháng 4. Làm sao có thể nghi ngờ sự ra đời của một hoàng thân khi sự kiện này được hàng chục người chứng kiến, hoặc làm sao có thể đưa một đứa bé 6 tháng tuổi ra trình diện với mọi người và nói rằng nó mới chào đời?

Chủ nhân tòa lâu đài ở Modigliana có tiếp một cặp vợ chồng người Pháp mà mọi người đều gọi là vợ chồng Bá tước de Joinville. Vị Bá tước này sau đó đã tiếp cận và làm quen với ông Chiappini, lúc đó đang làm cai ngục cho một nhà tù gần lâu đài.

Lấy cơ mình cần một đứa trai nối dõi để thừa hưởng gia tài, ngài Bá tước đã đề nghị với ông Chiappini một việc kỳ lạ: nếu Bá tước phu nhân hạ sinh con gái còn gia đình viên cai ngục sinh con trai thì hai gia đình sẽ đổi con cho nhau. Người cai ngục không chút do dự nhận lời bởi lẽ mọi đăn đo của ông ta đều biến mất trước đồng tiền mà ngài Bá tước đưa ra. Thế là cô bé Maria-Stella được khai sinh dưới tên người cai ngục mặc dù cha mẹ ruột của cô là những quý tộc Pháp.

● *Cả núi nhân chúng giúp chỉnh sửa hộ tịch*

Sau khi điều tra xong, Maria-Stella bắt đầu khởi kiện lên tòa án

giáo hội *Faenza* yêu cầu được chỉnh sửa hộ tịch. Bà đưa ra hàng loạt nhân chứng gồm bà con họ hàng của ông Chiappini, các luật gia, những người giúp việc, các nhà tu. Vì trực tiếp hoặc gián tiếp đánh hơi được tầm quan trọng của sự việc nên những người này đều nhất nhất xác nhận những điều mà Maria-Stella đưa ra. Cuối cùng thì bà thắng kiện. Ngày 29 tháng 4 năm 1824, theo phán quyết của tòa, giấy khai sinh của bà được sửa lại, ghi bà là con gái của cặp vợ chồng de Joinville.

Theo Maria-Stella thì Louis-Philippe không phải là người thừa kế của dòng họ Orléans. Trên hình là Louis-Philippe, “vua nước Pháp”, cùng con trai phía trước lâu đài Versailles.



Nhưng Maria-Stella không ngừng lại ở đó. Bà nhanh chóng nhận định ngài Bá tước de Joinville và Công tước Philippe d'Orléans chỉ là một. Sau khi trở về Pháp với con trai, ngài Công tước được trao quyền của dòng thứ, giúp ông có cơ hội để ngấp nghé ngai vàng. Như vậy, Louis-Philippe chỉ là một kẻ mạo danh và không có quyền mang cái tước hiệu mà ngài hiện đang mang.

● ***Chỉ suy đoán chứ không có bằng chứng cụ thể***

Từ năm 1823, nữ Nam tước bắt đầu lần theo các dấu vết ở Pháp để đi tìm những bằng chứng mà bà tin là thực, và bà đã phát hiện ra nhiều chuyện tày đình. Trước hết, danh hiệu de Joinville mà cha ruột bà sử dụng là một danh hiệu thuộc về dòng Orléans và bà là người kế tục duy nhất. Kế đó, bà phát hiện ra rằng Philippe d'Orléans và phu nhân thường đi du lịch dưới danh xưng là de Joinville để không bị ai nhận ra. Cuối cùng, khi so sánh lời các nhân chứng mô tả về người cha ruột của mình với hình ảnh và tính cách của Philippe, bà nhận thấy có nhiều điểm giống nhau đến kinh ngạc.

Nhưng tất cả những điều này đã đủ chưa? Có lẽ là đủ để thỏa mãn nữ Nam tước. Cho đến khi trút hơi thở cuối cùng năm 1843, bà vẫn không ngớt tuyên bố với mọi người rằng mình là người thừa kế hợp pháp duy nhất của dòng Orléans. Tuy được một số người ủng hộ, nhưng bà không phải là người duy nhất mang ảo vọng này.

những cái chết giả



Vị nữ anh hùng Jeanne d'Arc và giàn hỏa

Tin Jeanne d'Arc bị thiêu sống trên giàn hỏa ở Roen ngày 30 tháng 5 năm 1431 khiến nhiều người ngưỡng mộ nàng hoang mang và hoài nghi. Bốn năm sau, tức vào năm 1435, xuất hiện một cô gái tự xưng là Jeanne d'Arc. Cô gái này được cả gia đình lẫn bạn bè của nữ chiến binh đồng tình công nhận.

● *Phiên tòa nổi tiếng trong lịch sử*

Ngày 23 tháng 5 năm 1430, Jeanne bị một lính đánh thuê dưới trướng Công tước vùng Bourgogne tên Jean de Luxembourg bắt giữ. Luxembourg sau đó bán nàng cho người Anh, những kẻ rất mong muốn phá hủy uy tín của vị nữ anh hùng đã tiếp sức mạnh cho Pháp để giải phóng đất nước khỏi tay quân Anh. Đại học Paris - lúc đó bị quân chiếm đóng khống chế - đề nghị giao nàng cho tòa án dị giáo xét xử. Và thế là một phiên tòa đặc biệt đã được lập ra. Việc điều khiển phiên tòa được giao cho Đức Giám Mục vùng Beauvais là Pierre Cauchon, một giáo sĩ rất được Công tước de Bedford tin cậy.

Phiên tòa bắt đầu mở ngày 9 tháng 1 năm 1431 ở Rouen. Sau 6 tháng thẩm tra và tranh cãi, đến ngày 14 tháng 5, tòa tuyên bố Jeanne d'Arc can tội sùng bái thần tượng, thường xuyên chiêu hồn ma quỷ, đồng thời kết tội nàng ly khai Giáo hội và theo dị giáo. Họ đòi nàng phải công khai từ bỏ tất cả những lầm lỗi này trước toàn dân, đổi lại nàng sẽ thoát khỏi án tử. Ngày 24 tháng 5, không còn sức kháng cự, Jeanne đành chấp thuận. Tuy nhiên, chỉ ba ngày sau nàng rút lại lời hứa. Một phiên tòa nhanh chóng được lập ra và



Jeanne d'Arc tại lễ đăng quang của vua Charles VII tại thánh đường Reims - Tranh của Jean Auguste Ingres.

kết nàng vào tội tái phạm. Nàng bị đưa lên giàn hỏa.

Sáng ngày 30 tháng 5, Jeanne được đưa ra bãi đất trống ngoài chợ Rouen, trên đầu chụp một chiếc mũ lễ khiến không ai nhận ra. 800 binh lính được điều đến để ngăn không cho 10.000 người xem đến gần. Lệnh trên ban xuống là không ai được nói chuyện với tử tội. Đến 9 giờ thì đao phủ bắt đầu châm lửa vào giàn củi khô đã xếp sẵn. Vài phút sau, kẻ tội đồ qua đời.

● **Jeanne quay về tìm các anh**

Quả thật là có một cô gái đã bị thiêu chết, nhưng lấy gì chứng minh người đó chính là Jeanne d'Arc? Người ta bắt đầu rỉ tai nhau rằng Jeanne đã trốn thoát và đây là cuộc hành hình giả. Điều này cho thấy cả nước Pháp đều muốn tin rằng Jeanne còn sống.

Mùa hè năm 1435, một cô gái mặc quân phục xuất hiện ở Saint-Privé ở Lorraine. Nàng xin gặp hai anh trai của Jeanne d'Arc là Pierre du Lys và Petit-Jean và được họ đồng ý. Người ta kể rằng cả hai người đều sững sốt khi nhìn thấy vị nữ khách bởi, không nghi ngờ gì nữa, cô gái trước mắt họ chính là cô em tưởng đã chết. Cô gái kể rằng cô đã vượt ngục ở Rouen và sau đó lẩn trốn dưới cái tên là Claude. Câu chuyện này càng khiến hai người đàn ông tin chắc nàng là Jeanne. Kể từ đó, nàng sống chung với họ như người trong gia đình.

● **“Cô gái đồng trinh” lập gia đình, có con và thú nhận sự thật**

Cuộc sống này không kéo dài lâu. Năm 1436, cô gái kết hôn với lãnh chúa Robert Des Armoises. Chồng nàng không chút hoài nghi về thân thế của vợ. Ông tin nàng là một cô gái đồng trinh, là Jeanne du Lys - tước hiệu mà cô gái nông dân vùng Domrémy được vua Charles VII phong tặng. Khi Robert cho mở rộng lâu



Jeanne d'Arc.

ĐỘNG CƠ CỦA CÁC NỮ ĐỒNG TRINH LÀ GÌ?

Jeanne Des Armoises không phải là người duy nhất giả vai nàng Jeanne trốn thoát khỏi giàn hỏa. Những người sống ở thời Trung Cổ rất chuộng những câu chuyện tái xuất thần kỳ, vì thế những câu chuyện như thế không hề gây ngạc nhiên cho một dân tộc luôn mê say những huyền thoại về Trinh nữ. Thời đó do không có hộ tịch như bây giờ cho nên người này có thể mạo danh người khác khá dễ dàng.

Thường thì chỉ cần vài nét giống nhau là đủ để mọi người nhầm lẫn khi nhìn từ xa, phần còn lại là tùy vào cách thể hiện của kẻ giả mạo. Kẻ giả mạo làm việc này không phải chỉ bởi ưa thích phiêu lưu mạo hiểm mà có khi còn do lợi lộc. Có lẽ chính vì những lợi lộc đó mà gia đình Jeanne d'Arc đã nhận liều kẻ giả mạo. Suốt một thời gian, các anh của Jeanne d'Arc đã sống nhờ tiền quyên góp của các thành phố vì ngưỡng mộ các chiến công của cô em gái.

đài Jaulny, ông đã cho khắc hình vũ khí của Jeanne bên cạnh vũ khí của ông. Có lẽ cảm thấy thâm tình này của đức lang quân là chưa đủ nên tháng 8 năm 1436, nàng đã gửi sứ giả đến Orléans, Blois và Loches, tức những nơi mà nhà vua lui tới để thông báo là Jeanne d'Arc vẫn còn sống.

Nhưng vua Charles tránh không trả lời Jeanne. Người phụ nữ đó từ đó đành dành hết tâm trí cho gia đình. Nàng hạ sinh hai người con trai trước khi quyết định quay về Orléans năm 1439. Khi đến nơi, nàng được mọi người nhận ra và tung hô. Hội đồng thị chính mở tiệc mừng nàng, chỉ riêng nhà vua là vẫn chưa đồng ý cho nàng yết kiến. Năm 1440, Jeanne đến Paris.

Chuyện gì xảy ra lúc đó? Mặc dù không gặp bất cứ trở ngại nào và cũng không ai phủ nhận những điều nàng nói nhưng Jeanne Des Armoises đột nhiên thú nhận mình không phải là Jeanne d'Arc. Nàng kể lại câu chuyện thực của mình với các quan tòa ở

Paris. Vốn ưa thích mạo hiểm và là vợ một hiệp sĩ, nàng đã có một thời gian tham gia chiến trận trong đội quân của Giáo hoàng. Khi trở về Pháp, nàng chợt nảy ra ý nghĩ giả mạo Jeanne. Giờ đây nàng cảm thấy ân hận và xin lỗi vì đã lừa gạt mọi người.



Hình minh họa (trang 285)
Jeanne d'Arc tiến vào Orléans trong
khải hoàn -Tranh của Scherrer.

Vị vua bị mất tích

Ngày 11 tháng 6 năm 1557, vị vua già Jean III d'Avis của Bồ Đào Nha đột nhiên biến mất. Trong số các con trai của ngài chỉ có mỗi hoàng tử Sebastian lên 3 tuổi là sống sót. Bồ Đào Nha - vốn đang bị Castillan (thuộc Tây Ban Nha) đe dọa xâm lược - từ đó đặt hết mọi hy vọng vào cậu bé này.

● Một cuộc tái chinh phục nhân danh Chúa

Sebastian là đại diện cuối cùng của một dòng họ tuy danh giá nhưng có nhiều người chết yếu có lẽ do có nhiều người cùng huyết thống lấy lẫn nhau. Trong thời gian chờ Sebastian đến tuổi trưởng thành (13 tuổi) để cai trị vương quốc, người cô Catherine của Sebastian giữ quyền nhiếp chính. Chú của Sebastian là Đức Hồng y Henri thì giao trách nhiệm giáo dục vị vua nhỏ cho các thầy tu dòng Tên. Đến khi bước lên ngai vàng vào năm 1568, chàng thanh niên Sebastian đã thể hiện rõ rệt ảnh hưởng của nền giáo dục Thiên Chúa giáo. Về sấu não của Sebastian nhanh chóng gây lo lắng.



Vua Sebastian của Bồ Đào Nha muốn người Mauritania phải cải đạo.

Bị ám ảnh bởi những giấc mơ thần bí nhuộm màu tôn giáo, vị vua mới đăng quang từ chối việc kết hôn, mà đây lại là điều vô cùng cần thiết để duy trì cái triều đại mà ngài là hậu duệ cuối

cùng. Với tư cách là "sứ giả của Chúa và tu sĩ-chiến sĩ", ngài mong muốn quay về với truyền thống Bồ Đào Nha, đấu tranh chống Maroc trên tinh thần thập tự chinh.

Ước nguyện tấn công thế giới Hồi giáo của Sebastian đã ảnh hưởng mạnh đến tinh thần dân chúng thời đó. Một trào lưu Thiên Chúa giáo nhiệt thành đã dấy lên trở lại sau hàng thế kỷ, đòi hỏi sự triệt hạ những kẻ bàng bỗ và vinh danh Chúa trên toàn thế giới. Khắp nơi, người ta truyền tay nhau những lời tiên tri được viết thành sách. Trong số những tác phẩm lạ lùng nhất có tác phẩm *Đoán thi* của người thợ vá giày Bandarra, tiên đoán sự ra đời của vị chúa tể đã sáng tạo ra Nước Chúa dưới trần gian.

● **Điểm báo sao chổi và cuộc thám sát**

Ngày 10 tháng 11 năm 1577, một sao chổi đã băng qua bầu trời Lisbon hướng về Maroc ở phía nam. Vua Sebastian cho đây là điềm trời nên quyết định mở cuộc tấn công Mauritania, buộc dân chúng nước này cải đạo sang Thiên Chúa giáo. Trận quyết chiến diễn ra vào ngày 4 tháng 8 năm 1578.

Thế nhưng quân Bồ Đào Nha lại bị đè bẹp ở vùng đồng bằng Alcazar-Quiver. Những thành phần ưu tú nhất của giới quý tộc Bồ Đào Nha hoặc là bị tiêu diệt trong cuộc chiến kinh hoàng hoặc bị bắt làm nô lệ. Bản thân nhà vua cũng mất tích trong cuộc chém giết đó.

Cái tin kinh hoàng này bay về vương quốc khiến toàn dân rụng rời. Bồ Đào Nha không những mất một vị quân vương và quân đội mà còn mất cả một lớp quý tộc ưu tú nhất. Vị Hồng y già Henri, chú của Sebastian, lên cai trị đất nước trong 2 năm, nhưng đương nhiên là không có con cháu thừa kế. Khi ngài băng hà năm 1580, Bồ Đào Nha bị vua Philippe II của Tây Ban Nha xâm chiếm.



Sau trận đánh ở Alcacar-Quivir, vua Phillippe II của Tây Ban Nha lợi dụng sự mất tích của vua Sebastian để đánh chiếm Bồ Đào Nha.

● **Người đeo mặt nạ và tự giam mình trong tu viện phải chăng là nhà vua?**

Tuy nhiên, người ta vẫn đồn rằng vị vua trẻ Sebastian chưa chết do không ai dám quả quyết cái xác đưa về từ chiến trường với gương mặt trương phồng, rách nát và bắt đầu thối rữa có đúng là của nhà vua hay không. Ít lâu sau, lại có tin nói rằng vào đêm bại trận có 4 hiệp sĩ xuất hiện ngoài cửa thành Arzila của Tây Ban Nha, trong đó có một người trùm khăn che kín mặt. Có thể đó là vị vua mất tích.

Cũng có tin nói rằng, vào mùa đông năm 1578, Mendès Pacheco, ngự y của vua Sebastian, đã được gọi đến một tu viện xa xôi để chăm sóc cho một thanh niên đeo mặt nạ sống xa lánh

người đời. Phải chăng chàng thanh niên đó là Sebastian và ngài đang tự đày ải bản thân để sám hối vì đã làm mất tương lai của vương quốc? Rất nhiều người tin rằng ngài sẽ trở về ngày nào đó.

Kẻ mạo danh vua Sebastian ở Venice

Người đàn ông gốc Calabria này là một lái buôn tên Cauzone đã có vợ và hai con. Vợ con của Cauzone về sau đã được gọi từ Messine lên Naples để nhận diện hắn. Do thường xuyên đi lại buôn bán nên Cauzone đã vài lần đến Bồ Đào Nha. Tại đây, một tu sĩ dòng Đa Minh đã xúi giục hắn tự xưng là vua Sebastian của Bồ Đào Nha. Tu sĩ này đã dùng sắt nung đỏ in lên người hắn cho giống với các dấu in trên cơ thể vua Sebastian. Cauzone cũng giả bị thương ở tay còn tu sĩ dòng Đa Minh thì giả bị thương ở đầu. (...)

Ngoại trừ hành động điên rồ muốn giả mạo vua Sebastian, Cauzone là người rất đạo đức và sống rất thánh thiện. Chính vì thế kẻ đáng kết tội phản nghịch chính là gã tu sĩ đã xúi giục Cauzone.

Lời chứng của Y.M. Berce

Trong tác phẩm *Vị vua giấu mặt*, 1990

● *Truy tìm tông tích nhà vua*

Sebastianist là tên mà người ta đặt cho những người diễn giải các sự kiện và lời tiên tri báo hiệu sự trở về của vị vua trẻ. Chẳng bao lâu sau, đã có rất nhiều người tự xưng mình là vua Sebastian. Hiện tượng này phổ biến ở nông thôn (tuy ở thành thị cũng có), nơi một số thanh niên không những giả mạo nhà vua mà còn lập ra cả triều đình quanh mình. Một số vụ giả mạo vua, như vụ xảy ra năm 1598, thậm chí còn khá đình đám.

● *Kẻ mạo danh thành Venice*

Nơi xảy ra vụ này là thành phố Venice. Tháng 6 năm 1598 một người đàn ông ở Venice tự xưng mình là vị vua mất tích đang trở về sau chuyến đi sáu hồi dài. Những địa phương trung thành với vua Sebastian liền sục sôi nổi dậy đã giải thoát được “nhà vua” khỏi sự giam cầm của đại sứ Tây Ban Nha. Khi được thẩm vấn, người đàn ông này trả lời rất mãn tuệ, khiến người ta càng tin đã tìm lại được nhà vua. Nhưng khi đi qua vùng Toscana, kẻ mạo danh này đã bị chính quyền Florence bắt giao cho Tây Ban Nha. Hắn được giải về Naples để vị phó vương, Bá tước Lemnos, thẩm vấn lại. Tuy sau đó hắn bị xung vào đội chèo thuyền, nhưng vẫn được mọi người tôn kính như bậc quân vương. Không những thế hắn còn gây ấn tượng với cả các nhân vật quan trọng ở Tây Ban Nha như Công tước Medina Sidonia.

Cuối cùng, vua Philippe III quyết định dùng nhục hình buộc hắn khai nhận tội giả mạo. Hắn bị cắt đứt gân tay rồi đem treo cổ, xem như một bài học cho những ai mạo danh vua Sebastian. Kể từ đó, không ai dám thử vận may tương tự như thế nữa.

Một kẻ bịp bợm trở thành Sa hoàng

Tháng 3 năm 1591, hoàng tử Dmitri, em trai út của vua Fedor I, người có nhiều khả năng thừa kế ngai vàng, bị cắt cổ trong lâu đài Uglitch ở phía Bắc thành phố Moscow. Từ khi Ivan IV tức Ivan Hung đế qua đời vào năm 1584, nước Nga đã trải qua một thời kỳ vô cùng hỗn độn.

● Một cái chết đầy phức tạp và khả nghi

Chính vị vua đáng sợ Ivan IV đã ra tay giết chết con trai trưởng của mình. Sau khi ngài băng hà, người con trai thứ hai lên ngôi lấy danh hiệu là Fedor I. Vua Fedor là người yếu đuối, lại không có con cái và bị người đời đồn đại là gốc ghếch. Chính vì thế nên em vợ của nhà vua là Boris Godunov đã thừa cơ để ngôi lên.

Là người được Ivan IV để cử vào Hội đồng Nhiếp chính trước khi băng hà, Godunov dần dần triệt hạ tất cả các thành



*Dmitri già đã lên đến
tận ngai vàng.*

viên khác của Hội đồng để độc chiếm vương quyền từ năm 1587. Lúc đó hoàng tử Dmitri, con trai thứ ba của Ivan IV với một người vợ khác, vẫn còn bé. Hơn nữa cuộc hôn nhân giữa Ivan IV với bà Maria Nagaia, mẹ của Dmitri, cũng không được Giáo hội chính thống công nhận. Sau khi Ivan IV mất, Boris Godunov đày mẹ con hoàng tử Dmitri đến Uglitch, một nơi cách rất xa triều đình. Năm 1591, khi tìm thấy hoàng tử Dmitri bị cắt cổ chết, mọi người đều cho rằng việc này là do Godunov làm. Gia đình bên ngoại của đứa trẻ vì thế đã nổi dậy giết chết các sĩ quan cận vệ của Godunov. Được mật báo, Godunov cử một ban điều tra đến Uglitch dưới sự chỉ huy của hoàng thân Vassili Chuiski.



*Một trong các
"Sa hoàng Dmitri giả".*

Cuộc điều tra được tiến hành một cách cầu thả và vụng về. Các biên bản, báo cáo đều sai be bét và đầy mâu thuẫn. Theo kết luận chính thức của cuộc điều tra thì đứa trẻ chết là do tai nạn: trong lúc đang cầm một con dao dài chơi ở ngoài sân thì Dimitri lên cơn co giật và trượt chân ngã vào lưỡi dao khiến dao cứa vào cổ! Hải lòng với cách giải thích này, hoàng thân Chuiski quay trở về Moscow. Nhiều năm trôi qua, câu chuyện hầu như chìm vào quên lãng và Boris Godunov tiếp tục vươn cao trên con đường quyền lực. Bảy năm sau, tức năm 1598, khi vua Fedor I băng hà, Boris được Quốc hội phong làm vua. Nhưng hưng vận của vị Godunov này tỏ ra khá ngắn ngủi vì chính sách khoan dung tôn giáo và ý muốn kết thân với phương Tây của ông gây ra nhiều bất

mãn. Ngoài ra, chính sách hợp pháp hóa chế độ nông nô của ông cũng khiến ông bị giới nông dân căm ghét. Từ năm 1601 đến năm 1603, khi vương quốc bị nạn đói tàn phá, Godunov lâm vào hoàn cảnh tuyệt vọng.

● *Dmitri quay trở về và lên ngôi*

Từ thuở nhỏ Godunov đã bị ám ảnh bởi lời của một bà phù thủy. Bà này dự đoán ông chỉ làm vua được 7 năm, mà năm đó đã là năm thứ sáu. Dựa vào cuộc điều tra không chính xác năm 1591, khắp nơi trong vương quốc đều dậy lên tin đồn Dmitri còn sống và sẽ quay về để cứu lấy nước Nga. Năm 1604, ở nhiều nơi trong nước người ta kháo nhau về một người đàn ông tự xưng là Dmitri. Người này vốn là một tu sĩ kỳ quái mà mọi người gọi là Grigori Otrepiev. Chính nhờ cái tên “giả” này mà ông ta đã thoát khỏi những sát thủ mà Godunov đã phái đi.

Là người có sức lôi cuốn, Dmitri biết cách thuyết phục đám đông, khiến họ theo ông ngày càng đông. Nhờ được triều đình Ba Lan hỗ trợ quân sự nên ông quy tụ được một đội quân bao gồm những người lính kozak chống triều đình và những nông dân bất mãn. Giới quý tộc Nga, tức những đại diện chủ có ảnh hưởng chính trị rất lớn trong nước, lúc đó cũng tỏ ra thiện cảm với kẻ gây rối cho Sa hoàng Godunov. Chỉ trong vòng chưa đến một năm, Dmitri đã chinh phục được hết tỉnh này đến tỉnh khác.

Lời tiên tri của bà phù thủy đã thành hiện thực vì, sau 7 năm cai trị, đến năm 1605 thì Godunov đột nhiên qua đời một cách khó hiểu. Con trai của ông kế vị ngôi sa hoàng và lấy tên là Fedor II, nhưng vị vua này cai trị chưa được bao lâu thì đã bị giết chết cùng toàn thể gia đình. Moscow mở rộng cửa chào đón Dmitri, kể từ hư

không trở thành Dmitri V, con trai của Ivan Hung đế. Chuiski, người chính mắt chứng kiến đứa trẻ bị cắt cổ, cũng lặng im không nói gì. Còn bà Maria Nagaia, mẹ của sa hoàng, thì công khai thừa nhận hoàng đế là con mình.

● **Bị cắt cổ lần hai**

Nhưng rồi sự phẫn khích từ việc Dmitri lên nắm quyền đã nhanh chóng nguội lạnh. Tuy vị tân Sa hoàng là một

nhà chính trị khá thông minh và tài ba nhưng các biện pháp kinh tế xã hội của ông cùng mối thiện cảm mà ông dành cho các nước phương Tây đã nhanh chóng làm ông mất lòng dân. Các quý tộc nhanh chóng liên kết với nhau chống lại Sa hoàng bằng cách tung tin đồn Dmitri là kẻ giả mạo.

Đến tháng 5 năm 1606 thì Dmitri bị lật đổ và bị cắt cổ... lần hai.

Bà Maria Nagaia chối phắt chuyện bà công nhận trước đó và quả quyết gã Dmitri kia là giả mạo. Người sau đó được giới quý tộc ủng hộ lên ngôi báu không ai khác hơn là Vassili Chuiski. Sau khi lên ngôi, Chuiski muốn khôi phục trật tự trong nước và niềm tin của dân chúng vào triều đình nhưng không thành. Thi thể của Dmitri bị đưa ra trình trước công chúng, trên mặt đeo một chiếc



*Giây phút cuối cùng của Dmitri giả.
Tranh của Karl Wenig, năm 1879*

mặt nạ để che vết thương ở cổ. Chính vì thế đã có những lời đồn là nhà vua vẫn còn sống.

Sau đó, lại có nhiều Dmitri khác xuất hiện khắp nơi trong nước. Kẻ thì xưng mình là vị vua Dmitri từng nắm vương quyền, người thì xưng mình là đứa trẻ khi xưa tưởng như đã bị cắt cổ.

● *Số người tự xưng là Dmitri tăng nhanh*

“Sa hoàng vùng Tuchino” được “mẹ” (bà Maria Nagaia) và vợ của Dmitri (cùng tu sĩ Sidoine và nhiều người khác) công nhận. Hẳn vì thế mà làm mưa làm gió và gây nhiều rối loạn trong nước. Chỉ trong 6 năm, nước Nga đã chứng kiến hàng loạt kẻ tự xưng mình là Dmitri. Do không thể văn hồi trật tự trong nước nên Sa hoàng Vassili Chuiski bị truất ngôi và vương quốc vì thế lâm vào cảnh không người cai trị. Năm 1612, lợi dụng sự hỗn độn này, một cuộc chiến chống Ba Lan do hoàng thân Pojarski và Kuzma Minin khởi động đã nổ ra, giúp nước Nga hợp lại thành một liên bang. “Sa hoàng vùng Tuchino” bị treo cổ còn tu sĩ Sidoine bị đóng cọc. Những Dmitri thoát chết đã lùi vào thế giới vô danh trước đây của mình.

Tháng 2 năm 1613, Quốc hội đưa một thiếu niên 15 tuổi tên Michael Fedorovitch Romanov lên ngôi Sa hoàng. Thiếu niên này là cháu của hoàng hậu Anastasia Romanova, vợ thứ nhất của Sa hoàng Ivan IV. Triều đại Romanov kể từ đó trị vì suốt hơn 3 thế kỷ.

Sự sám hối của vua Alexander I

Sau khi Sa hoàng Alexander I băng hà, nước Nga không ngừng than khóc vị hoàng đế từng đánh bại Napoléon này. Tuy nhiên, trước thi thể của người được cho là Sa hoàng, tin đồn đã nhanh chóng lan ra, cho rằng Alexander vẫn chưa chết. Mười một năm sau, xuất hiện một người kỳ lạ mang tên Fedor Kuz'mich lang thang trên các cánh đồng Siberia...

● *Vị sa hoàng sầu muộn*

Tất cả bắt đầu vào một tối tháng 3 năm 1801. Vị hoàng tử trẻ Alexander đồng ý tham gia âm mưu lật đổ phụ hoàng của mình là Sa hoàng Paul I, một hoàng đế ít được lòng dân. Những kẻ tạo phản trong triều đình lúc đó hứa với Alexander rằng sẽ chỉ đày hoàng đế đến một vùng đất bình yên. Nhưng họ đã không làm như thế. Ngày 23 tháng 3, một cuộc tàn sát đẫm máu đã diễn ra ngay trong cung vua.

*Alexander I, Sa hoàng nước Nga -
Tranh của Nam tước François Gérard.*



NƯỚC NGA ĐẦU THẾ KỶ XIX

Nga là thành viên lớn nhất của Liên minh Thần thánh, một hiệp ước ký kết năm 1815 với vua Áo và vua Phổ ủng hộ một lý tưởng công giáo chung, theo đó 3 nước sẵn sàng giúp đỡ và hỗ trợ nhau khi cần thiết.

Thời đó, đế chế Nga đeo đuổi giấc mơ mở rộng bờ cõi xuống vùng Caucasus, Armenia và dãy Balkans. Tuy nhiên, đứng về mặt chính trị và kinh tế thì Nga lạc hậu hơn so với các quốc gia còn lại ở châu Âu. Việc hành quyết hàng loạt nông dân và đày họ đến Siberia là giải pháp duy nhất của Nga để ngăn chặn sự nổi dậy của nông dân do bất mãn với chế độ nông nô ở Nga.

Khi Alexander biết được thì đã muộn. Ngài cảm thấy như mình phải chịu trách nhiệm về cái chết của phụ hoàng. Là một người ngoan đạo đến sùng tín, ngài cảm thấy mình có lỗi và ân hận suốt đời.

Alexander được dân chúng Nga rất yêu mến. Tuy không phải là một nhà dân chủ vĩ đại nhưng vị quân vương kế vị nữ hoàng Catherine II và Paul I này là người có đường lối ôn hòa. Chẳng hạn, ngài cho phép nông nô chuộc lại tự do của mình.

Năm 1812, Alexander đã cứu nước Nga khỏi cuộc xâm lược của quân Pháp. Ba năm sau, lúc Napoléon sụp đổ thì cũng là lúc Alexander vươn đến đỉnh cao vinh quang.

Sau đó là một thời kỳ bình yên. Nhưng đất nước càng bình yên thì Sa hoàng càng sầu muộn do không chịu nổi sự ăn không ngồi rồi. Ngài đi chu du khắp vương quốc để trốn tránh những kỷ niệm

đau buồn. Chính trong thời gian này, ngài đã bị nữ Nam tước Krudener và một người Lyon tên Bergasse thuyết phục cải sang đạo Tin Lành, dòng giám lý. Từ lâu, Alexander đã mong muốn từ bỏ quyền lực. Ngài không nhắc lại việc ngài sẽ thoái vị trước năm 50 tuổi. Trước ngày biệt tích một năm, ngài viết thư cho vua Guillaume của nước Phổ, nói rằng ngài dự định nhường ngôi cho em trai là Nicholas để lui về ở ẩn.

● *Xác chết ở Taganrog có phải là của Alexander?*

Ngày 16 tháng 11 năm 1825, Alexander đến lâu đài Taganrog ở bờ biển Azov. Lúc đó ngài vừa tròn 50 tuổi. Mười lăm ngày sau, tin ngài băng hà được loan truyền. Theo công bố chính thức, Sa hoàng qua đời do bệnh sốt rét. Nhiều tài liệu chứng thực việc này và biên bản giải phẫu cũng mang chữ ký của các ngự y. Tuy nhiên sau đó chính các ngự y này thú nhận họ không có mặt ở Taganrog ngày hôm đó. Như vậy, biên bản rõ ràng là giả. Hơn nữa, kết luận của biên bản rất mâu thuẫn với những gì người ta biết về Alexander. Trong biên bản không hề đề cập đến tình trạng phù lá lách, một triệu chứng hiển nhiên của bệnh sốt rét. Ngoài ra, biên bản còn đề cập đến vết sẹo bên chân phải của Sa hoàng trong khi chiếc chân bị sẹo lại là chân trái. Biên bản cũng nói đến các di chứng tổn thương não do bệnh giang mai để lại nhưng trên thực tế thì hoàng đế chưa từng mắc bệnh này.

Thường thì thi hài một hoàng đế phải được đặt nhiều ngày nơi công cộng để công chúng đến viếng. Nhưng tại nhà thờ Taganrog, những người viếng thi hài hoàng đế đều vô cùng ngạc nhiên vì như lời mô tả của hoàng thân Volkonsky, “gương mặt Sa hoàng bị làn không khí ẩm ướt làm cho trở nên xám xịt còn nét mặt người hoàn toàn thay đổi”. Bốn mươi năm sau ngày Alexander băng hà,

cháu của ngài là Sa hoàng Alexandre III đã cho quật mồ để chấm dứt những lời đồn thổi. Tuy nhiên, khi quan tài được mở ra thì người ta thấy bên trong trống rỗng.

● **Tu sĩ kỳ lạ ở Krasnoretchensk**

Mười một năm sau ngày Sa hoàng Alexander I qua đời, vào mùa thu năm 1836, cảnh sát bắt được một người trạc khoảng 60 tuổi ở Perm. Người kỳ sĩ có phong thái quý tộc này tự xưng mình là một kẻ lang bạt tên Fedor Kuz'mich và vừa trở về từ một chuyến đi dài đến Đất thánh. Cảnh sát vô cùng ngạc nhiên trước phong

*Cuộc gặp gỡ giữa Alexander I và Napoléon ở Tilsit.
Tranh của Serangeli, Gioacchino vẽ năm 1807.*



thái vương giả của người này. Nhưng chiếu theo luật lệ về tội lang thang, họ phải trục xuất người này đến Siberia. Ông ta không phản đối. Suốt nhiều năm trời, ông làm việc ở lò chưng cất rượu rồi sau đó chuyển sang làm việc trong một mỏ vàng. Nhưng Kuz'mich không phải là người bình thường. Ở ông toát ra một thần thái cao thượng và đức tin lớn lao. Dần dần mọi người đều coi ông như một tu sĩ hướng dẫn tinh thần, một thánh nhân.

● *Kẻ lang thang được một quân nhân nhận ra*

Fedor Kuz'mich sống trong một căn nhà nhỏ ở Krasnorechensk và không có nhiều nhu cầu. Tuy nhiên, có rất nhiều người thường xuyên lui tới chuyện trò với ông trong đó có Đức Giám mục vùng Irkutsk. Người đàn ông này khiến mọi người kinh ngạc vì ông nói được nhiều ngôn ngữ, biết rõ mọi sự kiện chính trị và mọi nhà lãnh đạo nổi tiếng. Ông tỏ ra rất hứng khởi mỗi khi kể về cuộc chiến năm 1812 và chuyện Sa hoàng Alexander I tiến vào Paris với những tình tiết chính xác lạ lùng.

Tất cả những người biết ông đều nhận định là ông hẳn đã phải trải qua các sự kiện này và là một nhân vật cấp cao trong chính phủ. Một cựu quân nhân trở về từ chiến trường đã nhận ra ông là Sa hoàng Alexandre I và quỳ xuống trước mặt ông, nhưng Fedor Kuz'mich nổi giận và buộc người lính phải im lặng. Một lần nữa ông lại nói “Tôi chỉ là kẻ lang thang đây đó”.

Từ đó các sử gia luôn tìm mọi cách để điều tra lai lịch của “kẻ lang thang”. Nhiều tài liệu cho thấy “kẻ lang thang” được nhiều người trong hoàng tộc bí mật ghé thăm, vì thế nên rất có khả năng Fedor Kuz'mich và Alexander I chỉ là một.

P h ầ n 2

VÉN MÀN BÍ MẬT

CÓ AI TRONG CHÚNG TA CHƯA TỪNG MƠ ƯỚC ĐƯỢC TRƯỜNG SINH BẤT TỬ HAY TRẺ MÃI KHÔNG GIÀ? CÓ AI CHƯA TỪNG ÍT NHẤT MỘT LẦN TRONG ĐỜI MUỐN BIẾT TRƯỚC VẬN MỆNH? AI CHƯA TỪNG MƠ SỞ HỮU MỘT KHO TÀNG VÔ TẬN? KHOA HỌC HUYỀN BÍ ĐÃ TOÁN TÍNH BIẾN NHỮNG MONG MUỐN XƯA NHƯ TRÁI ĐẤT NÀY THÀNH HIỆN THỰC. RẤT NHIỀU NHÀ THIÊN VĂN, NHÀ LUYỆN KIM VÀ NHỮNG KẺ CUỒNG TƯỚNG ĐÃ DÀNH CẢ CUỘC ĐỜI ĐỂ THEO ĐUỔI NHỮNG GIẤC MƠ NÀY.

Với thứ ngôn ngữ giàu tính biểu tượng, những công trình thí nghiệm thuở xưa thường phủ một lớp bọc huyền bí và mang đến những kết quả không kém phần bí hiểm. Tuy nhiên, các phương pháp thần bí cùng vô số những trò bói toán cũng đã góp phần mở đường cho... cuộc cách mạng khoa học ở thế kỷ 17. Chính Newton là người đã khẳng định như thế, mặc dù ông là người sáng lập ra khoa học cổ điển. Bản thân Newton cũng là một tín đồ của thuật giả kim...

bất tử



Người thọ 969 tuổi

Cái chết có lẽ là rào cản lớn nhất của loài người. Chính vì thế mà từ xa xưa đến nay con người đã không ngừng lao vào cuộc chiến nhằm tìm cách trì hoãn khoảnh khắc định mệnh của mình.

- **“Già như cụ ông Methuselah”**

Có thời con người hướng tới ma thuật hay thuật huyền bí để tìm sự bất tử. Ngày nay thì người ta hướng tới khoa học. Dù là thời nào thì con người vẫn luôn vẽ ra trí tưởng tượng câu chuyện về những nhân vật sống mãi với thời gian.

Methuselah trong tranh của Piero della Francesca (1420-1492)



Tuổi thọ của Methuselah - một trong những trưởng lão đáng kính sống ở thời khai sơn lập địa - luôn là đề tài gây xôn xao. Gần như điều duy nhất được nhắc tới trong các đoạn kinh sách về nhân vật này là tuổi thọ của ông: 969 tuổi! Đây là con số kỷ lục bởi ông cố của Methuselah là Adam chỉ sống được 930 năm, ông nội của Mathusalem là Seth chỉ sống được 912 năm còn cha của ông là Henoch chỉ sống được 365 năm (thực ra không phải Henoch chết mà là bị Thiên Chúa “bắt đi” sau khi đã sống một cuộc đời hoàn hảo). Con trai của Methuselah là Lamech chỉ sống được 177 năm. Tuy nhiên, tuổi thọ của dòng tộc này tăng mạnh trở lại với Noah, nhân vật sống sót sau trận Đại hồng thủy. Noah qua đời ở tuổi 950.

● ***Phải chăng một năm tuổi dài bằng một tháng?***

Người ta đưa ra hai giả thuyết nhằm giải thích cho sự trường thọ hoang đường này mặc dù hai giả thuyết đó không phủ nhận lẫn nhau. Theo giả thuyết thứ nhất thì số năm tuổi của các vị trưởng lão này là số tháng tuổi của họ. Nếu tính theo cách này thì Adam sống được 77 tuổi, Seth 76 tuổi, Methuselah gần 81 tuổi, Henoch 30 tuổi còn Noah thì sống đến 79 tuổi...và Lamech sống chưa được 15 năm. Những người chép kinh đã nâng tháng thành tuổi để tôn vinh những nhân vật mà họ ngưỡng mộ. Theo một giả thuyết khác do các chuyên gia về Kinh Thánh nêu ra thì số tuổi siêu nhiên này là nhằm xác lập một phả hệ hoàn hảo, chỉ căn cứ trên chỉ một số ít cái tên trong một giai đoạn tiền sử rất dài.

Đây là cách giải thích của linh mục Berose người Chaldea trong quyển sách về lịch sử Babylonia khoảng năm 280 TCN. Berpse viết rằng triều đại của 10 vị vua ở thời kỳ hồng hoang kéo dài không dưới... 432.000 năm.

MA CÀ RỒNG VÀ CÁC NHÀ GIẢ KIM

Để chống lại sự tàn phá của thời gian, con người thường cậy đến thế lực siêu nhiên.

Con đường vương giả. Thuật giả kim được xem là một nỗ lực dùng kiến thức để đoạt lại những bí mật cổ xưa và những đặc quyền đã mất từ thuở hồng hoang. Trong số các quyền năng bị mất có sự bất tử. Suốt nhiều thế kỷ, các nhà giả kim đã làm mọi cách để tìm hiểu bí mật về thuốc trường sinh bất lão, một loại "thức uống vàng" giúp cơ thể quay trở về với tình trạng bất tử thời Adam và Eva. Theo truyền thuyết, một số người như Nicholas Flamel, bá tước Saint-Germain, nhà giả kim người Ả Rập Arterphius sống vào thời Trung Cổ đã làm được chuyện này.

Ma cà rồng. Ma cà rồng không phải là người chết mà là người "bất tử", tức một sinh vật nằm ở ranh giới giữa sống và chết. Người ta đạt được sự trường sinh (dù là ngoài ý muốn) qua việc bị là nạn nhân của một ma cà rồng khác. Tình trạng bất tử nửa vờ này là nỗi đày đọa với ma cà rồng.

Con đường ma thuật. Muốn sống lâu, con người phải liên kết với các thế lực đen tối. Một số đại phù thủy *macumba* (một dạng ma thuật của Brazil) nhờ đó mà được đồn là sống đến hai thế kỷ. Ngoài ra, các tác giả khoa học giả tưởng như Lovecraft còn hình dung ra một dạng "ma cà rồng tâm lý", tin vào việc hút hết sinh lực dồi dào của những người trẻ để không bị già đi.

Jeanne Calment, “người phụ nữ cao tuổi nhất nhân loại”, trong lần kỷ niệm sinh nhật thứ 120 (bà qua đời ở tuổi 122).



CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG NGƯỜI BẤT TỬ

Ngay từ năm 3000 TCN, thần thoại Assyria - Babylonia trong *Sử thi Gilgamesh* cũng đã đề cập đến khả năng bất tử của con người. Đề tài này âm thầm đi vào lịch sử văn học cho đến tận thế kỷ 19 rồi sau đó nổ rộ ngay trong lòng một trào lưu cho đó là tai họa. Những tác phẩm lớn như *Gã Do Thái lang thang* của Eugene Sue (1845), *Cô ấy, kẻ phải được tuân theo* của Henry Rider Haggard (1887-1923), *Dracula* của Bram Stoker (1897) hay chuỗi tác phẩm nổi tiếng kể về vị bác sĩ bí ẩn *Nikola* của Guy Boothby (1895-1901) đều thể hiện giấc mơ bất tử của con người, mà cuối cùng thường biến thành ác mộng. Đến thế kỷ 20, tiến bộ khoa học đã đem đến một nguồn đề tài mới, tuy nhiên nội dung chi phối các truyện kể vẫn là tư tưởng cho rằng sống quá lâu chỉ đem lại phiền não, và con người chỉ có được sự trường sinh bằng những thỏa hiệp khó chấp nhận, chẳng hạn như chuyện nhà bác học Faust thỏa hiệp với quỷ dữ để được trẻ lại.

● ***“Rào cản sinh học”***

Trải qua nhiều thế kỷ, lịch sử cho chúng ta bức tranh trung thực hơn về những cá nhân có số tuổi vượt xa những người cùng thời. Một mặt, người thời nay sống lâu hơn người Cro-Magnon gấp ba lần. Mặt khác, các nghiên cứu gần đây đã dựng một rào cản sinh học cho loài người bằng cách giới hạn số tuổi của họ quanh con số 110. Một người Colombia sống ở năm 1958 có thể đã đạt đến số tuổi 160. Đây là một kỷ lục được ngành bưu điện Colombia kỷ niệm bằng cách phát hành con tem “người già nhất thế giới”. “Người phụ nữ cao tuổi nhất nhân loại” được cho là cụ bà Jeanne Calment, người Pháp. Cụ qua đời ở tuổi 122. Khái niệm rào cản sinh học được giáo sư người Mỹ Leonard Hayflick đưa ra năm 1965. Các thí nghiệm của ông cho thấy các tế bào hoạt động như thể chúng có một dạng đồng hồ sinh học bên trong, giúp chúng xác định trước thời gian sống và thời gian phân bào. Nói theo nhà văn châm biếm Pierre Dac thì người ta chỉ chết vì “không biết cách sống” mà thôi.

NGUỒN NƯỚC THANH XUÂN CHẮY NƠI NÀO?

Đây là câu chuyện thần thoại Hy Lạp - Latin thời Cổ Đại. Trong chuyện, thần Jupiter biến nữ thủy thần Jouvence (trong tiếng Latin, *Juventa* có nghĩa là tươi trẻ) thành một nguồn nước mà ai tắm trong đó đều trẻ ra. Mỗi năm một lần, nữ thần Junon đến đó tắm để duy trì sự tươi trẻ.

Đề tài suối nguồn tươi trẻ rất được ưa chuộng thời Trung Cổ. Quả thực, từ thế kỷ 12, người Công giáo châu Âu bắt đầu thay đổi tư duy, cho rằng có thể cải thiện thế giới thần thánh và loài người. Nếu như trước đó tư tưởng này được xem là táo bạo thì đến thế kỷ 12 nó được số đông các nhà thông thái đồng tình. Huyền thoại về mạch nước đem lại tuổi thanh xuân dễ dàng được chấp nhận trong cộng đồng Thiên Chúa vì ngay cả trong kinh Sáng Thế cũng đề cập đến sự hiện hữu của một “nguồn nước của sự sống” ngay dưới chân Cây sự sống giữa Thiên đường hạ giới. Chính tại đây nguồn nước này tách thành bốn con sông, tưới cho toàn nhân loại.

Suối nguồn tươi trẻ trong.

Tranh của họa sĩ người Áo thứ kỷ 16 Eduard Veith.



Việc mua cầu tuổi trẻ vĩnh hằng vì thế mà rộ lên ở Tây phương. Cùng với sự phát triển của thuật giả kim là việc tìm kiếm một loại thần dược chiết ra từ đá tạo vàng, giúp con người trẻ mãi. Suối nguồn tươi trẻ được gắn với truyền thuyết linh mục John. Nhân vật tưởng tượng và bí ẩn này được xem là vua của một vương quốc xa xôi giàu có. Trong tài sản của ngài có một dòng suối có tác dụng trả lại tuổi thanh xuân cho những ai ba lần uống nước nơi đó...

Cũng trên tinh thần đó mà việc truy tìm Chén Thánh của các hiệp sĩ bàn tròn có thể diễn giải như sự tìm kiếm sự tái sinh (cả về tinh thần lẫn thể xác) bằng máu Chúa.

Họa sĩ Jérôme Bosch thời Phục Hưng đã khiến “bất tử hóa” đề tài này khi đưa nó vào tác phẩm *Khu vườn của thú vui trần thế*. Đây cũng là thời kỳ bắt đầu có nhiều phát hiện lớn. Do sẵn bị ám ảnh bởi hình ảnh dòng suối tươi trẻ và thiên đường hạ giới Đông phương (trong truyền thuyết Trung Cổ và thần thoại Ấn Độ) nên những người Âu đầu tiên tìm ra châu Mỹ đã hăng hái đi tìm dòng suối thần tiên kia ngay khi vừa đặt chân đến đó. Một số người cho rằng họ đã tìm được dòng suối đó ở Florida.

Lúc các cuộc hành trình lớn ở thế kỷ 16 kết thúc cũng là lúc ý nghĩ về sự tồn tại của thiên đường hạ giới và nguồn nước thanh xuân (ghi trong Kinh Thánh) hoàn toàn tan biến. Ngày nay, các công trình nghiên cứu y học (về melatonin, DHEA) đã làm dấy lên trở lại ngọn lửa hy vọng về khả năng duy trì tuổi thanh xuân bất diệt.

Bá tước Saint-Germain bất tử

Vị Bá tước lạ lùng này được nhiều người biết đến trong thời gian ông lưu lại Paris từ năm 1758 đến năm 1760. Từ các nơi tụ tập của giới văn chương đến triều đình các nước châu Âu, mọi người đều bàn tán về ngài Bá tước hình như đã hơn 3000 tuổi, có quen biết cả với Đức Ki-tô và biết chế tạo kim cương, biết tàng hình...

● *Lần xuất hiện đầu tiên ở London*

Lần đầu tiên mà mọi người nhắc đến Bá tước Saint-Germain là vào năm 1745. Năm đó, người đàn ông trông trẻ tuổi 50 này đã bị bắt sau 2 năm sinh sống ở London vì mang theo những lá thư có nội dung không có lợi cho triều đình. Do nước Anh không mấy tin tưởng người ngoại quốc, nhất là người Pháp, nên Bá tước Saint-Germain bị giam lỏng trong nhà nhiều tuần lễ. Trong thời gian này ngài học được hai điều: nên dùng tên giả khi giao tiếp và không nên giao thiệp với nữ nhân.

● *Phòng thí nghiệm giả kim ở lâu đài Chambord*

Đến năm 1746 thì Saint-Germain rời London và biệt tích suốt 12 năm. Người thì bảo ngài sang Đức, dành thời gian cho nghiên cứu hóa học và thuật giả kim. Kể lại đồn ngài chu du sang Ấn Độ và Tây Tạng. Tuy không có bằng chứng ngài đi đến những nơi này, nhưng về sau người ta nhận thấy ngài quả có kiến thức rất sâu rộng về phương Đông.

Khi đến Paris vào đầu năm 1758, Saint-Germain lập tức giới thiệu cho Marigny, quan đốc chính phủ trách trông coi các tòa lâu đài của nhà vua, một bức thư yêu cầu được sắp xếp một tòa nhà để

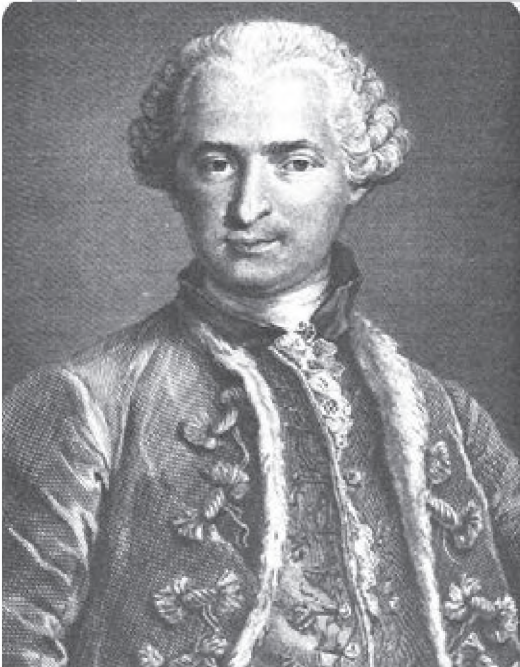
mở phòng thí nghiệm và xưởng chế tạo. Bù lại, ngài hứa sẽ tặng vua Louis XV “một phát minh hiếm hoi và quý giá nhất xưa nay”. Vốn coi trọng các công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực “nghệ thuật hữu dụng”, Marigny giao ngay cho ngài tòa dinh cơ lớn bỏ trống ở Chambord. Saint-Germain lập tức cho lắp đặt phòng thí nghiệm và đưa người vào. Tuy nhiên, ngài lại thường xuyên sống ở Paris hơn là Chambord và nhanh chóng được nhiều người mời tới các salon văn học nổi tiếng, nơi ngài kết giao với nữ Hầu tước Pompadour. Bị vị Bá tước quyến rũ, phu nhân Pompadour giới thiệu ngài ra mắt đức vua. Louis XV lập tức mướn mộ con người tài hoa này và Saint-Germain nhanh chóng trở thành cận thần của nhà vua. Đã hơn 10 năm trôi qua kể từ ngày Saint Germain rời London vậy mà ngài vẫn được mô tả như một người chỉ trạc từ 40 đến 50 tuổi.

Lâu đài Chambord năm 1722. Công tước vùng Orléans đang chỉ huy một cuộc đi săn.



BÁ TƯỚC SAINT-GERMAIN THẬT SỰ LÀ AI?

Mặc dù sử dụng đến hàng chục tên khác nhau trong các cuộc hành trình từ nơi này đến nơi khác nhưng ngày nay ai cũng biết xuất xứ của ngài Bá tước. Ngài là con ngoài giá thú của hoàng hậu Tây Ban Nha Marie-Anne de Neubourg (vợ góa của vua Charles II) với bá tước Melgar. Do xuất thân danh giá nên cuộc sống ngài Bá tước luôn sung túc và bản thân ngài có trình độ học vấn và văn hóa rất cao. Ngoài một số kiến thức vững vàng về giả kim, Saint-Germain còn được người đương thời biết đến như một người có vốn hiểu biết sâu rộng đồng thời là một nhạc sĩ và họa sĩ tài hoa.



Bá tước Saint-Germain

Việc ngài sống thọ và trẻ lâu có thể giải thích là do ngài có tính cách ôn hòa và nhất là do biết quan tâm gìn giữ vóc dáng bên ngoài.

Những người biết Saint-Germain đều nói ngài cả đời luôn tuân thủ một chế độ kiêng nghiêm ngặt. Ở các bữa tiệc tối ngài ăn rất ít và không uống rượu bao giờ.

● *Hai giai thoại tạo nên danh tiếng ngài Bá tước*

Người ta không ngớt đồn đại về hai giai thoại gắn với Bá tước Saint-Germain: ngài có kiến thức sâu rộng về thuật giả kim và ngài... bất tử.

Theo giai thoại thứ nhất thì Saint-Germain sở hữu một bộ sưu tập đá quý rất đẹp. Một ngày kia, khi ở trước mặt vua, ngài khoe mình có thể sửa chữa khiếm khuyết của những viên kim cương chưa hoàn hảo. Vua Louis XV liền giao cho ngài một viên kim cương có tí vết để ông sửa lại. Vài ngày sau, Saint-Germain đem trả nhà vua một viên kim cương sạch trơn không tí vết. Liệu ngài Bá tước đã sử dụng một hóa chất nào để sửa chữa khiếm khuyết của viên kim cương? Hay ngài đã mài giũa một viên kim cương khác cho giống hệt viên kim cương mà đức vua đã trao? Không ai biết.

Giai thoại thứ hai xuất phát từ một bữa ăn tối có mặt ngài Bá tước và nữ Bá tước Cergy. Nữ bá tước cao tuổi này nhận ra Saint-Germain là người mà bà từng gặp cách đây 50 năm. Saint-Germain có lẽ cũng thấy buồn cười nhưng vẫn không bác bỏ lời bà Bá tước già. Thế là tin đồn lập tức lan truyền khắp Paris.

● *Được lòng vua Louis XV nhưng lại bị thù tướng Choiseul ghét*

Tuy chiếm được cảm tình của vua nhưng bá tước Saint-Germain lại không được lòng vị thừa tướng, Công tước Choiseul nên bị ông này lập mưu làm mất uy tín. Choiseul thuê Gauve để hãm hại theo Saint-Germain và giả dạng ngài đi khắp các salon kể lể những chuyện khó tin nhất, chẳng hạn như chuyện mình từng uống rượu với Alexander Đại đế, từng quá chén tại hôn lễ ở Cana (trong bức tranh hôn lễ ở Cana có sự tham dự của Chúa Jesus, Đức Mẹ Maria

và các thánh), từng quen thân Chúa Jesus và từng tiên đoán kết thúc bí hiểm của Người...

Hành vi ám muội của Gauve nhanh chóng bị lật tẩy, nhưng những câu chuyện hấn kể thì vẫn tiếp tục lan truyền. Nhưng trái với những gì Choiseul mong đợi, Bá tước Saint-Germain thật không những không bị người đời chế giễu mà còn trở nên nổi tiếng hơn nhờ vầng hào quang bí ẩn quanh nhân thân ông.

Thừa tướng Choiseul căm tức, nhưng phải chờ đến năm 1760 ông mới tống khứ được Saint-Germain bằng cách ghép ngài vào tội gián điệp. Ngài Bá tước đành lánh sang Hà Lan.

Những năm sau đó, người ta nhìn thấy ngài ở Anh, Ý, Nga, xứ Saxe, Phổ. Đi đến đâu ngài cũng lập phòng thí nghiệm để nghiên cứu về màu và sắc tố.

● *Chết mà không chết*

Năm 1766, ngài được vua Phổ là Frederick II bảo trợ, nhưng một năm sau ngài lại rời nhà vua đi nơi khác. Cuối cùng ngài đến đảo Gottrop ở biển Baltic và được Hoàng thân Hesse dung nạp. Ngài qua đời tại đó năm 1784 ở tuổi 93, số tuổi mà ngài chỉ tiết lộ riêng cho hoàng thân Hesse. Lúc đó, nhìn bề ngoài, trông ngài chưa đến 60.

Khi tin ngài từ trần lan ra, rất nhiều người tin ngài còn sống. Người thì khẳng định đã thấy ngài năm 1785 tại hội nghị Hội Tam điểm, kể lại cam đoan đã thấy ngài ở Venice năm 1788. Người ta đồn rằng ngài đã báo trước cho hoàng hậu Marie-Antoinette biết cách mạng sẽ nổ ra năm 1789, ngài đã tham dự hội nghị Vienna năm 1815. Một người Anh cho biết đã gặp ngài ở Paris dưới triều vua Louis-Philippe. Có người lại nói đã gặp ngài ở Tây Tạng năm

1905. Đến năm 1926, lại có người nói đã gặp ngài ở Roma... Tất cả chỉ là đồn đại.

Saint-Germain là một nhân vật đặc biệt. Ngài thích thú với những lời đồn đại về mình và không hề bác bỏ chúng. Nếu như Saint-Germain được lưu danh lịch sử thì đó là nhờ ngài là hiện thân cho giấc mơ bất tử muôn thuở của loài người.

lời tiên tri



Sấm truyền đền Delphi

Dù là vua chúa hay nông dân, dù là người Hy Lạp hay phương Đông, người Cổ Đại ai ai cũng từng đặt chân đến đền thờ thần Apollon ở Delphi để nghe nữ đồng Pythia tiên đoán vận mệnh. Ảnh hưởng của nữ đồng Pythia lớn đến mức người ta thậm chí dựa vào phán truyền của cô để quyết định chiến tranh hay hòa bình. Nhiều vương quốc đã sụp đổ chỉ vì không nghe theo phán truyền của các nữ đồng.

● Từ một truyện thần thoại

Trong thi phẩm *Iliad* của Homer có kể về sự hình thành ngôi đền này. Vào thuở trời đất còn hỗn mang, tại một ngôi đền nọ có chứa một sấm truyền liên quan đến nữ thần đất Gaia. Để chiếm đền, thần Apollo đã giết con rồng Typhon canh giữ đền trong một trận chiến long trời lở đất được hết lời ca tụng trong sử thi.

Con đường thiêng liêng dẫn đến đền thờ thần Apollo ở Delphi.



Jocasta, kẻ hoài nghi

Trong tác phẩm *Vua Oedipus* sáng tác ở thế kỷ thứ 5 TCN, Sophocles trình bày lý lẽ của những kẻ hoài nghi thông qua tiếng nói của hoàng hậu Jocasta. Vua Oedipus đang lo lắng về lời bói thì được Jocasta trấn an như sau:

“Xin bệ hạ chớ lo về chuyện ngài vừa nói. Hãy nghe lời thiếp, bệ hạ nên hiểu rằng không có người phạm tục nào biết được nghệ thuật của thánh thần. Thiếp sẽ nói ngắn gọn để chứng minh cho bệ hạ thấy. Ngày xưa vua Laius được tiên đoán là (...) sẽ chết dưới tay chính đứa con của thiếp với ông ấy. Tuy vậy, sau này ai cũng biết rằng Laius bị bọn bất lương giết chết ở ngã ba đường, còn con của nhà vua thì chào đời chưa được 3 ngày đã bị vua cha trói chặt chân, giao cho bọn người lạ mặt vứt vào núi sâu hiểm trở. Thần Apollo đã không đưa ra lời tiên tri của ông ta bởi lẽ con trai vua Laius không hề giết phụ thân, và vua Laius cũng không chết dưới tay con, chuyện mà nhà vua cho là khủng khiếp nhất. Đây là những việc đã xảy ra sau khi có lời tiên tri, chính vì vậy xin bệ hạ đừng quá lo lắng. Thần linh mà thấy cần thông báo điều gì thì tự thần đã nói ra rồi.”

(*Vua Oedipus*, câu 707 đến câu 725)

Xác của quái vật Typhon thối rữa ngay tại đó và từ đó nơi này mang tên Typhon. Sau đó thần Apollo biến thành một chú cá heo nhỏ (tiếng Hy Lạp là *delphi*) để đánh lạc hướng con tàu của người Creta và dẫn lối đưa nó đến ngôi đền. Thế là thủy thủ đoàn của tàu trở thành những người đầu tiên phục vụ đền. Thần Apollo hứa hẹn hàng năm sẽ ghé lại đền để ban lời khuyên cho loài người. Ngôi đền của thần Apollo nằm ở tâm vũ trụ và tượng trưng cho cái rốn vũ trụ, đánh dấu bởi một hòn đá mang tên Omphalostes.

Thần Zeus muốn kiểm tra xem điểm đó có phải là tâm vũ trụ không nên thả ra hai con ó cho bay xuống, mỗi con xuất phát từ một cực của Trái đất. Và quả thật là chúng đã gặp nhau ở phía trên hòn đá.

Khác với thần thoại, lịch sử cho rằng ngôi đền đầu tiên ở Delphi được xây từ cuối năm 2000 TCN. Nằm ở mặt Nam đỉnh Parnassus, ngôi đền ở giữa dòng suối thiêng Castalia, vây quanh bởi các vách đá Rhodinia và Phlembucos. Từ đền có thể nhìn xuống vùng đồng bằng rộng lớn rợp bóng cây ôliu. Đây là lãnh địa của thần Apollo và bị cấm không cho cho trồng trọt bất cứ thứ gì. Để đến đền, người hành hương có thể dùng đường biển (cập

Quang cảnh điều tàn của đền thờ thần Apollo ở Delphi.



cảng Kirrha) hoặc đường bộ (sau khi vượt qua lạch Arachova). Từ thế kỷ thứ 6 TCN, thành phố Delphi hình thành tại một nơi không xa ngôi đền. Khách hành hương đến đền thường ghé đó ăn uống và nghỉ đêm. Ngôi đền bị một trận hỏa hoạn thiêu hủy năm 548 TCN nhưng sau đó được xây lại lớn hơn và đẹp hơn trước nhờ tiền quyên góp của toàn dân Hy Lạp.

● **Nhiều ngày chờ đợi**

Thời gian đầu, lời sấm chỉ được phán mỗi năm một lần, nhưng trước những thành công vang dội của chúng, các linh mục quyết định cho ban sấm truyền mỗi tháng một lần. Họ sử dụng 2 nữ đồng *Pythia* rồi sau đó tăng lên đến 3 người. Mặc dù vậy, những người đến xin sấm cũng vẫn phải đợi nhiều ngày mới đến lượt mình. Trong thời gian này, họ dâng đồ cúng, làm lễ tế và lễ tẩy trần. Họ đến suối Castalia để té nước thánh vào thân thể. Ở phía trên con suối, đến nay vẫn còn ghi dòng chữ khắc trên đá với nội dung như sau: "Với người thiện thì chỉ một giọt nước là đủ, nhưng với kẻ ác thì cả đại dương cũng không rửa sạch được vết nhơ".

Để được ban lời sấm, khách hành hương phải rất tốn kém: phải mua một chiếc bánh giá rất đắt để dâng cúng nơi bàn thờ đối diện với chính điện. Trên một bàn thờ khác, họ phải cúng nguyên một con cừu hay một con dê.

● **Các nữ đồng *Pythia* lên đồng**

Nữ đồng *Pythia* (*Pytho* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Tôi gây thối rữa", dựa theo huyền thoại về cái chết của rồng Typhon) là trung gian giữa thần Apollo và người phạm. Theo nhà sử học Hy Lạp Diodore de Sicile thì các nữ đồng đầu tiên đều là trinh nữ nhưng tục lệ này sau đó thay đổi sau khi một khách hành hương



*Một pythia đang đọc
lời phán truyền của Appolo.*

đến nghe sấm bị dục tính nổi lên và cưỡng hiếp một trong những cô này. Kể từ đó, các trinh nữ được thay thế bằng những phụ nữ trạc tuổi 50, thường thuộc giới nông dân trong vùng. Các nữ đồng này không nhất thiết phải có tư chất đặc biệt vì họ chỉ là công cụ của thần Appolo.

Ngày ban lời sấm, nữ đồng phải tắm rửa sạch sẽ, mặc đồ lễ lộng lẫy. Sau đó, bà ngồi trên một chiếc ghế ba chân đặt sâu trong chính điện. Tại đây, bà được cho hít một hương thiêng bốc lên từ một khe nứt trên mặt đất (rất có thể mùi hương này có tác dụng tạo ảo giác). Sau đó bà lên đồng và trở thành “tiếng nói của thần Appolo”.

Bà la hét, rên rĩ và thốt lên những lời mà chẳng ai hiểu. Một linh mục sẽ dịch lại những gì bà nói cho khách đến nghe sấm.

● ***Trò chính trị và đòn chiến lược***

Các tác giả thời Cổ Đại đều nói giống nhau về lời sấm truyền. Plutarque, lúc đó là linh mục ở Delphi, đã để lại cho đời sau rất nhiều sách viết về việc thờ cúng và nghi thức tôn giáo, trong đó ông không hề tỏ ra nghi ngờ các lời sấm. Heraclitus và Plato cũng bảo vệ sấm truyền nhưng Eschyle, Euripides và Thucydides thì lại tỏ vẻ hoài nghi. Riêng sử gia Hérodote thì khẳng định ông tin vào nguyên tắc của sấm, nhưng cũng công nhận rằng chuyện đút lót ở Delphi cũng có thể xảy ra. Trên thực tế, lời sấm ban cho các bậc vua chúa luôn gây ảnh hưởng chính trị lớn và những kẻ quyền thế đều ý thức được điều này. Thành phố Sparta đã nhiều lần tung ra lời sấm bất lợi cho đối thủ. Delphi vì thế trở nên đòn chiến thuật cho trận chiến tâm lý giữa các thành phố lớn ở thế kỷ thứ 6 TCN.

● ***Phải chăng là bịp bợm?***

Với triết gia Cicero thì quá rõ: trong tác phẩm *De divinatione* (thuật tiên tri), ông tố cáo sấm truyền là trò bịp bợm. Kỳ thực, qua nhiều thế kỷ, thế giới La Mã và Công giáo đã dần dần triệt phá ảnh hưởng của ngôi đền này và chính tay vị vua ngoan đạo Theodosius đã cho đóng cửa đền vào năm 390. Trước đó, năm 362, dưới triều đại ngắn ngủi của vua Julien *Kẻ bệ giáo*, khi Oribase được phái đi trùng tu ngôi đền thì ông đã nhận được lời sấm cuối cùng nói rằng “Hãy đi nói với nhà vua là ngôi đền nguy nga sẽ sụp đổ. Thần Phoebus (tên gọi khác của thần Apollo) sẽ không còn cả đến một căn chòi, một vòng nguyệt quế, một dòng suối. Ngay cả tiếng nước chảy róc rách cũng sẽ im bật...”

NHỮNG LỜI TIÊN TRI THỜI CỔ ĐẠI

Có rất nhiều lời sấm truyền vào thời này. Ở La Mã có hai loại thầy bói được cho là "truyền đạt được ý nguyện thần linh": thầy đoán điềm và thầy bói lòng.

Vô số sấm truyền Hy Lạp. Lời sấm xưa nhất ở Hy Lạp được ban ra tại đền Dodone ở Epirus. Homer thuật lại trong tác phẩm *Iliad* như sau: "Achilles thắc mắc hỏi Zeus, cha của tất cả các thần linh. Câu trả lời đến từ tiếng rì rào của cây thiêng, từ tiếng róc rách của suối và được các linh mục nơi đó diễn giải lại". Ở Olympia, người ta nhìn vào ngọn lửa và bộ lông của những con vật tế thần để đưa ra lời tiên đoán. Ở Thebes và Lebadia, thần linh thường xuất hiện trong giấc mơ của những người đến xin sấm và cho họ câu trả lời. Sấm truyền ở đền Delos cũng được nhiều người biết tiếng. Theo truyền thuyết, lời sấm này được ban ra nhằm ca tụng hòn đảo nơi thần Apollo ra đời.

Sấm truyền Ai Cập. Cùng thời với sấm truyền Hy Lạp, sấm truyền Ai Cập cũng nổi tiếng không kém, nhất là lời sấm được ban ở đền Amun-Ra dưới thời hoàng hậu Hatshepsut, khoảng năm 1500 TCN. Theo truyền thuyết, sấm này thể hiện qua thần Amun-Ra. Người ta đặt câu hỏi cho thần bằng cách viết vào giấy cói và được thần đáp trả bằng lời. Năm 332 TCN, đền Amun-Ra từng được vinh dự đón tiếp vua Alexander Đại đế đến nghe sấm truyền.

Thầy đoán điềm. Là những thầy bói chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp. Họ tập hợp thành từng đoàn từ 6 đến 15 người tùy thời đại. Thầy đoán điềm được trang bị một cây gậy cong dùng để chỉ lên trời hay xuống đất, nơi thầy nhìn thấy các điềm trời. Các điềm trời này có thể là hiện tượng thời tiết (như sấm chớp) hay những đàn chim bay. Thầy đoán được những điềm tốt xấu bằng cách quan sát những con gà chuẩn bị hiến tế, xem chúng ăn nhiều hay ít. Bằng cách quan sát cử động của rắn hay các con vật 4 chân, thầy đoán điềm cũng dự báo được điều gì sẽ xảy ra. Ở La Mã, trước khi tiến hành bất cứ hoạt động nhà nước nào (trước khi diễn ra hội nghị, trước khi các quan tòa nhậm chức hay trước khi quân đội ra trận) người ta cũng nhờ đến các thầy đoán điềm.... Quyền lực của các thầy đoán điềm là rất lớn dưới thời Quân chủ, nhưng giảm dần vào thời Cộng hòa.

Các tinh tú và vận mệnh con người

Chiêm tinh học là ngành học về ảnh hưởng của các thiên thể lên hành vi và số mệnh con người. Mặc dù đã xuất hiện từ thời Cổ Đại nhưng trong suốt một thời gian dài chiêm tinh học vẫn bị lẫn lộn với thiên văn học, môn khoa học đã phát triển mạnh mẽ trên nền tảng của nghệ thuật chiêm tinh.

● *Một triều đại vinh quang mở đầu bằng lời chiêm tinh*

Cho đến nay các nhà chiêm tinh vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị các dân tộc. Nổi gương Nữ hoàng Elizabeth I của Anh, các vua chúa đều nhờ cậy đến các nhà chiêm tinh để dự đoán vận mệnh của họ và giúp họ lèo lái con tàu chính trị.

Khi Elizabeth lên kế vị vua cha Henry VIII năm 1558, trở thành Nữ hoàng Anh, việc đầu tiên của bà là nhờ thầy chiêm tinh riêng John Dee tính xem ngày nào tốt nhất để đăng quang. Dee đề nghị ngày 14 tháng 1 năm 1559 và được Nữ hoàng thuận theo. Quá thực 45 năm trị vì của Nữ hoàng Elizabeth là một trong những thời kỳ huy hoàng nhất của vương quốc Anh. Một số người cho rằng một phần vinh quang của “kỷ nguyên Elizabeth” là nhờ công của John Dee.

● *Tiến sĩ John Dee tài năng là ai?*

John Dee sinh ngày 13 tháng 7 năm 1527 tại London trong một gia đình bình dân. Nhờ học giỏi nên năm 1546 ông tốt nghiệp cử nhân nghệ thuật tại đại học Cambridge. Kể từ đó, ông say mê theo



John Dee bên nữ hoàng Elizabeth.

đuổi con đường toán học, một môn học ít được ưa chuộng vào thời đó. Đó cũng là lúc ông bắt đầu làm quen với hóa học và thuật giả kim. Từ năm 1547 đến năm 1551, ông thường xuyên chu du châu Âu và lui tới đại học Louvain, một trong những đại học danh tiếng nhất châu Âu. Năm 1550, ông đến đại học Paris giảng dạy môn hình học Euclid.

Kể từ đó tiếng tăm ông vang dội khắp châu Âu. Trong thời gian này, ông vẫn giữ liên lạc với nước Anh và quay về đó năm 1548 để nghiên cứu phát minh những thiết bị hàng hải.

● ***Nhà toán học đồng thời cũng là nhà huyền bí***

Năm 1570, ông viết lời tựa cho bản dịch một quyển sách toán học nổi tiếng mang tựa đề *Số nguyên tố* của Euclid, góp phần thúc đẩy ngành học này tại các trường đại học. Đến năm 1551, ông quay về định cư luôn tại London. Chính đó là lúc Nữ hoàng

KHOA CHIÊM TINH Ở MỌI QUỐC GIA

Khoa chiêm tinh nở rộ ở tất cả các nền văn minh thế giới.

Tử vi Ấn Độ phát triển từ vòng hoàng đạo âm lịch hình thành từ 27 đến 28 chòm sao. Theo tác phẩm chiêm tinh lớn nhất Ấn Độ là *Brahajjātaka* thì chiêm tinh học có thể giúp người ta biết được kiếp sau mình là ai.

Tử vi Aztec. Theo người Aztec thì tháng sinh của mỗi người (một tháng gồm 20 ngày) là do Mặt Trăng định ra còn ngày sinh thì do vị trí Mặt Trời định ra. Tử vi của người Aztec gồm 12 sao chiếu mệnh. Lá số tử vi có thể được giải chính xác hơn nếu tính tháng. Có tất cả 18 tháng, mỗi tháng 20 ngày.

Tử vi Trung Hoa dựa vào chu kỳ trăng, mà chu kỳ này lại dựa vào các tháng âm lịch trong năm. Mười hai tuổi trong tử vi Trung Hoa ứng với 12 con giáp. Lá số tử vi được lập ra bằng cách nhập các yếu tố như giờ sinh, mạng trong ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).



Tranh khắc thế kỷ 16 “Thân Chết và nhà chiêm tinh”. Nhà chiêm tinh già đón Thân Chết mà không chút bất ngờ vì đã đoán trước giờ chết của mình nhờ xem sao.

Elizabeth chiêu mộ ông. Vì Nữ hoàng, ông đã lập nhiều lá số tử vi, vẽ nhiều bản đồ địa lý, thay đổi lịch hoạt động của cá nhân và góp phần lập kế hoạch phòng vệ cho hải quân Anh.

Mặt khác, John Dee cũng bị khoa học huyền bí mê hoặc nên luôn dụng tâm tìm kiếm hòn đá tạo vàng, loại đá mà các nhà giả kim luôn mơ tưởng. Năm 1581, Dee kể rằng một thiên thần nhỏ đã đến thăm ông và tặng ông một chiếc gương thần màu đen và một quả cầu pha lê tròn nhẵn, bên trong có nhốt một thiên thần mang tên Uriel. Ngày nay, khi đến viện bảo tàng nước Anh ta vẫn còn thấy quả cầu pha lê của John Dee cùng những bảng bằng sáp mà trên đó ông khắc những đồ hình toán học được ông sử dụng trong các buổi lễ có dùng pháp thuật.

● *Edward Kelly vào cuộc*

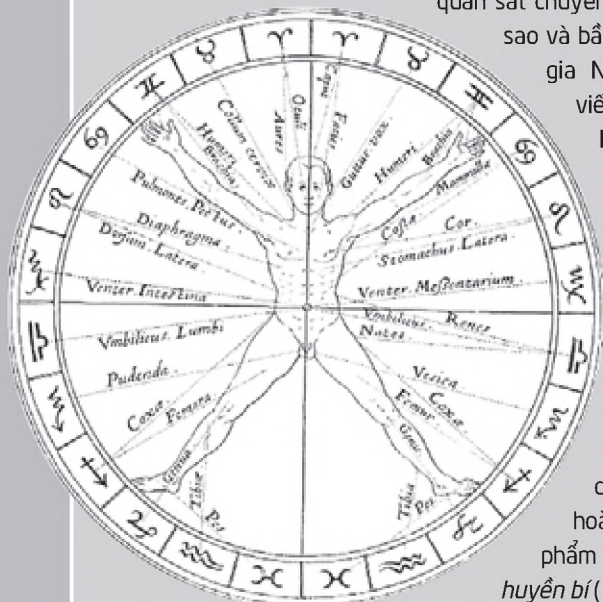
Sau giấc mơ đó không lâu, cũng trong năm 1581, Dee gặp một nhân vật lạ lùng tên Edward Kelly (1555-1597). Người này khẳng định có thể nói chuyện với người chết. Dee bèn thuê Kelly giúp ông nói chuyện với những hồn ma bị nhốt trong quả cầu pha lê và phụ ông nghiên cứu thuật giả kim.

Chẳng bao lâu sau đã lan truyền tin đồn rằng hai người đã thành công trong việc biến chì thành vàng. Họ được mời đi khắp châu Âu và thường xuyên đến Ba Lan. Ở Ba Lan, họ sống tại nhà hoàng thân Laski, người mà họ hứa sẽ làm cho giàu có. Nhưng Đức Giáo Hoàng Sixte V ghép họ vào tội triệu hồn người chết để đoán tương lai và trục xuất họ ra khỏi nước. Họ cùng gia đình chuyển đến sống ở Leipzig một thời gian rồi sau đó dời về Hesse-Cassel.

THỜI ĐẠI CHIÊM TINH

Vào thời của Dee, các bác học thường xuyên nghiên cứu các tinh tú và diễn giải tác động của chúng lên vận mệnh con người. Ở châu Âu, thế kỷ 16 được xem là thời đại vàng son của ma thuật và khoa học huyền bí. Các đạo sĩ và chiêm tinh gia nổi tiếng đã để lại dấu ấn qua các trò ma thuật và khoa tử vi trong suốt một thời gian dài. Tất cả những người này đều nghĩ rằng giữa con người và vũ trụ có rất nhiều mối dây ràng buộc. Họ nhìn thấy sự giống nhau giữa vũ trụ bao la rộng lớn với thế giới thu nhỏ của con người. Thời đó có câu: "Tất cả những gì trên trời cũng đều ở dưới đất" (*Chiếc bàn ngọc*, 1520). Theo quan điểm đó thì các ngôi sao có ảnh hưởng đến vận mệnh con người. Chiêm tinh gia Paracelsus tin rằng có mối tương quan giữa 7 bộ phận cơ thể người với 7 hành tinh trong vũ trụ (lúc đó người ta chỉ mới biết đến 7 hành tinh). Chỉ sau khi

quan sát chuyển động của các vì sao và bầu trời, chiêm tinh gia Nostradamus mới viết ra được những lời tiên tri chấn động thế giới. Và cuối cùng thì tiến sĩ thần học Cornelius Agrippa (1486-1535) đã tìm cách chứng minh tầm quan trọng của các cung hoàng đạo trong tác phẩm *Nói về triết học huyền bí* (1510-1533).



Vòng hoàng đạo liên quan đến các bộ phận trên cơ thể con người. Tranh khắc năm 1619.

● *Thành công và thất bại của Tiến sĩ Dee*

Ngày 18 tháng 4 năm 1587, lần đầu tiên giữa Dee và Kelly xảy ra tranh cãi. Kelly nói rằng một hồn ma trong quả cầu pha lê ra lệnh cho Dee và anh ta phải dùng chung vợ. Cả Dee và vợ là Jane đều bực bội chuyện này. Dee và Kelly tiếp tục tranh cãi và cuối cùng thì nhóm tan rã. Dee sang Bremen sống còn Kelly thì đến Praha và tiếp tục trò “biến chì thành vàng”. Kỳ tích này giúp Kelly trở thành thống chế ở Bohemia trong một thời gian ngắn cho đến khi bị thất sủng và hai lần bị vua Rodolphe II của Bohemia bắt bỏ tù. Lần bị bắt thứ hai, Kelly chết trong lúc vượt ngục.

Trong khoảng thời gian đó, Dee quay về London và tiếp tục được Nữ hoàng tin dùng. Nữ hoàng còn cấp cho ông một khoản tiền trợ cấp. Tuy nhiên lần trở về này của ông không hoàn toàn vui vẻ. Khi về đến nhà ở Mortlake, Dee phát hiện nhà bị trộm. Trong số 4.000 quyển sách quý trong thư viện nhà ông có đến 500 quyển bị lấy trộm. Cuộc sống cuối đời của Dee rất khó khăn, nhất là từ khi Nữ hoàng Elizabeth và sau đó là Bá tước vùng Leicester (một người bảo trợ khác của ông) qua đời. Năm 1603, vua Jacques I, người luôn đả kích các phù thủy và thuật sĩ, từ chối trợ cấp cho Dee. Vì thế, đến năm 1605, Dee đành từ bỏ vị trí hiệu trưởng trường cao đẳng Manchester.

Tháng 12 năm 1608, Dee qua đời trong nghèo khổ. Tuy nhiên, tính cách mạnh mẽ của con người nửa bác học nửa thuật sĩ này được người đời ghi nhớ.

Những lời tiên tri bất bủ của Nostradamus

Đ đoán biết tương lai luôn là mơ ước của tất cả mọi người. Ở thế kỷ 16, sau thời các thầy bói tà giáo và những nhà tiên tri trong Kinh Thánh lại đến thời của các đạo sĩ vô thần.

● Từ thầy thuốc trở thành chiêm tinh gia

Năm 1555, ở Lyon (Pháp) xuất hiện ấn bản đầu tiên của tác phẩm “*Centuries astrologiques*” (tạm dịch “*Trăm đoán thi về chiêm tinh*”) bao gồm các bài thơ tứ tuyệt ký tên Nostradamus. Nostradamus nhanh chóng nổi danh là người có khả năng nhìn xa nhất thời đại. Danh tiếng của ông tiếp tục lưu truyền hàng thế kỷ.

Michel de Nostre-Dame tức Nostradamus ra đời năm 1503 ở Saint-Rémy-de-Provence và là người gốc Do Thái. Cả ông nội lẫn ông ngoại của ông đều là thầy lang và bản thân ông cũng theo học ngành y tại đại học Montpellier. Năm 1526, khi nạn dịch hạch bùng nổ ở vùng Languedoc, Nostradamus đã hết lòng chăm sóc các bệnh nhân suốt từ Aix cho đến Marseille. Sau đó ông đến sống ở Agen, lấy vợ và quen với Jules Cesar Scaliger, một trong những nhà bác học nổi tiếng nhất châu Âu. Nhưng chỉ vài năm sau, bệnh dịch hạch lại quay về, cướp đi sinh mạng vợ con ông.

Từ đó Nostradamus bỏ nhà đi bốn ba khắp nơi. Có người đồn ông sang Ai Cập, nhưng thật ra các chuyến đi của ông chỉ giới hạn ở miền nam nước Pháp và ở Ý. Trong quãng thời gian tha phương, ông bắt đầu nhìn thấy trước được những gì sẽ xảy ra. Một ngày kia, ông gặp một tu sĩ trên đường và nhận ra người này sẽ trở thành Đức Giáo Hoàng Sixte V. Thế là ông phủ phục trước vị tu sĩ và

nói: “Con xin quỳ lạy Đức Ngài”. Cũng có thể là trong khoảng thời gian phiêu bạt đó, tinh thần ông thăng hoa và ông ngỡ mình có tài tiên đoán tương lai.

● ***Biết trước khi nào mình chết***

Năm 1546, Nostradamus đến ở hẳn thị trấn Salon và 2 năm sau thì tái hôn. Ông mở phòng mạch và nhanh chóng ăn nên làm ra. Cũng trong thời gian này, ông bắt đầu xem tử vi. Ông soạn một quyển niên giám năm 1550 trong đó ghi những điều ông tiên đoán và cho ra đời tác phẩm *Trăm đoán thi về chiêm tinh*, đúc kết những điều mà ông nhìn thấy qua những đêm dài thao thức. Tác phẩm này nhanh chóng gây chấn động. Tháng 7 năm 1556, Catherine de Médicis, vị hoàng hậu đam mê khoa học huyền bí, đã cho gọi nhà tiên tri đến để lấy số tử vi cho các hoàng tử. Ông tuyên bố là trong số các hoàng tử sẽ có 3 người lên làm vua. Lời tiên tri ấy sau này được xác minh là chính xác: có 3 hoàng tử sau này lên ngôi vua, đó là Francois II, Charles IX và Henri III. Bốn năm sau, tức vào năm 1559, khi Nostradamus quay về nhà thì vua Henri II, tức cha của các vị vua tương lai kể trên, qua đời trong một cuộc đấu thương trên ngựa. Do chiếc mũ sắt của ngài đập không kín nên bị cây lao của đối thủ là Bá tước Montgomery đâm



Nostradamus, nhà tiên tri gây kinh ngạc khắp châu Âu.



*Nostradamus
đang đưa ra lời tiên tri
(tranh vẽ ở thế kỷ 19).*

xuyên qua khiến một mắt của ngài lọt ra ngoài và não bị tổn thương trầm trọng. Nhà vua hấp hối 10 ngày trước khi lìa đời. Đến lúc đó mọi người mới chợt nhớ đến lời tiên tri trong đoán thi thứ 35 của Nostradamus: “Con mãnh sư trẻ và con mãnh sư già đọ sức trên đấu trường: trong chiếc lồng vàng con mắt vỡ tung, hai người chỉ còn lại một, và rồi một người chết, một cái chết đau đớn”.

Năm 1564, Charles IX phong cho Nostradamus làm quan ngự y. Đây là một sắc phong danh giá vì Nostradamus vẫn tiếp tục sinh sống ở thị trấn Salon. Ông ở đỉnh cao danh vọng và được các thi sĩ như Ronsard không ngớt lời tâng bốc.

Hai năm sau, ông qua đời sau khi trở về từ chuyến công tác ở Arles. Một lần nữa, một đoàn thi tứ tuyệt đã tiên đoán trước kết thúc này: “Trở về từ sứ quán, người phục vụ đức vua sẽ về với Chúa, gia đình thân thích, bè bạn, anh em, phát hiện thấy người nằm chết gấn bên ghế”.

● *Kẻ nhìn thấu tương lai*

Từ sau lần xuất bản đầu tiên, số ấn bản của *Trăm đoán thi về chiêm tinh* không ngừng tăng lên kể cả sau khi Nostradamus mất. Lần xuất bản đầy đủ các tác phẩm của Nostradamus bao gồm cả *Thư gửi César* (con trai của Nostradamus), *Thư gửi Henri II vị vua nước Pháp quyền uy, bất khả chiến bại và vô cùng mộ đạo*, *Trăm đoán thi về chiêm tinh*, *Những điềm báo* và *Những bài thơ sáu câu...*

Trong các tác phẩm này có nhiều từ Latin được Pháp hóa xen với ngôn từ của thế kỷ 16 nên gây ra rất nhiều khó khăn trong diễn giải. Có lẽ Nostradamus đã cố tình viết cho thật tối nghĩa để không bị “bắt gì”. Trong phần lời tựa của ấn bản năm 1555, ông cho biết ông e ngại bị Giáo Hội truy cứu và tự biện hộ rằng ông không phải người tà đạo và cũng không sở hữu bất kỳ quyển sách ma thuật nào.

Những lời tiên tri của ông đi theo nước Pháp, châu Âu và thế giới trong suốt một quãng dài lịch sử cho đến tận đầu thế kỷ 21. Những kẻ tôn thờ ông cho rằng một số lời tiên tri của ông đã trở thành hiện thực: Michel de Notre-Dame tức Nostradamus quả thực đã đoán trước được vua Louis XVI trốn sang Varennes, Napoléon I lên ngôi hoàng đế, và nền Cộng hòa Pháp lên ngôi sau khi chế độ quân chủ sụp đổ.

CÁC NHÀ TIÊN TRI

Suốt từ thời Cổ Đại, nhiều nhà tiên tri đã từng trải qua những thời khắc huy hoàng. Cũng có một số nhà tiên tri bị bác bỏ, như Charles Russel, người sáng lập giáo phái "Chúng nhân của Jehovah" và cũng là người tiên đoán sự trở lại trần gian của Chúa Cứu Thế vào năm 1914.

Các lời tiên tri thường rất tối nghĩa, có thể là để tránh cho các nhà tiên tri không bị bài bác sau này. Cũng có thể chúng là sự diễn giải khiên cưỡng cho những sự kiện đã xảy ra.

Nạn Hồng Thủy. Bản ghi được cho là của tông đồ John là lời tiên tri nổi tiếng nhất trong Kinh Thánh. Bản ghi này mô tả ngày tận thế, khi bốn kỵ binh đến tàn phá, gây ra nạn đói rồi sau đó một con quái vật nhơ nhớp xuất hiện. Tuy nhiên, sau trận chiến cuối cùng ở Harmagedon, Chúa sẽ quay trở xuống trần gian và mở ra một thời đại bình yên vô tận.

Lời tiên tri về các Giáo Hoàng. Trong suốt thời gian dài, người ta cho tác giả của tác phẩm này là Thánh Malachie, một giáo trưởng ở Ireland. Ông này ra đời năm 1094 hoặc 1095 và mất năm 1148, là người đầu tiên được Thánh Bernard viết tiểu sử.

Tác phẩm của ông bao gồm 111 lời tiên tri liên quan đến những Giáo Hoàng được sắc phong sau năm 1144. Mỗi một lời tiên tri dành cho một Giáo Hoàng. Đến Giáo Hoàng số 112 thì lời tiên tri dừng lại bởi sau đó sẽ có nhiều biến cố lớn xảy ra khiến hành tinh nhuộm máu. Những biến cố này cũng sẽ kết thúc danh sách những người nghiệp Thánh Peter. Hẳn là nhiều người đã rất lo lắng bởi Đức Cha Jean Paul II hiện nay là vị Giáo hoàng thứ 110 được liệt kê trong danh sách... Nhưng ngày nay, ai cũng đều biết *Lời tiên tri về các Giáo Hoàng* chỉ là một tác phẩm giả mạo được sáng tác ở hậu bán thế kỷ 16.



Nostradamus được cho là đã đoán đúng rất nhiều sự kiện hiện đại, trong số đó có sự thống trị của Napoléon, việc sử dụng bom nguyên tử, con người chinh phục Mặt trăng, vụ ám sát Kennedy...



● Ngày nay thì sao?

Liên quan đến thời đại chúng ta, những người bình giải đọc thấy trong các câu thơ tứ tuyệt của Nostradamus cho thấy một vận mệnh không mấy sáng sủa. Ông tiên đoán là Thế chiến thứ ba sẽ xảy ra và xung đột này sẽ bắt nguồn từ Trung Đông. Trong cuộc chiến lần này, thành phố Marseille và nhất là Paris sẽ bị tiêu diệt và kẻ chống Chúa sẽ xuất hiện ở thế gian. Jean-Charles de Fontbrune, một trong những nhà bình giải lời tiên tri của Nostradamus nổi tiếng nhất xác định thời điểm xảy ra chuyện này là năm 1999, thế nhưng có lẽ những lời tiên tri này đến nay đã mất linh nghiệm.

giả kim, thiên cảm
và thuật huyền bí



Hòn đá tạo vàng của Nicholas Flamel

Một kẻ viết thuê sở hữu một quyển sách cổ đột nhiên giàu lên một cách bí ẩn. Có tin đồn đây là kẻ đã phát hiện ra hòn đá tạo vàng mà biết bao thế hệ các nhà giả kim đã hoài công tìm kiếm suốt từ thời Cổ Đại.

● *Di sản của khoa học Ả Rập*

Lịch sử của thuật giả kim phương Tây khởi đầu vào thế kỷ 12 tại Tây Ban Nha, một quốc gia nằm ở ranh giới giữa các nước phương Tây và Ả Rập. Người Công giáo dần dần lấy lại bán đảo Iberia (gồm chủ yếu Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay) và chiếm các thư viện Ả Rập, vốn được xem là kho báu của thế giới Ả Rập vì chứa rất nhiều tác phẩm y học, toán học, thiên văn học và giả kim. Người Âu đã phát hiện ra những tác phẩm viết tay của Djābir ibn Ḥayyān và ibn Zakariyya al-Rāzi (tên tiếng Latin là Geber và Rhazes), hai nhà giả kim sống ở thế kỷ thứ 8 và 9, vốn được xem là những người kế thừa kiến thức Cổ Đại. Vào thế kỷ thứ 12 và 13, ngoài những bản dịch các sách Ả Rập ra, người ta còn tìm thấy nhiều tác phẩm gốc được lưu truyền ở châu Âu. Phần lớn các tác phẩm này đều ghi các công thức hóa học cơ bản chứ không chứa điều gì khó hiểu. Nhưng phải đến thế kỷ 14 và 15 thì thuật giả kim mới trở nên cực thịnh.

● *Nicholas Flamel, người bán sách kiêm chép sách*

Nicholas Flamel ra đời năm 1330 tại Pontoise (Pháp). Gia đình ông xuất thân từ tầng lớp bình dân nhưng ông may mắn được các

tu sĩ dòng Biển Đức (Benedict) dạy đọc và viết tiếng Pháp cùng một ít tiếng Latin.

Ông trở thành người tập sự viết thuê ở nhà thầy Gobert rồi sau đó mua lại quyền bán sách và chép sách ở đại học Paris.

Cửa hàng của ông nằm gần nhà thờ Saint-Jacques-la-Boucherie, nơi có ngọn tháp Saint-Jacques mà ngày nay vẫn tồn tại. Cửa hàng mang tên “Hoa Lys” của ông còn là nơi tính toán sổ sách giúp các tiểu thương và dạy những người thuộc giới trung lưu cách ký tên của họ. Đây cũng là nơi ông thường ngồi chép và tô chữ cho các sách viết tay của đại học Paris. Vì thời đó chưa có nhà in nên nhu cầu chép sách là rất lớn, vì vậy công việc làm ăn của ông ngày càng phát đạt.

Tranh khắc ở thế kỷ 16 thể hiện cảnh các nhà giả kim đang làm việc trong xưởng luyện vàng.





Nhà giả kim. Tranh của Jacques-Louis Pérée (1769) vẽ theo bản học gốc của David Teniers (trước năm 1690).

● **Sự ra đời của một huyền thoại**

Theo lời kể của Flamel (mà ngày nay ai cũng biết là bịa đặt) thì ông thấy một thiên thần nhỏ hiện ra trong mơ, đưa ông xem một tác phẩm khác thường. Nhưng ông chưa kịp xem thì giật mình thức giấc. Ông không sao quên được giấc mơ ấy. Đến năm 1357, có một người đàn ông bước vào cửa hàng ông và chào bán một quyển sách bìa da. Nhận ra đó là quyển sách từng nhìn thấy trên tay thiên thần, ông lập tức mua ngay quyển sách với giá hai đồng *florin* (đơn vị tiền tệ Hà Lan).

Ở trang đầu quyển sách là lời nguyện rửa những ai tiếp tục đọc quyển sách ấy nếu không phải là tu sĩ hay văn sĩ, bên dưới ký tên Abraham người Do Thái. Vì tự cho thuộc thành phần thứ hai, tức văn sĩ, nên Flamel an tâm đọc ngay quyển sách. Có lẽ quyển sách này được lượm ra từ đống đồ đạc để lại của một người Do Thái khi bỏ trốn để tránh bị đưa lên giàn hỏa. Trong quyển sách có 21 tờ giấy rời ghi toàn những công thức giả kim mà Flamel hoàn toàn không hiểu.

THUẬT GIẢ KIM CÓ PHẢI LÀ KHOA HỌC?

Thời Trung cổ, thuật giả kim đúng là một ngành khoa học tiêu biểu bởi nó chứa đựng nguyên lý của tất cả các ngành khoa học khác. Với mục tiêu là nghiên cứu sự sống, nó hướng tới việc khám phá và định hình một chất men bí mật giúp ngăn chặn quá trình phân rã của cơ thể và khiến cái chết đến chậm hơn. Chất men này phải đảm bảo giúp con người nhanh chóng có được sức khỏe tối ưu. Chất men này có thể ở thể lỏng (như thuốc trường sinh hay thuốc chữa bách bệnh) hay thể rắn (như đá tạo vàng có tác dụng biến đổi một kim loại thường thành bạc hoặc vàng). Toàn bộ những quy tắc và nguyên lý luyện kim đều được ghi lại trong các văn bản bằng thứ ngôn ngữ biểu trưng. Đây là thử thách lớn cho những ai tập tễnh vào ngành giả kim do phải tốn nhiều nỗ lực để diễn giải.

Chính khía cạnh bí hiểm này đã biến ngành giả kim thành thứ mà các sử gia gọi là "giả khoa học". Đây cũng là trường hợp của chiêm tinh học. Cả hai ngành này đều cố gắng gắn thế giới vĩ mô trong vũ trụ với thế giới vi mô của con người.

Đó là lý do khiến ngành giả kim có thể đi tiên phong mở đường cho hóa học hiện đại nhờ một số khía cạnh kỹ thuật. Thậm chí nó tác

động tích cực đến tư tưởng của một số bác học như Paracelse - ông tổ của ngành y học huyền bí - và có thể là cả Newton, người say mê giả kim và từng viết sách chuyên khảo về đề tài này.



Nicholas Flamel đang sử dụng kỹ thuật chưng cất.

● *Đường đến Saint-Jacques de Compostelle*

Suốt gần 20 năm trời, Nicholas Flamel cùng vợ là Pernelle tìm mọi cách để hiểu ý nghĩa những điều ghi trong sách. Ông không bỏ bê cửa hàng nhưng tối nào cũng ngồi hàng giờ để tìm cách giải mã quyển sách bí mật. Ông cũng tham vấn các nhà giả kim nhưng, cũng như ông, không ai có thể làm sáng tỏ những bí mật viết trong đó. Ông muốn nhờ một nhà thông thái Do Thái giúp đỡ nhưng những người này hoặc là đã bỏ Pháp đi hết vì bị ngược đãi dưới thời vua Philippe le Bel, hoặc là đã cải đạo nên không thể biết ai là Do Thái.

Mãi đến năm 1378, khi hành hương đến thành phố Saint-Jacques de Compostelle, Flamel mới gặp được thầy Canches, một thầy thuốc già người Do Thái nay đã cải sang đạo khác. Ông liền đưa cho thầy Canches xem các đoạn văn mà ông chép lại và luôn mang theo bên người. Vui mừng, thầy Canches cho biết đó là một quyển sách liên quan đến Kabbalah, một hệ thống tôn giáo và triết học của người Do Thái cổ dựa vào việc diễn giải Kinh Cựu Ước. Người thầy thuốc quyết định theo Flamel đến Paris để xem bản gốc. Trên đường đi, ông giải thích cho Flamel cách diễn giải và cả hai lập tức bắt tay vào chú giải các đoạn mà Flamel mang theo người. Nhưng do đã mang bệnh sẵn từ trước nên thầy Canches đành dừng chân ở Orleans. Thấy qua đời mà chưa được tận mắt nhìn thấy quyển sách gốc của Abraham người Do Thái.

● *Vàng! Vàng!*

Tuy nhiên, nhờ được thầy Canches hướng dẫn, Flamel cũng hiểu biết được ít nhiều, đủ để ông tiếp tục công việc tìm tòi nghiên cứu. Trong suốt 2 năm trời, ông nghiên cứu quyển sách tỉ mỉ và làm thử các thí nghiệm. Đến ngày 17 tháng 1 năm 1382

thì ông đạt kết quả đầu tiên: “Lần đầu tiên tôi thử nghiệm trên thủy ngân và, sau khi đã thử đi thử lại nhiều lần, tôi đã thành công trong việc biến khoảng nửa ký thủy ngân thành bạc nguyên chất, tốt hơn cả loại bạc trong quặng”. Theo lời Flamel thì ông đã phát minh ra được một thứ nước màu trắng có tác dụng biến thủy ngân thành bạc. Ông biết mình đang tiến rất gần đến công trình vĩ đại của cuộc đời. Ba tháng sau, Flamel chế được loại nước màu đỏ, một chất để luyện vàng: “Cũng tại ngôi nhà này, tôi đã dùng chất luyện vàng để thử nghiệm trên cùng một lượng thủy ngân trước sự chứng kiến của Pernelle vào lúc 5 giờ chiều ngày 25 tháng 4 trong cùng năm đó, và tôi đã thực sự chế được vàng nguyên chất, với chất lượng chắc chắn tốt hơn hẳn vàng thường vì vàng thường mềm và dẻo hơn vàng nguyên chất”.

Ở tuổi 52, người viết thuê tầm thường này đã nắm được một quyền năng lớn hơn cả quyền lực đế vương, đó là quyền năng chế tạo vàng. Nhưng ông vẫn giữ kín chuyện này, không hề thay đổi lối sống vì sợ mọi người chú ý.

● *Của cải của Flamel từ đâu đến?*

Câu chuyện trên được rút ra từ các bài viết được cho là của Flamel. Trong những bài viết này, Flamel không bao giờ kể rõ phương pháp làm việc của mình mà chỉ gọi đó là những “cuộc thí nghiệm”. Nhưng rõ ràng là, sau năm 1382, Nicholas Flamel đột nhiên trở nên rất giàu. Ông tham gia nhiều chương trình từ thiện, sáng lập 14 bệnh viện và xây 3 nhà thờ nhỏ. Những lời quảng bá về công việc từ thiện của ông càng làm cho chúng nổi đình nổi đám.

Tin đồn lan truyền khắp kinh thành về của cải của ông. Vàng ở đâu ông có? Người thì tin rằng Flamel nắm giữ bí quyết luyện vàng, kẻ thì nói chính cửa hàng viết thuê đã giúp ông có nguồn thu



*Nhà giả kim trong
phòng thí nghiệm.
Tranh của Thomas
Wyck (1616-1677).*

nhập dồi dào. Ông có rất nhiều nhân viên chép thuê, và trong số các khách hàng thường xuyên lui tới có rất nhiều nhân vật quyền thế nhất Paris, ngoài ra còn có cả đại học Paris nữa.

Sau khi Flamel qua đời ngày 22 tháng 3 năm 1417, nhà cửa và mồ mả của ông bị mọi người xới tung để tìm chỗ cất giấu chất luyện vàng nhưng chẳng ai tìm ra được thứ gì. Hai thế kỷ sau, quyển sách của Abraham người Do Thái bỗng nhiên xuất hiện trở lại trong tay Đức Hồng y Richelieu. Hiện giờ thì không ai biết quyển sách ấy nằm ở đâu.

Công thức điều chế vàng

Trong tác phẩm *Các ngành nghệ thuật*, tu sĩ Théophile ở thế kỷ 17 tên thật là Rogerus sống ở miền Bắc nước Đức đã giải thích cách cách điều chế vàng Tây Ban Nha của các nhà giả kim, một loại vàng đặc biệt mềm và dễ uốn.

Trước hết phải tạo ra những con rắn *basilica*, một loại bò sát được sinh ra từ một con gà trống già:

"Họ xây một chiếc buồng dưới đất, chất đá trên, dưới và xung quanh buồng. Buồng có hai cửa sổ nhỏ, hẹp đến mức khó nhìn qua. Họ đặt vào đó hai con gà trống già, tuổi từ 12 đến 15 năm, rồi cho chúng ăn. Khi chúng béo ra, hơi ấm từ thân thể được vỗ béo của chúng sẽ kích thích chúng giao cấu với nhau và đẻ trứng. Chờ trứng đẻ xong, người ta mang chúng ra khỏi buồng và thế vào đó những con cóc để thay chúng làm công việc ấp trứng. Trong thời gian ấp, họ nuôi cóc bằng bánh mì. Sau khi ấp, trứng sẽ nở ra những con gà đục có hình dạng giống gà con, có chiều là 7 ngày sau những con gà con này sẽ mọc ra những chiếc đuôi rắn. Khi vừa mọc đuôi, nếu như không chặn buồng bằng đá thì đám gà con sẽ chui hết xuống đất. Để ngăn điều đó, những người nuôi gà phải để sẵn những bình tròn bằng đồng có dung tích lớn và đục thủng nhiều lỗ, miệng bình đóng chặt. Họ đặt gà con vào đó, đóng chặt nắp bình lại bằng nút đồng rồi đem bình chôn xuống đất. Những con gà này sẽ được nuôi dưới đất 6 tháng và ăn đất mịn lọt qua các lỗ trên thân bình mà sống. Sau 6 tháng, họ mở nắp bình và châm lửa thiêu cho đến khi những con vật trong bình hoàn toàn cháy rụi. Sau khi xương cốt các con vật nguội đi, họ lấy ra nghiền thật nát rồi thêm vào đó một phần ba máu người (máu này được sấy khô rồi tán mịn). Hai thứ này sau đó được đổ vào một loại giấm mạnh chứa trong một bình sạch. Sau đó họ lấy những lá đồng đỏ nguyên chất rất mỏng, trét một lớp hỗn hợp từ giấm, máu và xương gà lên hai bên tấm lá đồng đỏ. Họ hơ mấy lá đồng cho đến khi nóng lên rồi mới lấy ra khỏi lửa và rửa trong hỗn hợp đó. Họ làm vậy cho đến khi hỗn hợp này từ từ ăn mòn tấm đồng và làm cho tấm đồng mang màu sắc và trọng lượng của vàng. Loại vàng này có thể dùng để chế tạo bất kỳ sản phẩm nào".

● **Đá tạo vàng gồm những chất gì?**

Với các nhà giả kim thì đá tạo vàng không chỉ là phương tiện biến kim loại thành vàng, điều mà họ ngày đêm mơ ước, mà còn chứa một đan dược giúp trị bệnh và giúp trường sinh bất tử. Để luyện được chất tạo vàng phải mất một quá trình dài, đầy phức tạp. Nhà giả kim trước hết phải chiết nguyên liệu từ lòng đất và tiến hành 4 giai đoạn. Đầu tiên là biến nguyên liệu đó thành chất lỏng, sau đó cho nước bốc hơi hết chỉ còn lại một chất nhờn, rồi tiếp đến là tách và tinh chế từng thành phần của chất ấy, và cuối cùng cô đặc tinh chất này lại để biến nó thành chất tạo vàng.

Để làm được điều này, cần có một nhà chuyên môn am tường kỹ thuật chế tạo. Trước hết là “làm đen”, tức kỹ thuật tách tạp chất ra khỏi vật chất. Kế đó là “làm trắng”, tức tạo ra một chất màu trắng có tác dụng biến kim loại xấu thành bạc. Và cuối cùng là “làm đỏ”, giúp tạo ra chất hóa vàng để biến thủy ngân thành vàng.

Ngôn ngữ giả kim cũng không khác mấy ngôn ngữ biểu tượng: “đen” tượng trưng cho cái chết, “trắng” tượng trưng cho việc khôi phục linh hồn thanh khiết, và “đỏ” tượng trưng cho cuộc sống tinh thần vĩnh hằng.

● **Có thể biến kim loại thành vàng?**

Ngày nay, liệu có thể tin Nicholas biến được kim loại xấu thành vàng? Tư tưởng khoa học hiện đại ra đời từ chủ nghĩa thực chứng ở thế kỷ 19 cho rằng không cách nào biến kim loại này thành kim loại khác. Ngay từ thời đó, người ta đã biết rằng chì, thủy ngân, vàng hoặc bạc đều là đơn chất, vì vậy không thể chiết ra để tạo đơn chất khác. Ý tưởng chuyển từ dạng vật chất này sang dạng vật

chất khác thật là phi lý, nhất là kể từ khi Lavoisier tiến hành những công trình thí nghiệm năm 1722, đánh dấu sự ra đời của hóa học hiện đại.

Với những phát minh vật lý nguyên tử và hạt nhân ở thế kỷ 20, tư duy khoa học thực chứng cũng thay đổi. Ngày nay, ta biết rằng tuy vàng quả thật là đơn chất nhưng lại do các hạt nguyên tử giống nhau hợp thành và mỗi hạt nguyên tử này đều có một lõi proton và neutron cùng các electron xoay quanh.

Các nhà vật lý ngày nay đã có thể thực hiện công trình vĩ đại mà các nhà giả kim hằng mơ tưởng nhờ sử dụng phản ứng hạt nhân trong máy gia tốc hạt. Điều bất lợi duy nhất của ngành “giả kim hiện đại”, một lĩnh vực ngoài tầm với của các nhà giả kim thế kỷ 15, là giá trị của mỗi hạt vàng làm ra cao hơn gấp cả triệu lần giá trị của vàng tự nhiên.

Bí ẩn hội đạo Rose-Croix

Ra đời năm 1614 từ trí tưởng tượng của 3 học giả của phái thần học Luther, từ “*Rose-Croix*” (Hoa hồng-Thập giá) không ám chỉ một trào lưu tư tưởng liên tục. Trải qua nhiều thời đại, nhiều hội đạo bí mật đã lấy tên này mà chẳng hề có liên quan trực tiếp đến tư tưởng ban đầu.

● Tiết lộ về thuật giả kim

Năm 1614, ở Đức xuất hiện một bản tuyên ngôn viết bằng tiếng Latin mang tên *Fama fraternitatis* tức *Tiếng vang dòng Rose-Croix*. Đi kèm với bản tuyên ngôn là các bài chuyên luận, thư từ và nhất là tiểu sử của Christian Rosencreutz (Rose-Croix), một thuật sĩ sống ở thế kỷ 14, người đã từng sang phương Đông và là một nhà tư tưởng theo thuyết thần bí.

Lý do công bố bản tuyên ngôn này là vì người ta phát hiện ra mộ của Rosencreutz vào năm 1604, trong đó chứa đầy những giấy tờ ghi các công thức ma thuật và quy tắc sống. Đến năm sau thì tác phẩm này được tái bản bằng tiếng Đức và bổ sung thêm phần *Tuyên bố của dòng Rose-Croix*, hứa hẹn mang đến cho người đọc những tiết lộ huyền diệu về thuật giả kim. Năm 1616, một quyển sách thứ ba mang tựa đề *Hôn lễ hóa học của Christian Rosencreutz* ra đời, bổ sung cho hai sách trước. Tuy chuyện kể về cuộc đời của nhân vật này rất lý thú nhưng chắc chắn đây là chuyện tưởng tượng. Bỏ qua cách diễn tả đầy bí hiểm của sách, thông điệp rõ ràng gởi tới người đọc là: điều mà ta cần tìm hiểu chính là bản thân mình, ánh sáng không đến từ bên ngoài mà là từ bên trong. Đó là trong những năm đầy biến động khiến cho căng thẳng ngày càng

Lời mô tả về các đạo hữu Rose Croix

Trong tác phẩm "Giúp nước Pháp biết sự thật về các đạo hữu Rose-Croix", sử gia C. Vaudé ở thế kỷ 18 đã viết như sau:

"Các đạo hữu Rose-Croix khẳng định nhiệm vụ của họ là làm mọi thứ trở nên tốt hơn trước khi đến ngày tận thế. Cho dù ở nơi nào, các đạo hữu Rose-Croix cũng biết rõ những gì đang xảy ra trên thế giới. Các đạo hữu không bao giờ đói khát, già nua bệnh tật hoặc chịu bất kỳ ảnh hưởng xấu nào của thiên nhiên...

Các đạo hữu có thể thoải mái thú nhận và công bố Đức Giáo Hoàng là kẻ chống Chúa mà không cần e sợ. Họ có thể công nhận hoàng đế La Mã là thủ lĩnh của họ và của tất cả giáo dân Ki-tô giáo. Họ có thể tặng cho vị hoàng đế này số vàng bạc nhiều hơn tất cả số vàng bạc mà vua Tây Ban Nha lấy về từ Đông và Tây Ấn...

Cuối cùng, họ có thể an tâm và được đảm bảo rằng chân lý của những câu châm ngôn mà họ đưa ra sẽ mãi mãi trường tồn cho đến khi thế giới diệt vong".

gia tăng giữa những quốc gia cải cách tôn giáo và những quốc gia trung thành với La Mã, dẫn đến cuộc chiến 30 năm. Người thảo ra thông điệp giản dị và khó bác bỏ này đã khiến các tín đồ Công giáo và Tin Lành quay lưng lại với nhau vì bên thì trọng sự thành tâm, bên thì dựa vào đức tin.

● **Thành công vang dội**

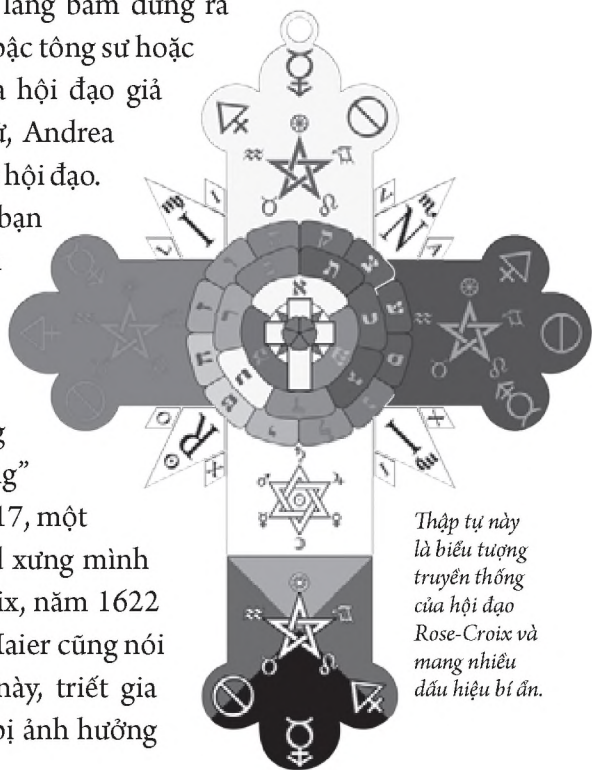
Trong số ba tác phẩm xuất bản năm 1614 và 1616, chỉ một tác phẩm duy nhất có tên tác giả. Đó là tác phẩm cuối cùng. Tác giả quyển sách này là Johann

Andrea, một thầy trợ tế đạo Luther sống ở Tübingen. Cùng với hai người bạn là Christoph Besold và Tobias Hess, Johann Andrea khẳng định mình là người lập ra "Đòng Rose-Croix vinh danh".

Trên thực tế thì cả Christian Rosencreutz lẫn dòng Rose-Croix đều không hề tồn tại. Chuyện này được bịa đặt ra như cái cớ để soạn thảo lại một chương trình thần bí mà thực chất chỉ là trò đùa của 3 nhà tri thức này. Họ hợp thành một hội mà ngày nay ta gọi là “Hội Tübingen”. Nhưng từ năm 1616 trở đi thì hội Rose-Croix mà Andrea, Besold và Hess tưởng tượng và đưa ra như một trò đùa đột nhiên biến thành sự thực. Tại nhiều thành phố châu Âu mọc ra các hội quán Rose-Croix nhưng các hội quán này đều không chút liên quan đến hội Tübingen.

● **Món hàng tri thức**

Hàng tá đạo sĩ và lang băm đứng ra nhận mình là những bậc tông sư hoặc chức sắc cao cấp của hội đạo giả này. Để tránh khó xử, Andrea vội vàng phủ nhận các hội đạo. Ông cùng hai người bạn ngưng đề cập đến tên Rose-Croix, nhưng điều này vẫn không thay đổi được gì. Người ta ngày càng nói nhiều đến “Dòng” Rose-Croix. Năm 1617, một người Anh tên Fludd xưng mình là đạo hữu Rose-Croix, năm 1622 một người Đức tên Maier cũng nói mình theo hội đạo này, triết gia Francis Bacon cũng bị ảnh hưởng



Thập tự này là biểu tượng truyền thống của hội đạo Rose-Croix và mang nhiều dấu hiệu bí ẩn.



Thuyết thân bí được xem là nghệ thuật sống trong các cộng đồng Rose-Croix.

bởi những tư tưởng được xem là xuất phát từ “truyền thống Rose-Croix” khi viết tác phẩm Tàn Atlantis, còn triết gia Descartes của Pháp cũng bị nghi ngờ là đạo hữu.

Suốt thế kỷ 18 và 19, số đạo hữu Rose-Croix tăng lên chóng mặt nhưng lại không hề gắn bó với nhau và cũng chẳng dựa theo

logic nào. Nhiều bang hội lấy tên này đơn giản chỉ để tạo cho mình vòng hào quang bí ẩn và chính vì thế mà gây ra nhiều nhầm lẫn.

● **Cuộc chiến giữa hai hoa hồng**

Vào cuối thế kỷ 19 ở Pháp, phong trào Rose-Croix đột nhiên bùng phát dữ dội. Năm 1888, thi sĩ trẻ Stanislas de Guaita đứng ra thành lập “Đòng Rose-Croix pháp truyền kinh thánh” mang tư tưởng duy linh và huyền bí. Thầy thuốc Gérard Encausse, bút danh Papus, và nhà văn Joséphin Péladan cũng gia nhập hội đạo mới này. Nếu Guaita là một nhà giả kim trầm tư thì Péladan lại là một người phóng túng, bữa bãi. Ông tự cho mình là giáo chủ vì có quan hệ huyết thống với một vị vua xưa ở Babylon... Năm 1890, do muốn trở nên một bậc tông sư nên ông lập một hội đạo đối lập mang tên “đòng Rose-Croix Thiên Chúa giáo” có vai trò “khai sáng nghệ thuật”. Hai đòng Rose-Croix vừa cố gắng xây dựng lý

luyện thân bí và mỹ thuật của riêng mình, vừa ra sức thóa mạ và công kích lẫn nhau. Công chúng hả hê theo dõi diễn tiến “cuộc chiến giữa hai Hoa hồng”, một cuộc chiến ngày càng trở nên gay gắt bởi tính khí kỳ quặc của giáo chủ Peladan, kèm theo một số trận đấu súng tay đôi ở Pré-Catelan. Thanh danh của hội Rose-Croix, vốn dĩ đã không mấy sáng sủa, ngày càng trở nên u ám.

Một hội viên tam điểm trong nhà ngục Bastille

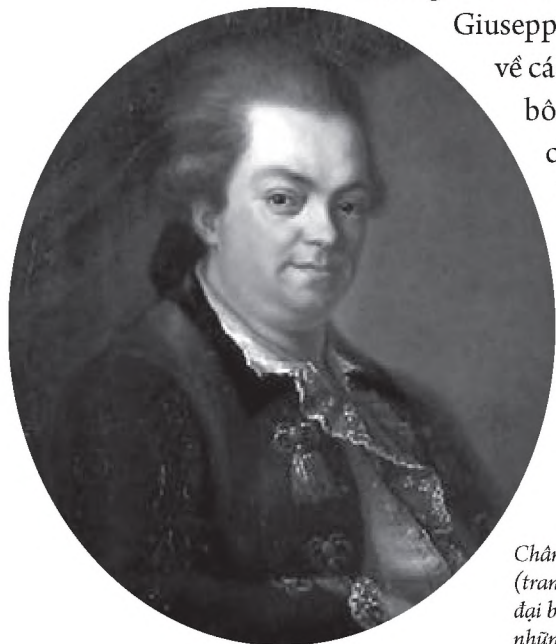
Từ Roma đến London, từ Madrid đến Saint Petersburg, từ Paris đến Amsterdam, Cagliostro đã len lỏi vào tất cả các triều đình để ra sức quyến rũ, mê hoặc và... làm giàu.

- *Tên ma cô, kẻ lừa đảo và bị bọm*

Giuseppe Balsamo, con trai một người bán hàng thuê, chào đời tại Palermo năm 1743. Ngay từ nhỏ, cậu bé Giuseppe đã rất hiếu động. Năm 12 tuổi, cậu vào trường dòng nhưng chẳng mấy chốc đã bị đuổi vì tội ăn cắp vặt. Cha cậu đưa cậu đến học việc tại nhà một người bán thuốc cho tu viện. Tại đó,

Giuseppe học hỏi được đòi điều về các loại thuốc bột và thuốc bôi ngoài da. Tuy nhiên, chỉ vài tháng sau, cậu lại bị đuổi.

Tại Palermo và Naples, Giuseppe làm nghề vẽ tranh cho du khách rồi sau đó trở thành một tay làm tranh giả, làm giả giấy



Chân dung được cho là của Cagliostro (tranh của Le Gay, thế kỷ 18). Tên đại bọm này đã len lỏi thành công vào những chốn quyền lực nhất châu Âu.

tờ tùy thân và làm nghề dốt gái... Hắn học trò ảo thuật và sử dụng hóa chất để làm các màn trình diễn của hắn thêm hấp dẫn. Trở thành “thuật sĩ”, hắn sống nhờ vào lòng că tin của công chúng. Một ngày kia, màn ảo thuật của hắn bị lộ: khách biết mình bị lừa nên đòi lại tiền. Thế là Giuseppe Balsamo phải vội vàng cuốn gói chuẩn khỏi Naples.

Khi đến Roma, Giuseppe quay trở lại với công việc quen thuộc là làm tranh giả, đi quyên tiền cho các dòng tu tưởng tượng, và lừa bịp người khác. Năm 1768, hắn kết hôn với một cô gái rất xinh đẹp tên Lorenza Feliciani. Là con một thợ thủ công, Lorenza là một cô gái thông minh và đầy tham vọng. Cô xúi giục Giuseppe làm nhiều chuyện động trời và gán cho hắn danh hiệu bá tước Cagliostro. Bản thân cô cũng đổi tên thành Séraphina. Họ cùng nhau sang Tây Ban Nha, nơi không ai biết gì về họ, để làm giàu.

Âm mưu của họ khá đơn giản: trong khi cô nàng Lorenza, tức Séraphina xinh đẹp, lên giường với các bậc quyền thế thì Balsamo, tức Cagliostro, giở trò ảo thuật của mình tại các salon. Kế hoạch thành công mỹ mãn. Cặp vợ chồng này vừa đến Tây Ban Nha thì Séraphina đã quyến rũ ngay một vị thân vương. Nhờ cô ta, Cagliostro đặt được chân vào những nơi cao sang quyền quý để lừa gạt những người khờ dại.

● *Ma thuật*

Hai kẻ lừa đảo sau đó sang Anh Quốc. Tại đây, Séraphina nâng đi phần tài sản đáng kể của một Huân tước già còn gã chồng thì già bộ thất bại trong một màn ảo thuật khiến cho một vòng nạm kim cương bị “bốc hơi” hoàn toàn. Đến khi sang Pháp, Séraphina lại giúp sưởi ấm giường của Đức Hồng y Rohan. Chẳng bao lâu sau, toàn Paris ai cũng nhắc đến “giai nhân Séraphina tuyệt sắc”

và người thuật sĩ tuyệt vời luôn đi cùng cô ta. Vợ chồng hắn la lét từ thủ đô nước này sang thủ đô nước khác. Tuy nhiên, Cagliostro cũng biết trò lừa bịp của mình sớm muộn gì cũng bại lộ và gây nguy hiểm. Vì đã từng ném mùi ố rơm ẩm ướt ở các nhà ngục London nên hắn cũng lo lắng và quyết định thay đổi phạm vi hoạt động. Từ đó, hắn quan tâm hơn đến thuật giả kim cùng những hoạt động thần bí.

● *Hội tam điểm ở Ai Cập*

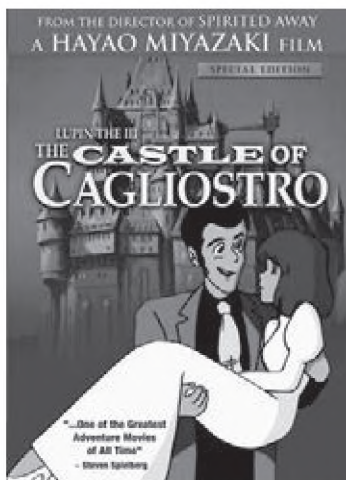
Cagliostro tự xưng là Đại tông sư của Giáo hội Thiên chúa cổ ở châu Âu và châu Á. Hắn phao tin hắn là hoàng tử con vua xứ Trebizond, bị vua cha truất phế nhưng may mắn được quốc vương xứ Mecca đem về nuôi dưỡng từ nhỏ, nhờ thế mà hắn biết được mọi bí mật của thế giới Hồi giáo, Ba Tư và Ấn Độ. Sau đó, hắn khoe đã theo học các thầy tu Hồi giáo rồi tham gia một giáo phái Ai Cập trước khi đến Damas để học thuật giả kim và làm việc trong những phòng thí nghiệm bí mật của các hiệp sĩ vùng Malta.

Hội Tam điểm phát triển vượt bậc vào thập niên 1770. Cagliostro gia nhập hội này và quyết định quy phục người khác bằng cách lập ra hội tam điểm Ai Cập, một tổ chức đặc trưng bởi cơ cấu thứ bậc khắt khe. Hắn thành công rực rỡ và kiếm được rất nhiều tiền từ việc này. Lần đầu tiên trong đời, Cagliostro tỏ ra thực sự mê mẩn công việc nghiên cứu của mình. Cùng hai chiến hữu đến từ Lyon là Magneval và Saint-Costard, hắn thực hiện công việc thần bí này một cách nghiêm túc và tỉ mỉ. Chính nhờ công việc này mà một Cagliostro thứ hai đã ra đời. Do quá say mê tìm tòi tư liệu cho một vụ lừa đảo mới, Cagliostro vô tình bị cuốn vào ván bài do chính mình đặt ra, trở thành một thành viên thực thụ của chủ nghĩa bí truyền. Hệ thống biểu tượng của hắn đã ảnh hưởng lớn đến nhiều môn đồ và từ đó Hội Tam điểm Ai Cập

của hắn trở thành một trường phái thực thụ.

● *Cuộc phiêu lưu kết thúc*

Năm 1786 là năm mà Cagliostro đạt đến đỉnh cao danh vọng. Song song với việc hoạt động cho Hội Tam điểm Ai Cập, hắn tiếp tục trò ảo thuật trước đây, đồng thời tiếp tục quan tâm đến đá quý. Khi xảy ra vụ xâu chuỗi ngọc mất cắp, một vụ làm tổn hại trầm trọng đến thanh danh hoàng hậu Marie-Antoinette, hắn bị tố cáo là đã ăn trộm món trang sức này. Cagliostro bị tống vào ngục Bastille ngày 22 tháng 8, nhưng chỉ 10 ngày sau hắn đã được chứng minh là vô tội. Tuy nhiên, hắn vẫn tiếp tục bị giam ở ngục Bastille gần một năm. Điều này giúp hắn trở thành biểu tượng cho hành động sai trái và phạm pháp của triều đình dưới mắt những người theo chủ nghĩa tự do. Cuối cùng thì hắn cũng được phóng thích và được dân chúng Paris đón mừng tuy nhiên sau đó lại có lệnh trục xuất hắn. Hắn có 2 tuần để rời nước Pháp. Hắn quay trở về Roma, nhưng tại đây hắn bị Séraphina phản bội. Cô ả tố giác hắn lên tòa án dị giáo, nói là hắn “giao dịch với quỷ Satan”. Thế là một lần nữa Cagliostro bị tống vào ngục tối. Ít lâu sau, hắn lên cơn điên và chết trong ngục vào năm 1795. Tuy Cagliostro là một kẻ lừa đảo nhưng điều này không hề ảnh hưởng đến các nghiên cứu thần bí của hắn. Cho đến nay, tại nhiều nơi, người ta vẫn tiếp tục tiến hành các nghi thức của Hội Tam điểm Ai Cập.



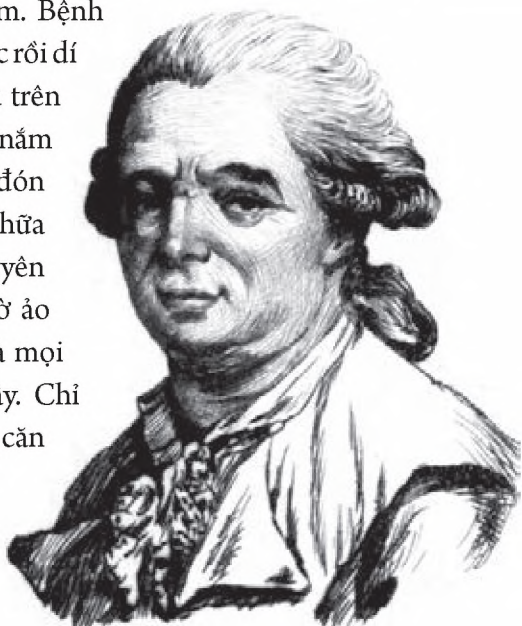
Tính cách của Cagliostro tạo cảm hứng cho nhiều nghệ sĩ. Trong hình là tấm áp phích quảng cáo bộ phim mang tên Cagliostro của Thụy Điển.

Chữa bệnh bằng “từ tính động vật”

Ở hậu bán thế kỷ 18, cả Paris đều say mê một phương pháp mới lạ. Đó là phương pháp từ tính, một phương pháp giúp chữa khỏi nhiều căn bệnh một cách thần kỳ. Tuy bị giới y học gièm pha nhưng phương pháp này có thể nói là tiền đề cho một số khám phá khoa học.

● Những chiếc chậu gỗ của Mesmer

Mesmer chăm sóc bệnh nhân bên những chiếc chậu gỗ mà ông dùng làm công cụ phát ra từ tính. Để tạo từ tính, ông ngâm hỗn hợp mạt sắt, thủy tinh nghiền nát và lưu huỳnh vào những chậu nước cột vào nhau bằng dây kẽm. Bệnh nhân nhúng que sắt vào chậu nước rồi đi chúng lên những bộ phận bị đau trên cơ thể họ. Các bệnh nhân cũng nắm tay nhau đứng thành hàng dài để đón nhận làn sóng từ. Những buổi chữa bệnh tập thể như thế được khuyến nên tiến hành dưới ánh sáng mờ ảo trong bầu không khí tĩnh lặng và mọi người đều không được động đậy. Chi riêng Mesmer là di chuyển trong căn phòng, khi thì đặt tay lên bệnh nhân, lúc lại dùng que sắt đi vào người họ. Tuy nhiên, cũng có lúc ông để nhạc.



Mesmer, người sáng lập ra lý thuyết Mesmer và thuật thôi miên.



Mesmer đang thực hành từ tính động vật.

Năm 1779, Mesmer, người sáng lập ra thuyết từ tính, xuất bản *Báo cáo khoa học về việc phát hiện từ tính động vật*. Ông trình bày học thuyết này trong 27 bài viết. Luận đề của ông trở thành một thứ hiến chương của tất cả những người tin theo.

● **Từ tính động vật**

Sinh ra năm 1734 ở Đức, Franz Anton Mesmer theo học ngành y tại đại học Vienna và ra trường năm 1766. Thời đó ông đã là tiến sĩ triết học. Ông mở phòng mạch ở Vienna và đến năm 1722 thì bắt đầu thử nghiệm phương pháp từ tính lên bệnh nhân. Theo ông thì trong vũ trụ có một dòng năng lượng tương tác với các thiên thể và những vật thể có sự sống khác. Từ sự tương tác này phát sinh những dòng khí di chuyển tới lui và tác động lên con người bằng cách len lỏi vào các dây thần kinh của họ. Tất cả mọi

căn bệnh sở dĩ mắc phải đều là do dòng khí không được phân bố tốt bên trong cơ thể con người. Mối liên hệ giữa con người và vũ trụ cũng giống như mối liên hệ sẵn có giữa các vật từ hóa, do đó chỉ cần dùng một thời nam châm là có thể điều hòa dòng khí giúp cân bằng cơ thể.

Lúc đầu Mesmer chăm sóc bệnh nhân bằng cách áp thời nam châm vào người họ. Thời nam châm này được ông đặt thợ ở Vienna làm để phù hợp với từng bộ phận khác nhau trên cơ thể. Sau một năm thử nghiệm, ông nhận thấy có thể đạt kết quả tối ưu bằng các dùng tay, thế là ông bỏ việc sử dụng nam châm. Vậy là ông đã chuyển từ từ tính khoáng vật sang từ tính động vật, tức dòng các ngón tay để truyền năng lượng.

● *Tranh cãi và thành công*

Phương pháp chữa trị của Mesmer là dùng tay đặt vào chỗ đau khu trú hay lan tỏa trên cơ thể tùy theo từng bệnh. Phương pháp này giúp bệnh nhân khôi phục trương lực thần kinh, cắt những cơn đau và những cơn co giật nhẹ. Người được Mesmer chữa khỏi đầu tiên là Osterwald, học viên học viện Bavière. Ông này được Mesmer điều trị khỏi hoàn toàn chứng bại liệt và mù. Nhưng bệnh viện Vienna không chịu chính thức công nhận ca khỏi bệnh này. Điều này khiến Mesmer lần đầu tiên phải ra mặt đối đầu với nền y học chính thức vốn không xem việc điều trị của Mesmer là hợp pháp.

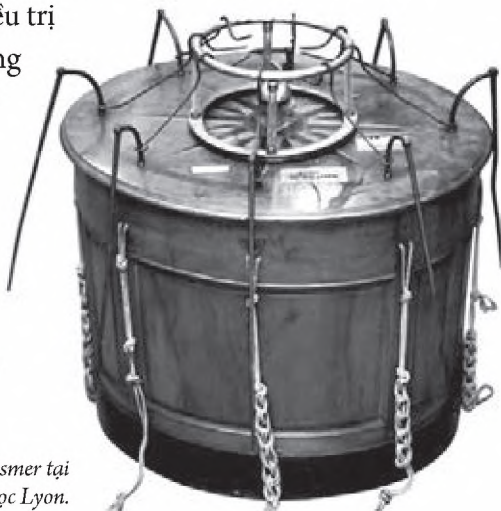
Sau đó Mesmer quyết định thử điều trị căn bệnh liệt nửa người, chứng viêm mắt hay thổ huyết và đạt nhiều kết quả khả quan. Đại công tước xứ Bavière là Maximilien-Joseph đã cho mời ông đến Munich hai lần để trình bày phương pháp chữa bệnh của ông. Ông trở nên thực sự nổi tiếng sau khi chữa khỏi bệnh co thắt

họng cho Nam tước Horka, một căn bệnh mà trước đây chưa thấy thuốc nào chữa khỏi.

Nhưng đến năm 1775 thì Viện Hàn lâm Berlin công bố một bức thư tố cáo phương pháp từ tính là hành động lường gạt. Điều này không làm Mesmer chùn bước và ông vẫn tiếp tục sử dụng phương pháp trị bệnh này. Tuy nhiên, do nhiều lần thất bại và bị các bác sĩ liên tục chống đối nên ông rời Vienna đến Paris năm 1778 để ổn định cuộc sống. Chỉ một năm sau, quyển *Hồi ký* về những *phát hiện từ tính động vật* của ông đã khiến nhiều người tò mò tìm đến và thế là ông trở lại với công việc chữa trị của mình.

● *Chiếc chậu gỗ của Mesmer*

Khi nhận thấy tính chất nam châm có thể truyền sang vật khác như que sắt, Mesmer nghĩ rằng từ tính động vật cũng có thể truyền cho vật khác, nhất là nước. Thế là ông chế ra một chậu gỗ và phát triển phương pháp chữa bệnh tập thể bằng từ tính cho khoảng một chục bệnh nhân. Ông xen kẽ việc điều trị tập thể với điều trị cá nhân ở nhà bằng phương pháp từ tính. Ông đặt tay lên bộ phận cơ thể bị thương tổn của bệnh nhân và đôi khi cũng tiến hành xoa bóp một lúc lâu. Thường thì ông rất ít khi cho bệnh nhân uống thuốc.



Chiếc chậu gỗ của Mesmer tại Viện bảo tàng Lịch sử y học Lyon.

TỪ PHƯƠNG PHÁP TỪ TÍNH ĐẾN PHƯƠNG PHÁP THÔI MIÊN

Các môn đồ của Mesmer tiếp tục sự nghiệp của ông. Trong số này có những nhân vật như Deleuze, linh mục Faria và Hầu tước vùng Puységur. Năm 1784, Puységur ngạc nhiên khi thấy bệnh nhân của mình thiếp ngủ mỗi khi ông đặt tay lên họ, từ đó ông phát hiện ra hiện tượng mộng du nhân tạo. Một nha sĩ tên James Brand sống ở vùng Machester đã lấy “giác ngủ nhân tạo” làm phương pháp gây mê cho bệnh nhân. Đến năm 1843, ông thay thế thuật ngữ “mộng du” thành “thôi miên” nhằm cắt đứt mối quan hệ với phương pháp Mesmer. Cuối cùng, giáo sư Charcot (1825-1893), một bác sĩ thần kinh, cũng ứng dụng thuật thôi miên vào điều trị. Không lâu sau đó, tiến sĩ Sigmund Freud trở thành người đầu tiên chứng minh được giấc ngủ do thôi miên cho phép đánh thức hoạt động vô thức của con người. Chính từ các thử nghiệm này mà Freud phát minh ra khoa phân tâm học. Mặc dù những người bị chứng *hysteria* là đối tượng dễ thôi miên nhất nhưng người ta cũng chứng minh được rằng những ai giàu óc tưởng tượng, trí sáng tạo hoặc đức tin tôn giáo cũng đều dễ thôi miên.

Giáo sư Charcot tiến hành thôi miên tại một buổi giảng dạy ở Salpêtrière.



Từ 1783 đến 1784, khi phương pháp điều trị của Mesmer đang trở thành phong trào thì bị trường đại học y khoa ra lệnh cấm tổ chức những buổi chữa bệnh tương tự. Sự cấm đoán này khiến bệnh nhân và dư luận quần chúng phẫn nộ. Sau vụ này, vua Louis XVI quyết định thành lập hai ủy ban khoa học để nghiên cứu hiện tượng này, một ủy ban bao gồm các thành viên Hội Y học Hoàng gia còn ủy ban kia bao gồm các bác học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học. Phán quyết của hai ủy ban này là phán quyết cuối cùng, không thể kháng cáo. Nó kết luận rằng không hề có dòng năng lượng vũ trụ và nhấn mạnh vai trò của tâm lý trong việc chữa trị bằng từ tính. Trong báo cáo cuối cùng, cả hai hội đồng khoa học đều cho rằng phương pháp chữa bệnh của Mesmer có thể ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục bởi nó hàm chứa sự gợi dục (dùng tay đung chạm vào người).

Thất vọng vì bị cấm chữa bệnh bằng từ tính mặc dù chính các bệnh nhân xác nhận đã khỏi bệnh, Mesmer lui về Constance sống cuộc đời bình yên ở đó cho đến khi ông từ già cõi đời năm 1815.

● **Học thuyết dòng năng lượng vũ trụ**

Mesmer cho rằng có một dòng năng lượng trong vũ trụ. Theo ông thì các thiên thể, Trái đất và các vật thể sống luôn tác động qua lại. Dòng năng lượng lan tỏa trong vũ trụ chính là phương tiện gây ra tác động này.

Mesmer thừa kế ý tưởng này từ một số tác giả và triết gia. Ông lấy ý tưởng về linh hồn thể giới và nguyên liệu từ Plato, áp dụng học thuyết của Aristotle về nguyên tố thứ năm có tên “*ether*”, và sử dụng các lý thuyết về “luồng chất lỏng” của môn giả kim.

Với các nhà giả kim thì *ether* là một mớ hỗn độn, một hoạt chất

mang tính tuyệt đối và hiện diện trong mọi thứ. Năng lượng vũ trụ hợp lại với nguyên liệu để hình thành nên thế giới cùng mọi sinh vật sống trong đó.

Thuyết thông linh cũng dành một vị trí quan trọng cho khái niệm dòng năng lượng bởi dòng năng lượng được họ xem là chất trung gian giữa cõi âm và dương. Thuyết thông linh hiện đại đặt cho dòng năng lượng này một cái tên khoa học hơn là sóng hoặc bức xạ.

P h ầ n 3

BÍ ẨN CỦA KINH THÁNH VÀ KI-TÔ GIÁO

PHÉP LẠ VÀ SỰ CAN THIỆP CỦA THÁNH THẦN TRONG KINH THÁNH CÓ TÁC DỤNG NHƯ MỘT CHẤT MEN LÀM TĂNG PHẦN HẤP DẪN CHO NHỮNG BÍ ẨN. KI-TÔ GIÁO VÀ CÁC TÔN GIÁO NÓI CHUNG LUÔN MANG THEO NHIỀU BÍ ẨN THÔNG QUA NHỮNG DẤU HIỆU VÀ BIỂU HIỆN VƯỢT RA NGOÀI HIỆN THỰC CUỘC SỐNG. NHƯNG CHÍNH NHỜ THẾ MÀ CÁC TÔN GIÁO MỚI LÔI CUỐN NHIỀU TÍN ĐỒ, KHIẾN HỌ TIN TƯỞNG VÀ ĐI THEO.

Nếu như trong suốt thời gian dài con người cho rằng không cần thiết “chứng minh” tính xác thực của phép màu thì tinh thần duy lý ở thế kỷ 18 và 19 đã làm thay đổi tất cả. Các công cụ khoa học ngày càng tân tiến và chính xác đã góp phần phanh phui nhiều hiện tượng đối trá và cả những câu chuyện hoang đường. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp các nhà nghiên cứu góp phần củng cố thêm những câu chuyện trong Kinh Thánh...

khởi thủy



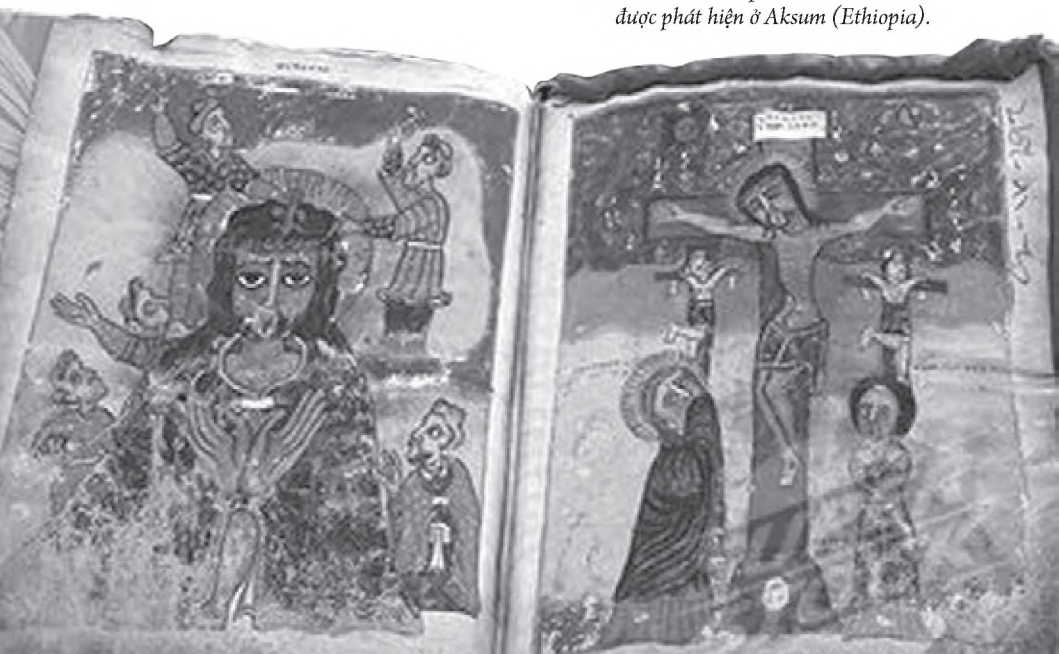
Ai là người viết kinh thánh?

Trước thế kỷ 17, ngay cả những nhà bình luận kinh sách liều lĩnh nhất cũng không dám đặt câu hỏi này. Thật ra, truyền thuyết Do Thái rồi sau đó là Ki-tô giáo đều không ngần ngại gán những quyển chính của Kinh Thánh cho những tác giả lòng lẫy.

- *Tính rõ ràng mạch lạc “một cách hiển nhiên” của truyền thuyết*

Truyền thuyết cho rằng Thánh Moise là người viết Ngũ kinh, tức năm quyển sách kinh gồm sách Sáng thế, sách Xuất hành, sách Lê-vi, sách Dân số và sách Đệ nhị luật; vua Solomon là tác giả của sách Diễm ca, Châm ngôn, Giảng viên; còn các tông đồ Matthew, Luc, Marco và John là những người soạn sách Phúc âm mang tên họ. Kinh Thánh được xem như là quyển sách ghi chép lại những

*Kinh Thánh Ethiopia ra đời năm 1000
được phát hiện ở Aksum (Ethiopia).*



giai đoạn sống hay kinh nghiệm sống của những người biên tập ra nó.

● **Những điều bất nhất nhưng logic**

Mãi đến thế kỷ 17 nhà triết học Brauch Spinoza mới xem xét lại cách nhìn này. Sau khi đọc đi đọc lại các sách kinh với tinh thần duy lý, ông đã chỉ ra những chỗ bất nhất cho thấy có sự nhầm lẫn trong truyền thuyết. Theo ông thì Thánh Moise khó là người sáng tác Ngũ kinh bởi bản kinh này kết thúc bằng cái chết của chính ông. Làm sao Moise có thể kể về cái chết của chính mình được? Spinoza chính là người phát động phong trào đọc và phê bình Kinh Thánh, góp phần làm thay đổi sự cả tin trước đó.

Việc phủ nhận truyền thuyết làm nảy sinh ra một câu hỏi không kém phần quan trọng: Ai mới thực sự là người viết Kinh Thánh?

● **Quá hấp dẫn để là sự thật**

Ở thế kỷ 19, một số nhà ngữ văn cho rằng họ đã tìm ra nhiều văn phong khác nhau trong Kinh Cựu Ước chứng tỏ có nhiều tác giả khác nhau. Hai người biên tập chính được cho là “tác giả nguồn *Yahvist*” và “tác giả nguồn *Elohist*” vì người thứ nhất gọi Chúa là *Yahveh* còn người thứ hai chỉ gọi Chúa là *Elohim*. Đến thập niên 1970 thì lập luận hấp dẫn này bị loại bỏ để nhường chỗ cho cách giải thích phức tạp hơn.

● **Thay đổi trong cách đặt vấn đề về Kinh Cựu Ước...**

Liên quan đến Kinh Cựu Ước, các nhà bình giải kinh sách ở thời đại mới đã thay đổi cách đặt vấn đề. Thay vì thắc mắc chuyện “Ai viết Kinh Thánh?”, nay họ đặt vấn đề: “Kinh Thánh được viết khi nào?” Có vẻ như Kinh Thánh của Do Thái là tổng hợp các kinh

sách viết đi viết lại nhiều lần ở thiên niên kỷ đầu tiên trước Công nguyên. Và rõ ràng là không phải chỉ một người duy nhất viết các kinh sách này. Những nhà phê bình hiện đại nghĩ rằng sách về các nhà thông thái không phải do tiên tri Jeremiah viết mà là một tác giả khác từng tham khảo biên niên sử hoàng gia về Juda và Israel. Họ cũng cho rằng các bài viết về lời tiên tri không phải do chính các nhà tiên tri viết ra mà do những người thân cận họ viết.

Chỉ đến thế kỷ thứ 6 TCN, Ngũ kinh tức các tập kinh sách tường thuật lại những câu chuyện ở thiên niên kỷ thứ hai TCN mới được biên tập xong lần cuối. Và lại các tác giả viết các sách

Di tích Qumran, một tu viện cũ nơi cậu bé người Bedouin phát hiện hàng trăm bản thảo mang tên “Bản thảo Biển Chết”.



kinh đó không chỉ dựa vào những nguồn tham khảo trước thời của họ mà còn dựa cả vào những câu chuyện truyền miệng mà ngày nay không cách nào lần ra được dấu vết. Như vậy, ta càng cố công tìm kiếm thì càng ít triển vọng tìm ra tác giả các đoạn kinh trong Kinh Thánh.

● *... và cả với Kinh Tân Ước*

Với Kinh Tân Ước thì vấn đề có hơi khác vì mọi người đều thống nhất rằng mỗi sách Phúc âm là do một người viết. Nhưng thậm chí cả điều này cũng có nhiều phần phỏng đoán hơn là khẳng định. Vậy nên sách Phúc âm của John - tông đồ duy nhất trong số 4 người soạn Phúc âm và cũng là người duy nhất trực tiếp biết Jesus - thực tế chỉ là kết quả những câu chuyện dàn dựng mà ta không hề biết đến. Một vấn đề khác của các sách Phúc âm là: chúng được soạn thảo vào thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên, các sách này ghi lại thông điệp của chúa Jesus theo bối cảnh Ki-tô giáo sau khi Chúa qua đời nửa thế kỷ.

Như vậy, từ hơn ba thế kỷ nay, thắc mắc “Ai là tác giả Kinh Thánh?” cũng chính là vấn đề gay go nhất trong bình giải Kinh Thánh.

LÝ GIẢI KHOA HỌC NÀO CHO CÁC CÂU CHUYỆN THẦN KỲ TRONG KINH THÁNH?

Trong Kinh Thánh không thiếu những điều thần kỳ. Một số người đã cố công truy tìm những sự kiện lịch sử đã dẫn đến những chuyện thần kỳ đó.

Kinh Cựu Ước

Mười tai họa của Ai Cập

Trước việc Pharaon từ chối giải phóng người Hebrew bị bắt làm nô lệ, Moise cảnh báo cho Pharaon rằng Ai Cập sẽ gặp tai họa. Các nhà khoa học ngày nay đã liên hệ các sự kiện mô tả trong Kinh Thánh (những trận mưa ếch nhái, những con bọ muỗi và châu chấu, cái chết của đàn gia súc, những trận mưa đá, bóng tối phủ xuống trái đất) với hiện tượng thời tiết gây ra bởi núi lửa phun trào trên đảo Thera (nay là Santorin). Có lẽ chính thảm họa núi lửa này đã tạo ra đám mây tro lớn bao trùm lưu vực Thái Bình Dương khiến trong phút chốc thời tiết bỗng đảo lộn, súc vật bắn loạn và bầu trời tối đen...

Những chiếc kèn trompet ở Jericho

Khi người Hebrew tiến về Jericho mang theo chiếc hòm đựng pháp điển, tiếng kèn trompet của họ đã làm các bức tường thành Jericho sụp đổ khiến họ dễ dàng chiếm thành. Các nghiên cứu khảo cổ học cho thấy, trong suốt lịch sử, Jericho đã từng bị động đất nhiều lần. Vấn đề duy nhất là không tìm ra nhân chứng cùng thời với các hiện tượng tường thuật trong Kinh Thánh.

Băng ngang Biển Đỏ

Trong một đoạn Kinh Thánh có nhắc đến việc Moise băng ngang Biển Đỏ, dẫn theo dân tộc của ông. Quân của Pharaon đuổi theo sau đã bị nước khép lại và nhận chìm. Có người cho rằng Biển Đỏ rút xuống một cách ngoạn mục trong chốc lát là do núi lửa dưới lòng biển gây ra. Có người lại cho rằng do gió liên tục thổi về một hướng nên mực nước biển bị đẩy xuống thấp, nhưng rồi sau đó gió đột ngột đổi chiều khiến nước biển dâng lên trở lại. Lập luận này phù hợp với giả thuyết cho rằng Moise đã không băng ngang Biển Đỏ mà là Biển Sậy, vốn hẹp hơn rất nhiều.

CÓ TÌM THẤY NGUỒN GỐC KINH THÁNH?

Tất cả đều bắt đầu thật tình cờ vào năm 1947 ở bờ Biển Chết khi một cậu bé mục đồng người Bedouin (người du mục Ả Rập) trên đường đi tìm một con dê bị lạc đã lọt vào một hang đá và tìm thấy những chum đất bên trong có chứa những cuộn giấy da. Những cuộn giấy này lúc đầu được đem bán cho một nhà buôn đồ cổ ở Bethlehem, sau đó được giao cho Học viện Thánh kinh Jerusalem và được Học viện xác định niên đại là vào thời Jesus.

Sau đó, những công trình khai quật hệ thống hơn đã được tiến hành. Từ năm 1947 đến năm 1956, người ta tìm thấy ở vùng Qumran khoảng 870 bản chép tay khác nhau phân thành 15.000 mảnh. Tính chất lạ thường của các văn kiện này khiến cho giới sử học sôi sục đồng thời kêu gọi óc hiếu kỳ và lòng tham muốn cưỡng đoạt của nhiều người. Tuy nhiên, nhóm khai quật Jerusalem đã giữ lại được phần lớn số bản chép tay trong gần 40 năm, và mãi đến đầu thập niên 1990, toàn bộ các văn kiện này mới được đưa ra công chúng.

Các nhóm chuyên gia vốn thường đối địch nhau lần này đã hợp sức để thực hiện một công việc khó khăn là khôi phục, đọc và giải thích những cuộn giấy của Biển Chết từ những mảnh ghép không đầy đủ. Được viết bằng tiếng Hebrew và tiếng Aramaic, những bản chép tay chưa từng biết này chứa các đoạn viết trong Kinh Thánh của người Hebrew, trong đó tường thuật cuộc đời các nhân vật nổi tiếng trong Kinh Thánh như Noah, Henoch, Tobia hay Abraham. Chúng ghi lại những lời bình Kinh Thánh, những bài tụng, một bản luật cộng đồng và một văn kiện chiến tranh.

Các văn kiện này liệu có liên quan trực tiếp đến sự ra đời của Ki-tô giáo? Đến nay vẫn còn rất nhiều lời giải đáp khác nhau cho câu hỏi đó.

Nội dung các bản chép tay giống với nội dung mà Ki-tô giáo quan tâm ở thời kỳ đầu, như trông chờ sự ra đời của Đấng Cứu thế, ước vọng về hồng ân Thiên Chúa, vấn đề cứu rỗi cá nhân, sự nghèo khổ hay việc thờ cúng Thiên Chúa hàng ngày.

“Ngôi sao” dẫn đường cho các nhà thông thái

Người ta cho rằng hiện tượng làm nên lịch sử Ki-tô giáo, tức sự ra đời của Chúa Jesus, con trai Đức mẹ Maria đồng trinh và người thợ mộc Joseph, đã được báo trước bởi sự xuất hiện của ngôi sao dẫn đường cho các nhà thông thái. Ngôi sao này còn được gọi là ngôi sao Bethlehem.

● Các nhà thông thái từ phương Đông đến

Từ lâu được xem là hiện tượng kỳ diệu, sự xuất hiện của ngôi sao mai trên bầu trời xứ Judea đã được các nhà thiên văn xác thực, mặc dù tình tiết của giai thoại lịch sử này vẫn chưa rõ ràng.

Theo Phúc âm, có ba nhà thông thái từ phương Đông đến lâu đài của vua Herod ở Jerusalem để xin gặp ngài. Họ cho nhà vua biết họ được một ngôi sao dẫn dắt đến gặp Đấng cứu thế vừa mới sinh ra đời ở Bethlehem theo lời nhà tiên tri Micah.

E sợ Đấng cứu thế này sẽ tranh đoạt ngôi báu của mình, vua Herod dặn các nhà thông thái sau khi gặp Đấng Cứu thế phải quay về cho ngài biết người ở đâu. Nhưng sau khi nhìn thấy Jesus trong chuồng bò xong thì các nhà thông thái ra về bằng con đường khác.

Herod sau đó ra lệnh giết chết tất cả các bé trai dưới 2 tuổi ở Bethlehem. Tuy nhiên, nhóm binh sĩ này không tìm thấy Jesus vì bà Maria và ông Joseph đã kịp thời bỏ trốn.

● Sự kiện này xảy ra khi nào?

Dấu hiệu lịch sử đầu tiên được tìm thấy chứng tỏ sự kiện này không xảy ra như theo truyền thuyết vào năm 0, tức năm mở đầu



Châu Thánh thể- Tranh của Burne-Jones.

lịch công giáo vì vua Herod băng hà vào năm thứ 4 TCN. Hơn nữa, người ta còn nắm chắc một số dữ liệu lịch sử do Macrobe (khoảng năm 400) cung cấp. Macrobe là người biết rõ về triều đại của hoàng đế Augustus, vị hoàng đế bù nhìn của người La Mã ở Palestine sống cùng thời với Herod. Các dữ liệu này cho thấy giai đoạn tàn sát trẻ em ở Bethlehem xảy ra vào khoảng năm thứ 7 TCN.

● **Là sao chổi, tân tinh hay siêu tân tinh...**

Suốt nhiều thế kỷ các nhà thiên văn luôn cố tìm hiểu sự thật về ngôi sao Bethlehem. Đầu tiên họ nghĩ đó là sao chổi, một thiên thể thường xuyên xuất hiện mỗi khi xảy ra các sự kiện lớn trong lịch sử. Tuy nhiên, trong số các sao chổi dò ra được (tức tất cả những sao chổi đi theo một quỹ đạo đều đặn xung quanh Mặt trời) lại không có sao chổi nào được nhìn thấy vào thời điểm đó.

Sự ra đời của vị chúa tể Israel

"Khi Joseph chuẩn bị đi Judea thì lúc đó ở Bethlehem xứ Judea đang xảy ra một sự kiện chấn động. Các nhà thông thái đến đó và hỏi nhà vua: "Xin bệ hạ cho biết vua của người Do Thái đang ở đâu? Chúng tôi nhìn thấy ngôi sao của vị vua ấy xuất hiện ở phương Đông nên muốn đến đó tôn vinh người". Tin đó khiến Herod lo sợ nên vội cho người đến gặp các nhà thông thái(...)

Ngài hỏi họ: "Các ngài nhìn thấy dấu hiệu nào báo hiệu có vị vua mới sinh?" và các nhà thông thái trả lời rằng: "Chúng tôi nhìn thấy trong số các chòm sao một ngôi sao rất lớn và rực rỡ đến mức lấn át cả ánh sáng của tất cả những vì sao khác. Thế nên chúng tôi hiểu rằng một vị vua đã giáng sinh ở Israel và chúng tôi đến để tôn vinh người". Herod nói với họ: "Các ngài hãy đi tìm người ấy và nếu như tìm thấy thì hãy cho ta biết để ta cũng đến đó tôn vinh người". Các nhà thông thái lên đường. Ngôi sao mà họ nhìn thấy ở phương Đông đã dẫn đường cho họ đến hang đá và khi đến đó thì ngôi sao ngừng lại phía trên đầu hài đồng.

Phúc âm ngụy thư

Sau đó, các nhà thiên văn lại nghiêng về giả thuyết đó là một tân tinh hoặc siêu tân tinh, tức những ngôi sao đang bùng nổ và sáng chói trên bầu trời. Nhưng theo các nhà thiên văn lớn của châu Á cổ đại (nhất là Trung Hoa) - những người nắm rất rõ các hiện tượng xảy ra trên bầu trời - thì không có một tân tinh hay siêu tân tinh nào được nhìn thấy trong thời kỳ Thiên Chúa ra đời. Các tân tinh và siêu tân tinh được nhìn thấy gần nhất là vào năm 134 TCN và năm 123 SCN.

● ... hay hiện tượng tam giao hội của các hành tinh?

Giả thuyết cuối cùng do Kepler đưa ra vào năm 1606. Theo giả thuyết này, ngôi sao Bethlehem là do Mộc tinh và Thổ tinh giao hội ba lần trong chòm sao Song ngư, nghĩa là hai hành tinh này ba lần xếp thẳng hàng nhau nhìn từ Trái Đất, khiến người ta thấy chúng như một điểm rất sáng trong chòm sao Song ngư. Nếu như sự xếp thẳng hàng là hiện tượng khá phổ biến thì tam giao hội lại là một hiện tượng rất hiếm hoi: từ 4.000 năm nay, hiện tượng tam giao hội trong chòm sao Song ngư chỉ xảy ra vào năm 860 và năm thứ 7 TCN vào các ngày 12/4, 3/10 và 4/12.

● *Lên đường đi Bethlehem*

Như vậy, cả thiên văn học lẫn lịch sử đều khẳng định rằng “ngôi sao Bethlehem” là hiện tượng có thực. Vậy ta có thể hiểu những lời mô tả ghi trong các Thánh Kinh như sau: khi quan sát thấy hiện tượng giao hội thứ nhất vào ngày 12 tháng 4 năm thứ 7 TCN và

*Các nhà thông thái
theo ngôi sao Bethlehem
tìm đến Chúa.*



tiếp đó là vào khoảng ngày 3 tháng 10 thì các nhà thiên văn Do Thái ở Babylonia biết đó là dấu hiệu sự ra đời của Đấng Cứu thế, người đang được trông chờ sẽ đỗi ngoại bang ra khỏi bờ cõi Palestine.

Thế là mọi người bắt đầu lên đường và đến cuối tháng 11 thì đến Jerusalem.

● *Ngôi sao chỉ ra chuồng bò của Jesus*

Đến khi quan sát thấy lần giao hội thứ ba, các nhà thiên văn Do Thái tin chắc vào điều họ dự đoán. Họ vội vã lên đường vào chiều ngày 4 tháng 12, hướng về Bethlehem, cách Jerusalem 8 km về phía Nam dưới sự “dẫn dắt” của một điểm sáng lớn chiếu lấp lánh trước mặt trên bầu trời đêm đang buông xuống. Việc tìm chuồng bò của Jesus ở một địa phương nhỏ bé chỉ còn là chuyện vài giờ đi đường.

Tuy nhiên, theo thánh kinh thì chính Ngôi sao đã chỉ ra nơi chào đời của Jesus. Trong khi một số tác giả xem đó là một “hiệu

ứng văn học”, nhấn mạnh khía cạnh thần thánh của giai thoại đó thì nhiều người lại cho rằng hiện tượng này là do Thượng đế tạo ra.



*Cảnh các nhà thông thái châu Thánh thế.
Tranh của họa sĩ Hà Lan thế kỷ 16 Pieter Aertsen*

Mộ chúa Jesus

Vào thế kỷ thứ 6, người Byzantium tuyên bố đã tìm thấy không chỉ cây thập tự giá thật mà cả mộ phần của Jesus trên đồi Golgotha. Vậy điều gì đã cho phép xác định nơi đây chính thực là nơi đặt mộ phần Đức Ki-tô?

● Nhà thờ Thánh Sepulchre

Vương cung thánh đường xây dựng theo lối kiến trúc *Basilica* ở Jerusalem được xây dựng ngay nơi diễn ra cuộc khổ nạn của chúa Jesus trên đồi Golgotha.

Kinh Thánh nói khá nhiều và khá tập trung về vị trí

này. Tông đồ John xác định là Chúa bị đóng đinh trên một ngọn đồi mang tên Golgotha (John, XIX, 17) phía bên ngoài thành phố (John, XIX, 20) và mộ phần của người nằm ngay gần đó (John, XIX, 41). Những chỉ dẫn này đã được các sách Phúc âm khác xác minh. Ngoài ra, thư của sứ đồ truyền giáo gửi cho người Hebrew còn ghi rõ là địa điểm này nằm gần một cánh cổng ra vào thành phố. Tuy nhiên, khi nhìn vào bản đồ của Jerusalem La Mã thì ta lại thấy nhà thờ Thánh Sepulchre nằm ngay trung tâm thành



Nhà thờ Thánh Sepulchre là nơi lưu giữ mộ phần Đức Ki-tô. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố chống lại quan điểm chính thức này.

phố. Chính các nhà khảo cổ ở thế kỷ 20 đã nêu ra khác biệt lớn này và cũng chính họ đã chỉ ra được rằng vị trí này chỉ mới được vua Herod Agrippa (41- 44 SCN) sáp nhập vào Jerusalem sau khi Jesus từ trần bằng cách dựng một vòng đai mới quanh thành phố.

Các sử gia ngày nay nghĩ rằng dù gì đi nữa mọi người cũng đều biết vị trí ngôi mộ của chúa Jesus từ cuối thế kỷ thứ I và biến ngôi mộ đó thành nơi thờ cúng. Kinh Phúc âm đang được soạn thảo trong thời gian đó cũng thể hiện quan điểm này. Sau này các truyền thuyết đã biến Golgotha thành nơi chôn sọ của Adam. Khi

nhỏ máu xuống thập tự giá, Jesus đã chuộc tội lỗi đầu tiên của người đàn ông đầu tiên trên thế gian. Điều đó có nghĩa là địa điểm này được xem như đã tóm gọn toàn bộ thánh sử.

Công trình của người La Mã

"[Constantine] vẫn chưa hài lòng với việc phá hủy ngôi đền biểu tượng cho sự ô uế. Ngài sai vớt các mảnh gạch ngói vụn thật xa và ra lệnh đào bới vùng đất báng bổ (...). Lệnh vua được thi hành chưa bao lâu thì người ta đã nhìn thấy ngôi mộ thánh tôn kính, nơi Đấng Cứu thế từng hồi sinh trước đây. Mọi người xem việc phát hiện ra chốn tôn nghiêm này là hình ảnh biểu tượng sống động nhất về sự phục sinh đầy vinh quang của Người.

Eusebius xứ Caesarea

● *Tượng thần Jupiter trên mộ Chúa*

Có lẽ mộ phần Jesus đã làm dậy lên làn sóng sùng tín nên các hoàng đế La Mã muốn đặt nơi thờ cúng lớn nhất của họ ở đó. Năm 132, nhân cơ hội người Do Thái nổi dậy và bị La Mã nhanh chóng dập tắt, hoàng đế Hadrien đã quyết định La Mã hóa Jerusalem bằng



Việc tẩm liệm Đức Kitô - Tranh của Giralasso Galassi.

Bức họa này tái hiện cảnh đặt Đức Kitô vào mộ theo truyền thống Ki-tô giáo.

cách cho san bằng thủ đô người Do Thái và thành lập một thành phố La Mã mang tên *Aelia capitolina*. Vị hoàng đế này đã cho đặt hoàng cung của mình tại chính nơi Chúa qua đời ở Golgotha. Trong một bức thư gửi đi, Thánh Jeremiah kể rằng người La Mã cho dựng tượng thần Vệ nữ trên đồi và đặt tượng thần Jupiter ngay trên mộ của Chúa. Với những người bảo vệ nhà thờ Thánh Sepulchre hiện nay thì đây là bằng chứng bổ sung cho thấy nơi đây là mộ phần của Jesus.

Đến thế kỷ IV thì đế chế La Mã bị lung lay. Hoàng đế Constantine cải đạo theo Ki-tô giáo. Năm 325, ngài tập hợp hội nghị giám mục cho toàn bộ các nước theo Ki-tô giáo ở Nicea. Đức giám mục của Jerusalem Aelia Capitolina đến đó và yêu cầu La Mã trả lại sự phẩm giá cho nơi xảy ra cuộc khổ nạn của Jesus.

Hoàng đế Constantine liền cho người phá hủy hoàng cung La Mã để tìm lại mộ phần của Chúa. Về chuyện này, sử gia Eusebius xứ Caesarea (265-340) là người chứng kiến những công trình đồ sộ thực hiện dưới sự thôi thúc của hoàng đế Constantine. Tuy nhiên, sử gia này không kể rõ làm cách nào mà người Byzantium có thể xác định một cách chắc chắn ngôi mộ nào ở phía dưới hoàng cung La Mã là mộ phần của Jesus bởi khu vực này trước đây là một nghĩa trang và có rất nhiều mộ ở đó. Có lẽ là các hình vẽ mà những người Ki-tô giáo đầu tiên để lại trên ngôi mộ đã giúp xác định đâu là mộ phần Jesus.



Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập tự giá -
Tranh của Bartolomé Esteban Murillo.

● **Hình dáng ngôi mộ ra sao?**

Theo những gì còn sót lại của ngôi mộ đến nay còn lưu giữ thì đó là một ngôi mộ thuộc thể loại *arcosolium* tức là một mặt đá có vòm ở trên, thi thể người chết được đặt trên mặt đá này. Để đi đến đó, phải băng qua một dạng tiền sảnh.

Hoàng đế Constantine cho xây quanh ngôi mộ một nhà thờ

đồ sộ dài gần 140m và rộng khoảng 40m. Công trình này có bốn phần bao gồm một lối vào sân, một nhà thờ lớn, một sân trong và cuối cùng là một đình tròn bao quanh bởi những cột trụ byzantium, bên trên là một mái vòm. Toàn bộ công trình mang tên “Sự phục sinh của Chúa” có một hành lang bao quanh chính điện cho phép người hành hương đi vòng quanh mộ Chúa. Nhà thờ Thánh Sepulchre được hoàng đế Constantine đích thân khai trương ngày 17 tháng 9 năm 335.

● *Lịch sử bị thảm*

Sau khi quân Ba tư tràn vào và hủy hoại nghiêm trọng ngôi nhà thờ lớn ở thế kỷ thứ 7, đến năm 1009, theo lệnh của quốc vương Hakim, nơi này bị phá hủy hoàn toàn. Đến khi diễn ra các cuộc thập tự chinh thì Jerusalem mới trở lại là thành phố của các tín đồ Ki-tô và mới thực sự lột xác. Khu đình tròn được khôi phục, nhà thờ được xây cất lại và mở rộng. Nhưng đến năm 1808 thì toàn bộ công trình này bị một trận hỏa hoạn thiêu rụi. Sau đó người ta phải xây lại khán thờ, nơi đặt mộ Chúa.

Gần đây, nhờ các công trình khảo cổ ở cuối thế kỷ 20, ta mới biết được rằng cả cuộc xâm chiếm Jerusalem của người Hồi giáo lần trận hỏa hoạn xảy ra ở thế kỷ 19 cũng không thể phá hủy toàn bộ bề mặt ngôi mộ đá của người được xem là vị thánh thực sự trong số tất cả các vị thánh công giáo. Tuy nhiên ta vẫn không biết chắc được là ngôi mộ tồn tại từ đầu Công nguyên và được người công giáo, người chính thống giáo, người Armenia, người Copte và người Ethiopia tôn thờ đó có đúng thực là mộ Đức Ki-tô hay không.

thiên đường



Thiên đường hạ giới

Bị nhầm lẫn trong suốt thời gian dài là một nhân vật tưởng tượng, tu sĩ Brandan thật ra là người thực. Ông không phải là một vị thánh mà là một trong những nhà thám hiểm nổi tiếng nhất thời đại Celt. Suốt nhiều thế kỷ, những câu chuyện phiếm về các cuộc hành trình của ông đã làm say mê nhiều độc giả thời Trung Cổ. Họ tin rằng ông đã khám phá ra “hòn đảo của các kỳ quan”, hay còn gọi là “thiên đường hạ giới”.

- *Những tu sĩ lênh đênh trên biển với mục đích tìm kiếm Thiên đường*

Vào thế kỷ thứ 5 và 6, do mang truyền thống công giáo xuất xứ từ phương Đông - một truyền thống đối lập với truyền thống công giáo La Mã mà Giáo hội áp đặt lên lục địa châu Âu thời đó - nên các tu sĩ người Celt đã tìm đường ra biển. Mục đích của họ là đi về hướng Tây để tìm cách thu phục những người ngoại đạo. Đó chính là lý do họ quan tâm đến các quần đảo ở Đại Tây Dương.

Chính vì thế mà các tu sĩ quyết định định cư ở Iceland vào cuối thế kỷ thứ 5. Tuy nhiên, do nhiều người không thể thích ứng với cuộc sống mới nên đã đi hết đảo này sang đảo khác. Họ lang bạt như thế với hy vọng điên rồ là tìm ra thiên đường hạ giới, nơi mà truyền thuyết tin chắc rằng phải nằm ở bờ bên kia Đại Tây Dương.

- *Những chuyến đi đầu tiên của Brandan*

Một người tên Brandan sống ở xứ Wales vào khoảng năm 506. Sinh ra ở Ireland năm 484, ông được sắc phong tu sĩ vùng phụ cận vào năm 504. Mười lăm năm sau, ông cùng thủy thủ đoàn thực hiện cuộc hành trình lớn đầu tiên trong đời đến Iceland trên một chiếc thuyền nhỏ. Trong cuộc hành trình đưa ông đến hòn đảo



Các tu sĩ vượt biển để đi tìm thiên đường hạ giới là đề tài của rất nhiều câu chuyện huyền thoại. Trong hình là các tu sĩ cập bến hòn đảo cá voi.

mà người ta cho là cửa ngõ thiên đường, lần đầu tiên ông tận mắt nhìn thấy lớp băng đóng trên mặt đại dương và núi băng trôi.

Đến khoảng năm 527, ông cùng hai con tàu khác thực hiện cuộc hành trình đầu tiên đến quần đảo Canary và sau đó giương buồm ra thẳng biển khơi. Cuộc hành trình này chính xác đưa ông đến nơi đâu? Không ai biết rõ bởi các nguồn tin đã lẫn lộn những biển cổ xảy ra trong chuyến đi này với những biển cổ ở cuộc hành trình dài kế tiếp. Sau bao nhiêu khó khăn để ra đến ngoài khơi, đoàn tàu của ông lại gặp phải một cơn bão kinh hoàng và bị bão đánh chìm mất hai con tàu. Đến khi biển lặng, Brandan và những

người sống sót nhìn thấy những mảnh thực vật trôi lêu bêu trên mặt nước. Đây là bằng chứng cho thấy miền đất phương Tây có lẽ ở gần đó. Tuy nhiên do quá đói sức nên các thủy thủ quyết định quay về. Cuộc hải hành như thế là chẳng đi đến đâu.

● **Đặt chân lên Thiên đường**

Mười lăm năm sau, vào khoảng năm 544-545 (lúc đó Brandan đã 60 tuổi và đang sống ở Bretagne), vị tu sĩ này lại lên đường đi thám hiểm. Lần này ông đi trên một chiếc tàu gỗ chắc chắn. Sau khi ghé quần đảo Canary, một lần nữa ông dong tàu ra Đại Tây Dương.

THÁNH BRANDAN PHẢI CHĂNG LÀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ?

Tuy không có lý do gì nghi ngờ sự hiện hữu của Brandan, một tu sĩ chu du trên biển ở nửa đầu thế kỷ thứ 6, nhưng cũng không có gì chứng tỏ tất cả các kỳ tích mà những quyển sách viết tay gán cho ông thực sự là kỳ tích của ông. Có lẽ sự nổi tiếng của vị tu sĩ ưa thám hiểm này đã biến Brandan trở thành tác giả của hầu hết các cuộc hải trình mà lẽ ra thuộc về những nhà hải hành người Celt vô danh khác.

Tất nhiên, khi đọc truyện thánh thì phải cân nhắc về độ chính xác của chúng. Nhưng các chi tiết như mô tả về núi băng trôi và quả dưa đã chứng minh được rằng các câu chuyện này là thực.

Ngoài ra còn nhiều bằng chứng cho thấy là từ thời Cổ đại cho đến nay rất nhiều người đã thực hiện những cuộc hành trình ra Đại Tây Dương. Khả năng thực hiện cuộc hành trình đến các hòn đảo châu Mỹ có lẽ là nhiều hơn ta tưởng. Brandan hay một người Celt nào khác có thể được xem một cách hợp pháp là người đi trước Christopher Columbus vĩ đại.



*Khung cảnh
thiên đường
ở Cuba.*

Lại một lần nữa, các sách thánh lại mô tả những khó khăn gian khổ trong chuyến hành trình vượt biển của ông và nhắc đến một cơn bão. Sau cơn bão đó, những người đi thuyền phát hiện thấy trên mặt nước những tàn lá cây cọ và những chiếc vỏ dứa xơ của một loại trái lạ - chắc chắn đó là vỏ trái dứa.

Chi tiết này rất quan trọng bởi những sách thánh đề cập đến loại trái này đều được viết ở thời kỳ mà chưa ai biết đến loại trái đó ở châu Âu. Vài ngày sau, tàu cập bến một hòn đảo lớn miền nhiệt đới. Theo như mô tả về hòn đảo này và về dòng hải lưu chảy quanh đảo trước khi đi về hướng Tây, ta có thể đoán đó là Cuba. Brandan lên bờ và lưu lại đó một khoảng thời gian không xác định rồi sau đó quay về Bretagne. Khoảng thời gian từ lúc ông rời Bretagne ra đi cho đến khi quay trở về là đúng 2 năm.

Các phiên bản khác nhau của “Chuyến hải hành của Thánh Brandan”, một tác phẩm phổ biến từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ 14, khẳng định là Brandan đã đặt chân lên mảnh đất được xem là Thiên đường hạ giới.

Vương quốc của Linh mục John

Vào khoảng gần giữa thế kỷ 12, tình hình chiến sự ở Palestine đã đẩy người Ki-tô vào tình thế khá tế nhị. Đúng lúc đó, họ nhận được tin vui là có một vị vua lớn của châu Á đang trên đường đến tiếp sức cho họ.

- *Cứu tinh bất ngờ của đội quân thập tự*

Nhắc đến thế trận chung của người Ki-tô giáo vào năm 1145, không thể bỏ qua chuyện vương quốc Jerusalem của thập tự quân đang lung lay trước sự tấn công dữ dội của quân Hồi giáo. Đúng vào ngày Giáng sinh năm 1144, pháo đài Édesse rơi vào tay quân địch khiến cho tương lai của thập tự quân trở nên vô cùng u ám.

Có rất nhiều người du lịch sang Trung Á để tìm kiếm vương quốc của Linh mục John.



Ngay lúc đó, họ được tin một thủ lĩnh chiến tranh hùng mạnh đã đánh bại quân Hồi giáo của quốc vương Ba Tư trong một trận chiến lớn gần Samarkand vào ngày 8 và 9 tháng 9 năm 1141. Người chiến thắng được xác định là một vị vua công giáo dù đã ly khai để theo *Cảnh giáo* (*Nestorianism*). Người này mang tên là Johannes Presbyter, sau này được pháp hóa thành Linh mục John.

Nhưng quân cứu viện đã chậm trễ. Thập tự quân đành tiếp tục nuôi hy vọng trong khi vương quốc Jerusalem ngày càng trở nên tồi tệ. Theo họ, sau khi chiến thắng quân Ba Tư, linh mục John muốn đến tiếp cứu ngay, nhưng do không vượt qua được sông Tigris nên đành phải quay về vương quốc bí ẩn của mình ở châu Á...

Nay thì ta đã biết người chiến thắng quân Hồi giáo ở Sarmakand là tù trưởng một bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ cải đạo Thiên Chúa ở khu vực châu Á. Đó là bộ tộc Kara-Kitai, và tù trưởng của nó là Gurkhan. Ông qua đời năm 1142 hoặc 1144, tức trước khi Linh mục John lần đầu tiên được người Ki-tô giáo nhắc đến.

● ***Vương quốc "Tam Ấn" huyền thoại***

Năm 1165, quốc vương xứ Byzance là Manuel I nhận được một lá thư được cho là của linh mục John nổi tiếng. Trong thư, linh mục John mô tả những kỳ quan ở vương quốc Tam Ấn của ngài, một vương quốc được ví như Eldorado của phương Đông. Lá thư có nguồn gốc đáng ngờ đó đã nuôi dưỡng huyền thoại này ở châu Âu cho đến thời kỳ Phục Hưng. Hoàng đế Frédéric Barberousse của Đức không tin lá thư là thực nên không có bất cứ động thái nào để liên lạc với vị vua Thiên Chúa giáo sống ở nơi xa xôi đó. Ngay cả Đức Giáo Hoàng Alexander III cũng phản ứng chậm trễ. Tuy nhiên đến năm 1177, Đức Giáo Hoàng cũng đã cho thảo

một lá thư gửi đến “vị vua danh tiếng và cao quý của người Ấn, đồng thời là một linh mục thánh thiện” và giao lá thư đó cho bác sĩ riêng của ngài tên Philippe. Tuy nhiên sau khi người giao liên này lên đường đi phương Đông thì không ai còn biết tin tức gì về ông nữa. Đến khi quốc vương Saladin xâm chiếm Jerusalem năm 1187 thì chẳng thấy đội quân Công giáo châu Á nào đến giải cứu cho thành phố thánh này. Câu chuyện huyền thoại đến đây xem như chấm dứt.

● ***Thành Cát Tư Hãn bị nhầm với Linh mục John***

Không thể không nhắc đến sự sùng bái mà người Công giáo dành cho Linh mục John. Lòng sùng bái được duy trì bằng khát vọng chiến thắng phe ngoại giáo, và cũng bằng giấc mơ về một vương quốc châu Á giàu sang. Chính vì thế mà, đến năm 1221,

Chân dung của Thành Cát Tư Hãn



khi người Công giáo nghe đồn một đoàn quân đông đảo đến từ phương Đông một lần nữa đánh bại quân Hồi giáo ở Samarkand, họ tin ngay đó là chiến công của vị vua huyền thoại. Đó quả là một nhầm lẫn nghiêm trọng vì không lâu sau đó, người được cho là Linh mục John hay kẻ nổi nghiệp ông ta đã nhanh chóng tiêu diệt vương quốc Georgia của người Công giáo và sau đó tàn phá Đông

Sự giàu có của Linh mục John

"...Không kể những khách không mời, mỗi ngày có đến 30.000 người đến ăn cùng ta, mỗi người đều được tặng ngựa hay nhiều thứ khác. Bàn ăn bằng ngọc lục bảo còn chân bàn bằng thạch anh tím. (...) Mỗi tháng đều có bảy vị vua thay nhau đến triều kiến ta, tiếp theo sau là 62 vị công tước, 265 bá tước và hầu tước, chưa kể những chức sắc ở nhiều bộ phận khác. Mỗi ngày các tổng giám mục và giám mục đều cùng ta dùng bữa. Ngồi bên phải ta là 12 tổng giám mục còn bên trái là 20 giám mục. (...). Bên này của vương quốc trải dài trên một vùng đất phải đi hết 4 tháng, còn bên kia vương quốc thì không ai biết đến giới hạn của nó nữa.

Trích *Thư của Linh mục John gửi Hoàng đế Manuel xứ Byzance* (1165)

Âu cho đến tận năm 1241. Đó không ai khác hơn là Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan), thủ lĩnh một bộ tộc xâm lăng Mông Cổ đến từ vùng thảo nguyên tít tắp ở châu Á...

● *Định vị sai?*

Sau khi xác lập hòa bình với người Mông Cổ, nhiều nhà thám hiểm châu Âu trong đó có Marco Polo đã lên đường đi tìm vương quốc của Linh mục John ở Trung Á nhưng chỉ uổng công. Một điều khác cũng làm họ nản chí. Ngay từ đầu thế kỷ 14, người ta đã nghĩ rằng có thể có sự nhầm lẫn về



*Linh mục John
trong huyền thoại
Thiên chúa giáo*

châu lục và rẽ ra cần phải hướng về châu Phi, nơi có vương quốc Abyssinia (Ethiopia), một vương quốc được gọi là “Ấn Độ của châu Phi”. Linh mục John được xem là hoàng đế của Ethiopia, người mà phe Công giáo muốn nhờ cậy để tấn công quốc vương Ai Cập. Để đến được đó phải đi bọc qua đế chế Hồi giáo từ phía Nam vì đây là con đường duy nhất. Người Bồ Đào Nha đã đi bọc lục địa châu Phi bằng đường biển và đến Ethiopia năm 1493. Như vậy, việc mở đường biển mới này chính là nhờ vào huyền thoại về Linh mục John. Nhưng người Bồ Đào Nha nhanh chóng nhận ra rằng hoàng đế Ethiopia không có khả năng giúp đỡ họ như mong đợi, mà cuối cùng chính họ lại phải quay sang giúp đỡ ông ta chống lại áp lực của người Hồi giáo phương Bắc. Đến thời Phục Hưng thì câu chuyện huyền thoại mà biết bao thế hệ người Công giáo từng đặt hy vọng xem như chấm dứt hoàn toàn.

các thánh



Mộ phần thánh Peter

Năm 1939, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng Pie XII, những cuộc khai quật kỳ lạ được tiến hành, khởi đầu từ Vatican. Các nhà khảo cổ lao vào tìm kiếm phần mộ của tông đồ Peter, người đồng hành với Chúa Jesus và cũng là người mà truyền thuyết cho rằng bị hành hình ở đấu trường của hoàng đế Nero năm 67.

- ***“... tôi sẽ kiến thiết Giáo hội phía trên phần mộ này...”***

Việc khảo sát thánh đường Vatican mang tầm quan trọng đặc biệt. Trên thực tế Đức Giám mục thành Roma được xem là người kế thừa Thánh Peter (Phê-rô), vị thánh được Chúa Jesus chỉ định làm “người đặt nền tảng cho Giáo hội Ki-tô giáo”.

Mà nếu thánh đường được xây tại nơi đặt mộ phần của tông đồ Peter thì vai trò dẫn dắt Ki-tô giáo của Roma sẽ nhờ đó mà hiển hiện hơn.

- ***Sự hy sinh của người đặt nền tảng cho Giáo hội Công giáo***

Truyền thuyết Thánh Peter bị hành hình ở La Mã dưới triều Nero xuất hiện rất trễ: từ thế kỷ thứ III, sau đó được đưa vào thánh truyện. Theo truyền thuyết này, Peter sống ở La Mã 25 năm. Sau đó ông bị bắt và bị hành hình cùng tông đồ Paul (Phaolô), một công dân La Mã. Paul bị xử chém còn Peter thì bị đóng đinh trên thập tự giá như Thầy của ông là Thiên Chúa. Ông xin được treo trên thập tự giá ở tư thế đầu chúc xuống đất bởi vì nhận thấy mình không xứng đáng tử vì đạo trong tư thế giống Đức Ki-tô. Việc hành hình vị tông đồ này diễn ra ở đấu trường của hoàng đế Nero, trên phần đất mà hiện nay nhà thờ Thánh Peter được xây bên trên.

● *La Mã sụp đổ*

Tuy nhiên có lẽ nơi mà vào thế kỷ I người ta thường hay đến hành hương để vinh danh Thánh Peter không phải là nơi chôn cất ông mà chỉ mãi sau này mới dành cho vị thánh tuần đạo này.



La Mã sụp đổ trước các đoàn quân man di

Lịch sử đầy biến động của La Mã đã chứng minh giả thuyết này: Ở thế kỷ thứ 5, La Mã bị làn sóng ngoại xâm tàn phá và đến cuối thế kỷ thứ 10 thì một trận hỏa hoạn lớn đã gây thiệt hại đáng kể cho thánh đường này.

Đến năm 1527, thành phố này một lần nữa bị xâm lăng, lần này là bởi quân Đức.

Di hài Thánh Peter có thể đã được các tín hữu chuyển đi nơi khác hoặc đã biến mất trong quá trình xảy ra biến loạn hay trong khoảng thời gian các Ki-tô hữu liên tiếp bị hành hình.

● *Các nhà khảo cổ giải cứu Thánh địa*

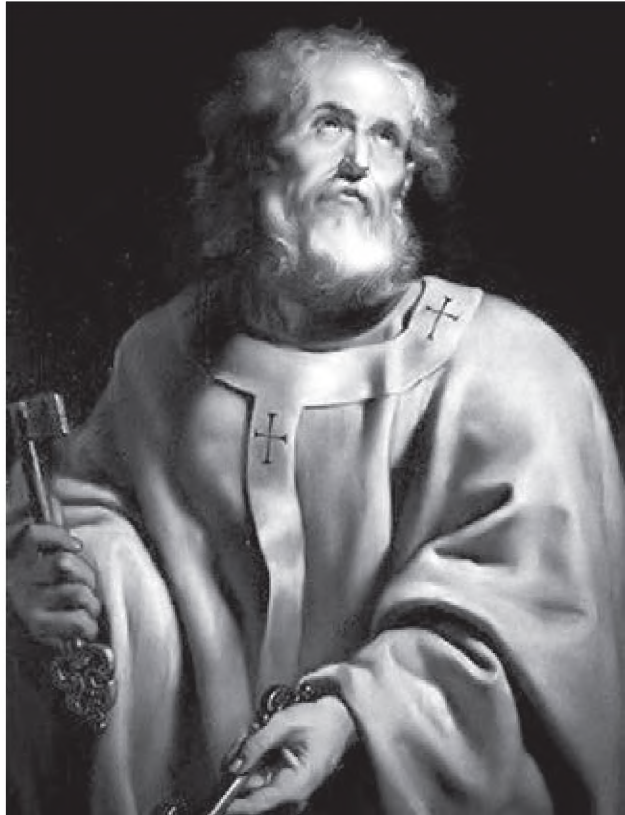
Công việc mà Đức Giáo Hoàng Pie XII chủ xướng là nhằm mục đích khai quật khu hầm bên dưới nhà thờ ngay tại “nơi xưng tội” của Thánh Peter, tức nơi được xây dựng dưới thời Phục Hưng để các tín hữu đến tôn vinh vị tông đồ này. Nghiên cứu của các nhà khảo cổ cho thấy ở thế kỷ thứ 4, hoàng đế Constantine đã cho xây

dựng thánh đường đầu tiên ngay nơi hành hình vị tông đồ tử vì đạo này, tức phía trên chỗ ngài bị hành hình.

Nhưng kết quả khai quật lại cho thấy một thực tế khác. Thứ tìm thấy dưới hầm nhà thờ là một nghĩa trang lớn chứ không phải là những gì còn sót lại của một đấu trường. Trong nghĩa trang này có khoảng 10 ngôi mộ, phần lớn là mộ của người ngoại đạo. Chắc chắn thi hài Thánh Peter được chôn trong nghĩa trang này. Các nhà khảo cổ quả thực đã phát hiện ra một khu đất trống trong đó không có ngôi mộ nào khác, và điều kỳ lạ là vùng đất trống đó lại nằm ngay phía dưới “nơi xưng tội”. Ngoài ra, khi khai quật người ta còn phát hiện ra một bức tường sơn đỏ được xây lên ở thế kỷ 1 để khoanh vùng khu vực này, và đến thế kỷ tiếp theo thì bức tường này được nâng cao và gia cố thêm. Điều này chứng tỏ đây là nơi linh thiêng mà người ta muốn ngăn riêng ra để bảo vệ.

Thế là ta đã có thể giải thích vì sao hoàng đế Constantine lại chọn xây thánh đường ở đây. Đó là vì nó nằm ngay trên phần mộ của Thánh Peter, người đặt nền tảng cho Giáo hội La Mã.

*Chân dung Thánh Peter -
Petrus Paulus Rubens.*



● ***Bí mật đã sáng tỏ chưa?***

Sau 10 năm kể từ khi bắt đầu khai quật, một báo cáo tổng kết điều tra đã kết luận rằng ngôi mộ của tông đồ Peter thực sự nằm bên dưới thánh đường.

Nhưng chuyện gì đã xảy ra cho thi hài vị tông đồ này? Người ta tìm thấy những mẫu xương trong các hốc bí mật đặt trong bức tường sơn đỏ. Tại sao phải cất giấu hài cốt người chết nếu như người đó chẳng phải là một nhân vật quan trọng mà hài cốt cần được giữ gìn như thánh tích trong một giai đoạn đầy biến động? Sau bao suy đoán, ngành khảo cổ học đã khẳng định những gì lưu truyền trong truyền thuyết là đúng. Bí mật được sáng tỏ này đã giúp La Mã trở thành thánh địa của Ki-tô giáo toàn thế giới.

Một vị thánh cụt đầu

Vào giữa thế kỷ thứ 3 dân chúng vùng ngoại ô Paris tận mắt chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ. Một tông đồ Ki-tô giáo bị quân La Mã tra tấn và chặt đầu bỗng nhiên sống lại và bước đi, tay ôm theo chiếc đầu của mình.

● *Một người theo đạo Ki-tô sống ở xứ Gaule*

Các sách kinh đầu tiên nói về Thánh Denis là vào thế kỷ thứ 6, trong đó ông được cho là người thuộc thế hệ Ki-tô giáo cuối cùng phải hoạt động trong vòng bí mật và bị đế chế La Mã ngược đãi. Thánh Denis là một trong 7 “giám mục” được gọi đến La Mã vào khoảng năm 250 để truyền bá Phúc âm cho xứ Gaule (bị La Mã xâm chiếm) và thiết lập cơ sở Giáo hội ở đó.

Denis chọn vùng Parisii, nơi có thủ phủ là Lutèce, cũng là nơi mà việc tôn thờ dị giáo đã bén rễ trong đời sống người dân. Ông đến trước một nhóm dân cư ở ngoại ô Lutèce, tìm cách khai sáng tâm hồn họ và đã thành công. Sau bài thuyết giáo của ông, mọi người quỳ sụp xuống, nguyện sẵn sàng từ bỏ tín ngưỡng của mình.

Lo sợ trước thành công của Thánh Denis, chính quyền La Mã ra lệnh bắt giam ông. Thời đó, đế chế La Mã luôn xem Ki-tô giáo như một chất men kích động dân chúng nổi loạn. Khi từ bỏ việc cúng tế các thần linh dị giáo của thành phố, người Gaule cũng tự đặt mình ở ngoài vòng pháp luật của La Mã.

● *Hành động tuần đạo của Denis, Rustique và Éleuthère*

Theo truyền thuyết, Denis cùng hai nhà truyền giáo khác là Rustique và Éleuthère đã bị bắt giam và tra tấn suốt một thời gian



Thánh Denis tuần đạo. Tranh của Léon Bonnat (1880)

dài. Sau đó, người La Mã đã ra lệnh cho cả ba phải tế các vị thần dị giáo tại đền Mercure trước sự chứng kiến của đám dân chúng mà họ vừa thuyết phục đi theo Thiên Chúa. Do từ chối làm điều này nên cả ba nhà truyền giáo đều bị xử tội chết và bị hành quyết. Xác của họ sau đó được các các tín đồ Ki-tô đánh cắp và đem chôn dưới chân thành Lutèce.

Từ khúc này trở đi, mãi về sau mới có những văn bản viết tay cung cấp thêm thông tin về Thánh Denis qua tác phẩm *Đời sống của Thánh Denis* dưới triều Carolingien (thế kỷ thứ 9). Theo các kinh sách này thì cả Denis, Rustique và Éleuthère đều bị xử chém bằng rìu. Lúc sắp bị chặt đầu thì bỗng nhiên từ trên trời cao ba chiếc vương miện chợt bay xuống, đập lên đầu họ, một dấu hiệu cho thấy Chúa trời đã ghi nhớ sự tuần tiết của họ. Theo một phiên bản khác thì có 3 con chim bồ câu xuất hiện, tượng trưng cho việc linh hồn của họ được Đức Thánh Thần đưa đi.

● *Denis ôm đầu đi đâu?*

Sách thánh triều Carolingien còn đem đến cho người đọc một phiên bản cách tân khác, theo đó cái xác không đầu của Denis

bỗng nhiên đứng dậy, nhặt chiếc đầu của mình, cắm trên tay. Được sự hướng dẫn và dìu dắt của các thiên thần, ông ôm đầu đi đến Catuliacus cách đó vài km. Đó là nơi ông mong muốn được chôn cất và cũng là nơi mà sau này một tu viện hoàng gia và một thành phố gần Paris được xây lên. Cả hai nơi này đều mang tên ông: Saint-Denis.

Trong suốt thời gian dài mọi người lầm tưởng nơi ông tuấn đạo là Montmartre nhưng thực ra thì đó là một ngọn đồi mang tên Montjoie, nơi mà người dị giáo thời xưa thường đến thờ cúng. Đến khoảng năm 460 thì thánh nữ Geneviève cho xây một nhà thờ lớn ở nơi được cho là mộ phần của Denis. Sau khi nhà thờ xây xong, người đến thờ cúng thánh tích của vị thánh tuấn đạo này ngày càng đông.

Tượng Thánh Denis (giữa) tại Nhà thờ Reims



● *Thánh Denis bị các vương triều lợi dụng*

Triều đại Merovingien lúc đầu chỉ sử dụng hình ảnh Thánh Denis như một công cụ tuyên truyền nhằm tăng cường hoạt động Thiên Chúa giáo và bài trừ việc tôn thờ thần tượng và đạo sĩ, một tín ngưỡng có ảnh hưởng rất mạnh đến người dân vùng nông thôn xứ Gaule.

Sau đó, các vương triều tìm cách gắn sự sùng kính Denis với chế độ quân chủ. Dưới thời vua Clotaire II năm 627, thánh tích của Thánh Denis được chuyển sang một nhà thờ khác ở tận phía Bắc Paris, chính xác là ở Catuliacus. Giới tăng lữ ra sức biến nơi này thành một nơi đặc quyền của vua Dagobert, một trong những vị vua Merovingien quyền lực nhất sau Clovis I. Kể từ đó, tất cả các vua Pháp từ Clotaire II trở về sau đều được chôn cất ở đây.

Và thế là Thánh Denis trở thành vị tông đồ bảo vệ xứ Gaule của người Franc đồng thời là biểu tượng thống nhất đất nước. Cùng lúc đó, Lutèce cũng được đổi tên thành Paris, trở thành trung tâm chính trị của Pháp. Người Carolingien và người Capétien nhấn mạnh điều này bằng cách biến Denis thành vị thánh bảo hộ cho triều đại của họ.

Đoạn mô tả Thánh Denis vừa đi vừa ôm đầu trên tay là phần thêm vào sau này nhằm biện minh cho việc chuyển thánh tích của Denis từ nơi chôn cất ban đầu sang nơi được cho là do chính vị thánh này chọn lựa. Câu chuyện huyền thoại về Thánh Denis đã được sử dụng một cách khéo léo để quảng bá cho vương triều của người Franc.

MỘT SỐ THÁNH TUẦN ĐẠO NỔI TIẾNG

Nhiều thánh đã phải chịu hành hạ khổ sở trước khi lên thiên đàng gặp vị Chúa mà họ luôn trung thành.

Các tông đồ. Ngoài chuyện Thánh Paul bị đóng đinh trong tư thế đầu chúc xuống dưới theo yêu cầu của ông vì tự thấy mình không xứng đáng được chết như Đức Ki-tô, việc hành hình nhà truyền giáo Marc ở Alexandria dưới thời hoàng đế Nero cũng được cho là vô cùng tàn bạo. Người ta tròng dây vào cổ ông và kéo lê ông nhiều giờ trên khắp các nẻo đường thành phố Alexandria cho tới khi thân xác ông tả tơi không còn chút máu.

Thánh nữ Christina. Cái chết của Thánh nữ Christina dưới triều hoàng đế La Mã Diocletien năm 287 còn thảm hơn nữa. Do Christina đập vỡ các tượng thần mà cha bà thờ, đồng thời từ chối cúng thần linh dị giáo nên bà phải chịu rất nhiều nhục hình. Cuối cùng, quan tòa cho cắt vú và lưỡi bà. Bà lượm chiếc lưỡi bị cắt, ném vào mặt quan tòa khiến ông nảy nổi giận bắn ba mũi tên xuyên thủng tim bà.



Thánh nữ Christina. Tranh của William Kent, thế kỷ 18.

Thánh nữ Agnes. Một thiếu nữ sống cùng thời đó vì muốn gìn giữ trinh tiết dành tặng Đức Ki-tô nên đã từ chối lời cầu hôn của nhiều quan chức cao cấp La Mã. Thế là Thánh nữ này bị lột trần truồng và nhốt trong một căn nhà khóa trái để bọn đàn ông đến làm nhục. Nhưng ngay lúc đám người này sắp làm nhục thì họ bị đấng bề trên cảm hóa và bắt đầu rao giảng đức tin. Các giáo sĩ nhà thờ dị giáo nổi giận, ra lệnh giết cô gái. Do được thần thánh bảo vệ nên Thánh nữ thoát khỏi bị thiêu sống hoặc ném đá đến chết. Nhưng cuối cùng, bà cũng bị cắt cổ.



Thánh nữ Agnes nhận áo của Chúa trời ban tại nơi giam giữ. Tranh của Frank Cadogan Cowper (1877-1958)

Thánh Francis và những vết thương của Đức Ki-tô

Gữa tháng 9 năm 1224, Francis Assisi lui về nhập định ở La Verna trên đỉnh núi Alverne, một nơi nằm gần thị trấn Arezzo thuộc vùng Toscana (Ý). Khi trở về, ông mang trên người những thương tích tương tự như thương tích của Đức Ki-tô khi bị đóng đinh trên thập giá. Một bên hông của ông có vết lao đâm còn chân tay ông đều có dấu đóng đinh mà ta gọi là dấu thánh.

● *Thân thể rực sáng*

Đây chỉ là một số trong những câu chuyện màu nhiệm được thêu dệt quanh cuộc đời Thánh Francis: chuyện ông thuần hóa một con sói hung dữ ở Gubbio bằng thánh giá, chuyện ông trị bệnh cứu người, chuyện ông làm cho thi thể mình tỏa sáng và ngát hương thơm sau khi đã chết, chuyện ông xuất hiện trước Đức Giáo Hoàng IV năm 1228 để chỉ cho ngài xem vết thương bên hông, vết thương mà từ đó ngài thậm chí có thể hứng đầy một lọ máu...

So với những điều kỳ diệu đó thì dấu thánh mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng do tính chất mới mẻ của nó, do nhiều trường hợp tương tự khác đã được công nhận và tiếp tục xảy ra cho đến tận ngày nay, do rất nhiều người đã được tận mắt nhìn thấy các dấu thánh và do những hình ảnh đó được thể hiện trên vô số tác phẩm hội họa.

● *Mũi tên lửa*

Mặc dù mang nhiều tình tiết khác nhau nhưng tất cả những

câu chuyện của những người mang dấu thánh đều thống nhất ở một điểm: trong lúc Francis nhập định thì ông nhìn thấy một thiên thần thượng đẳng (*seraph*) với các cặp cánh rực lửa đang tiến về phía ông và trông như bị đóng đinh trên thập tự giá. Thánh Bonaventure thì mô tả: “Thiên thần dang rộng tứ chi và bị trôi vào một thập tự giá. Một cặp cánh của thiên thần vươn cao khỏi đầu, một cặp giang ra để bay và cặp khác che phủ toàn bộ cơ thể”. Quá ấn tượng trước hình ảnh thiên thần, Francis nghĩ đến hình tượng chúa Jesus bị đóng đinh trên thập giá và chợt thấy trên thân thể mình xuất hiện các dấu thánh. Những dấu thánh này không phải do thiên thần tạo ra mà là do tình yêu của ông với vị Chúa tử vì đạo. Lúc đầu, ông kể lại câu chuyện trên với thái độ dè dặt và không mấy cận kề nhưng, bằng đi một thời gian dài sau đó, Thầy

Thánh Francis đón nhận dấu thánh - Tranh của Michelangelo Merisi da Caravaggio, 1600.



NHỮNG TRƯỜNG HỢP MANG DẤU THÁNH KHÁC TỪ THẾ KỶ 14 CHO ĐẾN NAY

*Sau Francis Assisi, nhiều vị thánh khác thuộc Giáo hội Thiên Chúa
cũng nhận những dấu thánh tương tự.*

Không phải tất cả các dấu thánh đều thể hiện vết thương của Chúa và không phải lúc nào các dấu thánh cũng rỉ máu. Các dấu thánh của Catherine de Sienne (1347-1380) không đi kèm tình trạng mất máu. Rita de Cascia (1381?-1447) thì nhận một vết thương trên trán từ những cái gai nhọn ở chiếc vòng trên đầu Chúa khi đang nghe thuyết giáo ở nhà thờ dòng Phancisco tại thành phố nơi cô sống. Ngày 28 tháng 8 năm 1812, một chiếc thánh giá dính đầy máu đã in dấu lên ngực nàng Anne Catherine Emmerich vùng Westphalia, một cô gái có tiếng là tiên đoán được mọi sự việc trong lúc nhập định.



Thánh Padre Pio

Thế kỷ 20. Một trường hợp mới xảy ra gần đây hơn đã được Jean Guilton, một học giả về Thiên Chúa giáo, truyền bá khắp nơi. Đó là câu chuyện về nàng Marthe Robin (1902-1971), một thôn nữ ở Drôme. Do bị liệt và gần như mù nên cô chỉ sống nhờ vào những chiếc bánh thánh ở lễ ban thánh thể và đọc những sách kinh giàu tính tâm linh và thần học. Cứ vào mỗi thứ Sáu kể từ năm 1930 trở đi, cô lại cảm nhận được sự khổ nạn của chúa Jesus trên da thịt mình và cảm thấy trong lòng “thật bình an và hạnh phúc khôn tả”. Tại Ý có trường hợp của tu sĩ Padre Pio (1887-1968), người được Giáo hội phong thánh năm 2002. Vị tu sĩ này cũng mang dấu thánh trên người suốt nhiều năm, đầu tiên là ở hai bàn tay rồi sau đó đến các bộ phận cơ thể khác. Tất cả những dấu thánh này đều biến mất khi ông qua đời.

Leon, người bạn hữu của Francis, đã kể lại cho một thầy tu người Anh tên Pierre de Tewkesbury thuộc dòng Francisco rằng thiên thần thượng đẳng đã “chạm rất mạnh” vào người Francis. Đối với các tín hữu thì đây là lời giải thích thỏa đáng vì, mặc dù họ cũng khao khát điều kỳ diệu xảy ra, nhưng đồng thời lại không chấp nhận chuyện dấu thánh tự nhiên mà có. Các tác phẩm hội họa còn đưa ra lời giải đáp thỏa đáng hơn về các dấu thánh khi các danh họa như Giotto, Bruege, Durer và Carrache đều đồng loạt thể hiện hình ảnh Francis quỳ gối trước vị thiên thần bị đóng đinh trên thập tự giá và từ thân thể của thiên thần này bắn ra những tia sáng như những mũi tên lửa. Chính những mũi tên lửa này chứ không phải sức mạnh bên trong đã in dấu khổ hình của chúa Jesus lên cơ thể Francis. Điều nghịch lý là việc thiên thần tác động lên cơ thể con người lại được xem là giải đáp hợp lý, bởi theo nhận định của François de Sales ở đầu thế kỷ 17 thì “Da thịt có thể bị xé rách từ nhân tố bên ngoài nhưng tình cảm bên trong thì không làm được vậy”.

● *Chỉ là do tranh cãi?*

Một số nhà bình luận đã giải thích việc xuất hiện các dấu thánh theo kiểu dung tục. Theo họ thì vào thế kỷ 16, nhiều người theo đạo Tin Lành đã giận dữ khi thấy Francis Assisi được xem như “Đức Ki-tô thứ hai”. Những người này đã bịa đặt ra một cuộc tranh cãi với thánh Dominique, người sáng lập dòng Đa Minh. Trong cuộc tranh cãi đó, Thánh Francis chui xuống gầm giường trốn và bị phía bên kia đâm nhiều nhát vào người bằng que xiên thịt, để lại những vết thương giống như vết thương của Chúa...

Thay cho màn kịch cảm lố bịch này, quyển Đại Từ Điển Thế giới ở thế kỷ 19 do người phát ngôn cho chủ nghĩa duy lý là Pièrre

Larousse xuất bản từ năm 1863 đến năm 1876 lại giải thích rằng đây là trò chơi ngông của các linh mục trong lúc Francis đang say ngủ. Tuy nhiên, quyển từ điển này lại không giải thích được làm cách nào mà các vết thương này sau đó vẫn tiếp tục tồn tại mãi trên cơ thể Francis. Tuy nhiên việc Thánh Francis cố gắng che đậy các dấu thánh trên cơ thể mình và sự hoài nghi của các linh mục trong suốt một thời gian dài về các dấu thành thì có vẻ không giống sự lừa gạt.

● **Mỗi người một chân lý**

Quyển từ điển nói trên còn cho rằng “thần kinh của nhà tu khổ hạnh này bị kích thích quá mức khiến đầu óc ngài căng thẳng cực độ khi tập trung suy nghĩ về các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời của kẻ bị đóng đinh trên thập tự giá” và “chính điều ấy đã làm xuất hiện những dấu thánh mà ông khát khao muốn có”.

Qua câu chuyện Thánh Francis mong muốn mang trên da thịt vết thương của Chúa, nhiều người tin rằng không thể có chuyện đây là vết thương bình thường hay là sự lừa gạt. Tùy suy nghĩ của mỗi người mà người này có thể cho các dấu thánh là hiện tượng siêu nhiên, và người khác cho đó là hiện tượng tâm lý. Khó có thể nói ai đúng vì bản thân câu chuyện này đã là một bí ẩn.

phép màu



Thánh nữ Theresa xuất thần

Ra đời năm 1515, Theresa Sanchez de Cepeda y Ahumada - cháu gái một nhà buôn Do Thái theo Thiên Chúa giáo - là một đứa trẻ phát triển sớm, rất thích tìm hiểu cuộc đời các thánh và mê đọc tiểu thuyết về các hiệp sĩ. Đến năm 21 tuổi, cô bước vào Dòng Carmen ở thành Avila. Lúc đó cô không có gì đặc biệt so với các nữ tu khác ở tu viện bình lặng này.

● *Từ chuyện xuất hồn đến vết thương tinh thần*

Là người cuồng nhiệt, Theresa mong muốn dâng hiến cuộc đời cho Chúa và luôn cầu nguyện để linh hồn mình “không nghe, không nhìn, không nói với thế giới bên ngoài”. Cô sùng đạo đến mức ngã bệnh vào năm 1538 và hôn mê suốt ba ngày liền khiến mọi người tưởng cô đã chết. Khi khỏi bệnh, cô tránh không cầu

nguyện quá mức trong một thời gian để không ảnh hưởng đến sức khỏe. Nhưng khi cha cô qua đời năm 1543 thì, do đau buồn quá độ, cô lại nhiệt thành cầu nguyện. Mười hai năm sau, cô cảm thấy choáng váng khi ngắm nhìn bức tranh vẽ Đức Ki-tô bị quất bằng roi trong tư thế đứng dựa cột, trên đầu đội chiếc vòng gai. Chính cú sốc này đã thay đổi



Đức Ki-tô xuất hiện trong mắt Thánh nữ Theresa - Tranh của Guerchin (1591-1666)

cuộc đời cô. Ở tuổi 40, cô bắt đầu bước vào một cuộc phiêu lưu tôn giáo.

Mỗi khi cầu nguyện, Theresa cảm thấy như hồn lìa khỏi xác, không còn cảm nhận được bất cứ điều gì xung quanh. Theo lời cô thì đó là lúc cô đang tiếp xúc trực tiếp với Thiên Chúa. Trong lúc chia sẻ với Thiên Chúa, cô cảm thấy như thân thể mình bay bổng khỏi mặt



Tượng thánh nữ Theresa trong trạng thái xuất thân

đất. Nhiều người tận mắt chứng kiến cảnh tượng này và khẳng định đó là sự thật. E sợ mình mắc mưu quỷ dữ, cô lo lắng hỏi ý kiến các tu sĩ. Một số tu sĩ làm cô nản lòng, chỉ riêng vị linh mục mà cô xưng tội là ủng hộ cô và khuyên cô đáp trả hồng ân Thiên Chúa bằng cách phục tòng, nhún nhường và hành xác để chuộc tội. Cô yên lòng khi nghe lời khuyên này và không ngớt cầu nguyện để mọi người không nhìn thấy cảnh cô bay lên khỏi mặt đất. Cô ngày càng thấy nhiều hình ảnh xuất hiện trước mắt, từ Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, Đức Thánh Thần cho đến Đức Mẹ đồng trinh và các thánh, và cô đã nói chuyện với họ. Việc cận kề thế giới thần thánh của cô dẫn đến một cuộc hôn nhân thần bí. Một ngày kia cô thấy Chúa hiện ra nói: “Kể từ đây, với tư cách hiền thê, con sẽ nhận được vinh quang của ta. Kể từ đây ta thuộc về con và ngược lại con cũng thuộc về ta”. Các cha linh hướng khuyên cô nên ghi lại những gì cô trải nghiệm trong quá trình xuất thân. Và cô đã mô tả cảnh một thiên thần xuất



hiện đâm thủng tim cô khi cô đang trong trạng thái xuất thần. Cảnh tượng này đã được tái hiện trong tác phẩm điêu khắc của Bernin (1644-1647) đặt tại thánh đường Santa Maria della Vittoria ở Roma.

*Thánh nữ Theresa gặp gỡ thiên thần.
Tác phẩm điêu khắc của Bernin
(1644-1647)*

Thánh nữ Theresa trong trạng thái xuất thần

“Tôi chợt nhìn thấy một vị thần bằng xương bằng thịt xuất hiện ngay bên trái, một điều rất hiếm khi xảy ra cho tôi. Thiên thần nhỏ nhắn chứ không cao lớn, đồng thời rất đẹp. Qua gương mặt tỏa sáng của thiên thần, trông người cao quý hơn tất cả những kẻ đang hùng hực lửa yêu thương. Người cầm trên tay một cây thương dài bằng vàng và ở đầu thương phát ra ánh lửa. Người đâm ngọn thương đó nhiều lần vào tim tôi và đâm thấu ruột gan tôi. Khi kéo cây thương ra, có thể nói là toàn bộ ruột gan của tôi đều bị lôi ra và toàn thân tôi bùng lên tình yêu Thiên Chúa (...). Sự đau đớn dữ dội khiến tôi rên rỉ và sự ngọt ngào của nỗi đau khiến tôi ao ước cho nó đừng ngưng lại. Đây là nỗi đau tinh thần chứ không phải nỗi đau thể xác mặc dù thể xác cũng cảm nhận được sự đau đớn, thậm chí là đau đớn rất nhiều”.

● *Tuyệt đối vâng lời*

Truyền thuyết thuật lại những lời tiên tri của Thánh nữ Theresa, chuyện bà chữa bệnh cho mọi người và tạo ra những thay đổi nhiệm màu. Do trung thành với nguyên tắc hành xác và nhún nhường nên Theresa đã tự làm cơ thể chảy máu bằng cách thắt dây lưng bằng sợi canh, đeo cây tầm ma và những dây có đầu bịt sắt sát vào da thịt mình. Bà tự ép mình bỏ ăn bỏ ngủ. Tuy nhiên lòng mộ đạo của bà không ngừng ở đó. Vốn là người năng động, bà lập ra một tu viện nữ khác vào năm 1562 để khôi phục nội quy nghiêm khắc của dòng tu Carmen. Từ năm 1567 cho đến khi qua đời năm 1582, bà đã bôn ba khắp xứ Castillo để xây dựng khoảng 15 tu viện.

Chính nhờ tinh thần hăng hái của Thánh nữ Theresa chống lại việc cải cách Tin Lành, thái độ nghiêm khắc đối của bà với các môn đồ tự nhận là được ban ơn trên giống bà, nhờ tấm lòng tận tụy với công việc từ thiện và thái độ nhún nhường tuân phục mà bà luôn được dành một chỗ đứng quan trọng trong Giáo hội. Vốn dĩ đa nghi nên mỗi khi ai đó khẳng định là mình có những giây phút xuất hồn, Giáo hội luôn tìm cách điều tra xem người đó có gian dối hoặc bị thần kinh hay không, cho dù người đó có sùng tín và đạo đức cách mấy. Chỉ sau khi điều tra nhiều lần và biết chắc những điều các nhân chứng khẳng định là sự thật, và chỉ khi nhìn thấy những biểu hiện đó từ chính Theresa, Giáo hội mới nhìn nhận tính nhiệm màu của một vài sự kiện. Nhờ đó mà Theresa được Giáo hội phong thánh vào năm 1622. Tuy nhiên, mãi đến năm 1970 ngài mới được chấp nhận vào hàng ngũ tiến sĩ Hội Thánh.

● ***Sức biểu cảm đặc biệt***

Những người duy lý tỏ ra hoài nghi khả năng của Theresa. Theo Đại từ điển thế giới ở thế kỷ 19 do Pierre Larousse xuất bản từ năm 1863 đến năm 1876 thì Theresa “chỉ là người có tâm hồn cuồng nhiệt, một phụ nữ có trí tưởng tượng phong phú và đức tin chân thành đến nỗi sinh ra ảo giác. Một nhà sinh lý học hẳn sẽ cho rằng sở dĩ bà có sự hưng phấn và tình yêu màu nhiệm đó chẳng qua là vì chức năng cơ thể của bà bị lệch lạc. Trong các bài viết của bà, chỉ cần đổi tên của Đức Jesus thành một cái tên khác, ta sẽ có những bài thơ ca ngợi tình yêu cháy bỏng hơn cả những vần thơ của nữ văn sĩ đồng tính Sapho”.

Ta có thể dễ dàng cho đó là sự kích động thái quá hay tình trạng buông thả tình ái trong giây phút xuất thần của Thánh nữ, điều được thể hiện rõ nét trên pho tượng Thánh nữ Theresa do điêu khắc gia Bernin sáng tác. Tuy nhiên chính văn phong của Thánh nữ cùng sự chân thành và nhạy cảm của bà đã khiến những gì bà viết trong kinh sách mang đậm chất thơ và có sức biểu cảm khác thường. Khó ai có thể biết sự diễn cảm đó đến từ đâu, từ việc tiếp xúc với thế giới bên kia trong quá trình cầu nguyện hay từ tâm trạng tuyệt vọng của người nữ tu cuồng nhiệt.

Constantine nhìn thấy thập giá của Đức Kitô

Năm 312, hoàng đế Constantine đánh bại đối thủ là Maxentius trong một trận chiến diễn ra ở cầu Milvius bên bờ sông Tiber. Theo truyền thuyết thì hoàng đế Constantine thắng trận này nhờ đêm trước trận đánh quyết định đã nằm mơ thấy một chuyện lạ.

- *“Nhờ dấu hiệu này người sẽ thắng”*

Vào đêm trước ngày diễn ra trận đánh, một dấu hiệu từ thiên đình xuất hiện, cho hoàng đế Constantine biết trước là ngài sẽ thắng Maxentius. Một bức tranh tường lộng lẫy đặt tại nhà thờ San Francesco ở Arezzo do danh họa Piero della Francesco sáng tác đã tái hiện lại cảnh này. Trong tranh là cảnh Constantine đang nghỉ trong lều, bên cạnh là một người hầu. Không gian trong tranh tràn ngập ánh sáng chói lòa toát ra từ người một thiên thần

*Chiến thắng của Constantine trước Maxentius trong trận đánh ở cầu Milvius -
Tranh của Piero della Francesco.*



từ trời cao bay xuống ở cánh trái bức bích họa. Sau khi đáp xuống, thiên thần dang rộng tay hướng về vị hoàng đế tương lai đang ngủ và chuyển đến người một thông điệp.

Theo kinh sách thì thiên thần nói như thế này: “Nhờ dấu hiệu này mà ngươi sẽ thắng”. Theo Lactance thì “dấu hiệu” này là một chữ X có chữ I uốn cong lên trên xuyên qua. Một số sử gia cho đó là biểu tượng của dị giáo nhưng một số khác thì lại nói rằng đó là hai ký tự tắt lồng vào nhau thể hiện hai chữ cái đầu tiên trong tên của Đức Ki-tô bằng tiếng Hy Lạp.

● *Constantine thống nhất đế chế La Mã*

Ngày hôm sau, Constantine ra lệnh cho binh sĩ vẽ dấu hiệu này trên khiên của họ. Danh họa Piero della Francesca thể hiện trên tranh các giai đoạn khác nhau của trận chiến: ở bờ sông bên này là cảnh vua Maxentius đang tẩu thoát trên lưng ngựa còn ở bờ bên kia là cảnh đoàn quân của Constantine đang tiến bước sau lưng vị hoàng đế của mình trong niềm hân hoan chiến thắng, trên tay hoàng đế là một thánh giá nhỏ màu trắng.

Ngày hôm sau, xác vua Maxentius được tìm thấy trên sông Tiber và Constantine trở về La Mã trong chiến thắng huy hoàng. Kể từ đó, ngài trở thành người duy nhất đứng đầu đế chế La Mã phương Tây. Tuy nhiên, điều ngài cần làm bây giờ là xác lập uy thế trên toàn đế chế La Mã. Quả thực là sau



NHỮNG GIẤC MƠ MANG TẦM QUAN TRỌNG LỊCH SỬ

Trong Kinh Thánh. Chúa xuất hiện nhiều lần liên tiếp để thông báo cho mọi người biết trước những sự kiện sắp xảy ra. Giấc mơ nổi tiếng nhất được đề cập trong kinh thánh là giấc mơ của Abraham. Khi Abraham đang hấp hối chờ chết mà không người thừa kế thì chợt nhìn thấy Chúa đến thăm và được Người chỉ cho biết người thừa kế của ông chính là toàn thể dân Hebrew. “Con hãy nhìn lên bầu trời và đếm những ngôi sao trên ấy nếu như có thể đếm hết. Con cháu của con cũng sẽ đông như thế”. Tương tự, để nói chuyện với Moise và giao cho ngài trọng trách đưa người Hebrew ra khỏi Ai Cập, Chúa đã gửi một thiên thần xuống trần gian trong tư thế đang đứng trong bụi cây rục rủa: “Thiên thần của Đấng Vĩnh hằng xuất hiện trong ngọn lửa bốc lên từ giữa một bụi cây. Và rồi, trước mắt Moise, bụi cây đột nhiên bùng cháy nhưng không thiêu rụi”. Lúc bấy giờ Thiên Chúa mới gọi tên ông và xưng danh cho ông biết: “Moise! Ta là Chúa của cha con, Chúa của Abraham, Isaac và Jacob”.

Thời La Mã cổ đại, rất nhiều người nhìn thấy thần thánh hiện ra trong giấc ngủ, thường là để báo trước cho họ những chuyện sắp xảy ra. Trước ngày hoàng đế Julius Caesar qua đời, ngài đã được báo trước về hiểm họa sắp xảy ra với mình. Theo lời kể của sử gia Suetonius của La Mã thì trong mơ Caesar thấy mình “đang bay trên các tầng mây và nắm tay Jupiter”. Cũng chính nhà sử học này đã mô tả việc hoàng đế Galba, người kế vị Nero, được báo trước là ngài sẽ bị ám sát. Trước đó, lễ ra phải tặng râu chuối ngọc cho nữ thần Fortune nhưng ngài lại đổi ý và đem nó tặng cho nữ thần Venus. Trong mơ, ngài thấy nữ thần Fortune hiện ra, phàn nàn là nàng thất vọng vì không nhận được món quà lễ ra dành cho nàng, và đe dọa nhà vua là chính tay nàng sẽ lấy lại tất cả những gì nàng từng ban cho ngài.

Một mảng chi tiết của bức tranh tường mang tên Giấc mộng của Constantine của danh họa Piero della Francisco tại nhà thờ San Francesco



năm 312, ngài còn phải tiêu diệt một kẻ thù ở phương Đông là hoàng đế Licinius, người đã chỉ định con trai là Caesar lên kế vị khi băng hà.

Đến năm 324, Constantine đánh bại Licinius ở Andrinople rồi ở Chrysopolis và cho xử tử cả hai cha con Licinius. Khi chỉ còn lại một mình trên ngôi hoàng đế, Constantine đưa con trai là Constance lên kế vị. Bờ cõi La Mã từ đó được thống nhất và ngôi vị hoàng đế được cha truyền con nối, từ đời này sang đời khác.

● *Chấm dứt hành động ngược đãi Ki-tô giáo*

Một sự kiện quan trọng khác cần nhắc đến là việc đại đế Constantine cải đạo sang Ki-tô giáo. Ngay từ năm 311, hoàng đế Galère đã ban chỉ dụ công nhận Ki-tô giáo với điều kiện là những người theo đạo Ki-tô không được làm rối loạn trật tự của đất nước La Mã, đồng thời họ phải cầu nguyện Thiên Chúa để nhà vua được giàu sang thịnh vượng. Năm 313, một chỉ dụ khoan dung tôn giáo gọi là sắc chỉ Milan được ban ra nhưng người ban hành chỉ dụ không phải là hoàng đế Constantine mà là vua Licinius. Lúc đó Licinius đang tìm hậu thuẫn nơi cộng đồng Ki-tô giáo ở lãnh thổ ông ta. Constantine cũng tán thành chỉ dụ này.

Qua nghiên cứu các đồng tiền La Mã ta thấy rằng Constantine chỉ nghiêng hẳn về phía Ki-tô giáo từ năm 320 trở đi. Tuy nhiên, mặc dù hoàng đế cải đạo theo Ki-tô giáo năm 312 nhưng mãi đến trước ngày băng hà (năm 337) ngài mới làm lễ rửa tội.

Việc ngài xích lại gần Ki-tô giáo phải chăng liên quan đến trận chiến với Licinius, vị vua tuy ban hành chỉ dụ khoan dung tôn giáo nhưng sau đó vẫn tiếp tục ngược đãi giáo dân Ki-tô giáo Đông phương?

Chiến thắng của Constantine tại Andrinople phải chăng cũng là chiến thắng của Ki-tô giáo trước phe dị giáo như trong truyền thuyết Ki-tô giáo? Không hẳn thế, bởi sau đó hoàng đế Constantine vẫn chưa đưa Ki-tô giáo lên làm tôn giáo chính thức trong nước mà vẫn để cho người Đông phương tự do theo tín ngưỡng của họ.

Tấm vải liệm thành Torino

Năm 1357, người vợ góa của nhà quý tộc Pháp Godefroy 1er de Charny nhượng lại cho nhà thờ Lirey một tấm vải liệm có hình một người bị đóng đinh trên thập giá. Phải chăng đó là tấm vải liệm xác Đức Jesus?

● *Tấm vải phải chăng đi từ Palestine đến Champagne rồi sau đó về Ý?*

Danh từ “tấm vải thánh” đã xuất hiện cách đây vài thế kỷ. Đây là tấm vải mà Joseph xứ Arimathea đã bọc xác Đức Ki-tô sau khi Người bị đóng đinh trên thập tự giá. Từ đó cho đến khi tấm vải xuất hiện ở giáo phận Troyes tại Lirey gần 14 thế kỷ sau, người ta hoàn toàn mất dấu nó. Đến khi nó xuất hiện trở lại thì ai ai cũng tự hỏi không biết đó có đúng là tấm vải liệm Đức Ki-tô hay không. Những thăng trầm trong cuộc chiến và dưới các thể chế chính trị đã khiến tấm vải liệm này rời khỏi Champagne vào năm 1418. Sau đó người ta tìm thấy nó ở Liège rồi ở Chambéry (1453). Chambéry là nơi xảy ra trận hỏa hoạn năm 1532 khiến tấm vải liệm bị cháy xém một góc. Đến năm 1578 thì tấm vải liệm đến Torino và từ đó được hàng triệu giáo dân bảo quản và tôn thờ.

● *Sự giả mạo tài tình?*

Các linh mục phụ tá ở Lirey luôn giới thiệu thánh tích này là “biểu tượng hay hình ảnh thể hiện Đức Chúa trời trên tấm vải liệm”, tuy nhiên lời giới thiệu này không giải quyết được vấn đề là liệu tấm vải này có phải là tấm vải thực hay không. Thôi thúc bởi lòng hiếu kỳ, Đức Giám mục thành Troyes Pierre Darcis đã cho tiến hành một cuộc điều tra mà ta có thể đoán trước kết quả:

theo điều tra này, văn bản do Đức Giám mục tiền nhiệm Henri de Poitiers thảo ra cho biết một họa sĩ đã thú nhận rằng chính ông ta là người tạo ra hình ảnh trên tấm vải. Kể từ đó Giáo hội cấm phô bày tấm vải liệm này ra trước công chúng.

Đến năm 1389, Geoffroy II de Charney được giáo sĩ đại diện cho Giáo Hoàng vùng Avignon là Clement VII cho phép trưng tấm vải liệm trở lại cho công chúng xem. Khách hành hương lập tức đổ về Torino để tìm đến tấm vải mà họ xem là dấu ấn không thể chối cãi của Chúa. Sự nhẹ dạ cả tin của dân chúng khiến Đức Giám mục thành Troyes lo lắng nên chỉ vài tháng sau, ngài lại ra lệnh cấm trưng bày món vật gây tranh cãi này và đe dọa sẽ khai trừ khỏi Giáo hội những ai trái lệnh. Nhưng quyết định này đã bị Giáo Hoàng Clement VII phá vỡ ngay trong năm 1389. Tuy nhiên, Giáo Hoàng vẫn yêu cầu các linh mục phụ tá ở Lirey là phải “thông báo rõ ràng cho giáo dân biết là biểu tượng này không phải là tấm vải liệm Đức Jesus mà chỉ là bức họa thể hiện hình ảnh của Người”.



Tấm vải thánh thể hiện hình ảnh của một thân người nhìn từ phía sau.

MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT?

Vào thời Trung Cổ, cứ đến mỗi thứ Sáu thánh là lại có vở diễn về Sự khổ nạn của Chúa Jesus trước các thánh đường. Một người đàn ông chân trần kéo lê chiếc thập tự giá trên một chặng đường tượng trưng cho con đường Calvaire. Sau đó người này đóng lại cảnh Chúa bị đóng đinh trên thập tự giá trước khi được bọc trong vải liệm.

Ở thế kỷ 17 vở diễn *le Registre des Résolutions (Sổ Nghị quyết)* của đoàn nghệ thuật tỉnh Langres mô tả chi tiết cuộc diễu hành trong tuần lễ sau ngày Pentecôte năm 1659, trong đó có cảnh các cô gái cầm trên tay những tấm vải tượng trưng cho vải liệm của Chúa.

Năm 1900, theo thống kê của nhà sử học De Mely thì có đến 43 mảnh vải trong số các mảnh vải liệm Chúa vẫn còn tồn tại. Những tấm vải liệm này được sơn bằng phương thức châm kim (rập lên giấy hoặc vải mà tô màu). Các vết thương của Chúa thường được thể hiện bằng máu bò.

De Mely cũng phát hiện thấy trong chương viết về các lái buôn vải ở *Sổ tay nghề nghiệp* của Estienne Boileau là các tấm vải lanh tỉnh Rouen được đo bằng "aune", một đơn vị đo lường cổ tương ứng với 1,396m ngày nay. Mà quả thật chiều rộng của tấm vải liệm thành Torino là 1,4m...

Nhiều dấu hiệu khác cho thấy tấm vải liệm là một tác phẩm nghệ thuật do bàn tay khối óc con người làm ra, một tác phẩm của một nghệ sĩ sôi sục tình yêu tôn giáo.

Tuy nhiên từ thế kỷ 16 trở đi, "thánh tích" này đã được rất nhiều người tôn thờ và không ai hoài nghi tính xác thực của nó. Tuy nhiên Giáo hội vẫn tránh không khẳng định việc này.

● **Các cuộc điều tra khoa học bắt đầu vào cuộc**

Tấm vải liệm được phát hiện trở lại năm 1898 nhờ các bức ảnh chụp cho mục đích kiểm kê tại Thánh đường Torino. Rải rác trên tấm vải lanh dài 4m là những vết cháy sém đối xứng làm hiện rõ hình dáng một người cả ở mặt trước lẫn mặt sau của âm bản tấm ảnh. Hơn nữa, hình ảnh rất rõ nét của người đàn ông bị treo trên thập tự giá lại còn rất đẹp.

Trong hai lần trưng bày cho công chúng chiêm ngưỡng năm 1933 và năm 1978, tấm vải liệm lỏng trong khung kiếng đã tỏa sáng như một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại. Tuy nhiên Giáo hội



*Hạ thi hài Chúa Jesus
xuống Thập giá -
Tranh của
Nicolas Poussin*

vẫn tránh không so sánh tấm vải liệm với các tác phẩm nghệ thuật bởi tác phẩm nghệ thuật cho dù có do một bàn tay vô danh sáng tác thì vẫn là công trình của một nghệ sĩ. Họ cũng tránh không gọi tấm vải liệm là “thánh tích”. Chẳng phải là Calvin đã từng tố giác “sự tôn sùng mù quáng các thánh tích của những người Công giáo” đó sao?

Tháng 10 năm 1978, tấm vải liệm được đưa ra trưng bày suốt 5 tuần lễ liền cho mọi người chiêm ngưỡng. Trong khoảng thời gian này, một số khoảng 30 nhà khoa học đã đưa 6 tấn dụng cụ đến để phân tích tấm vải. Xét nghiệm cho thấy có sự hiện diện của những vết máu thuộc nhóm AB trên đó...

Hình ảnh trên mặt tấm vải thánh có phải là gương mặt Đức Ki-tô hay chỉ là tác phẩm của một họa sĩ?



● **Phương pháp xét nghiệm bằng Cacbon-14**

Để biết tuổi của tấm vải liệm thì phương pháp thích hợp nhất là phương pháp Cacbon-14, một phương pháp sử dụng phổ biến trong ngành khảo cổ học cho các di tích cổ ở các thời kỳ lịch sử và tiền sử. Ngày 21 tháng 4 năm 1988, theo yêu cầu của Tòa Thánh Vatican, các nhà khoa học được phép cắt vài cm² ở góc tấm vải để xác định ngày tháng ra đời của tấm vải.

Tháng 7 năm 1988, tờ *Sunday Telegraph* cho đăng kết quả phân tích khoa học đầu tiên đối với tấm vải liệm thành Torino. Ngày 13 tháng 10, Đức ông Ballestrero, Giám mục thành Torino, thay mặt Giáo hội tuyên bố tấm vải này được dệt ra trong khoảng từ năm 1260 đến 1370.

Nhưng kể từ đó mọi người phát hiện nhiều điều khác, và các phát hiện này chứng minh điều ngược lại theo chiều hướng cho thấy tấm vải này là thật. Qua phân tích những mẫu phấn hoa tìm thấy trên tấm vải liệm cho thấy các hạt phấn hoa này quả thực đến từ vùng Cận Đông...

Sự kỳ diệu của một thánh tích

Trong số tất cả những thánh tích tạo ra sự kỳ diệu thì thánh tích của Thánh Januarius (tên tiếng Pháp là Thánh Janvier), vị thánh bảo hộ thành phố Naples, chiếm một vị trí khá riêng. Những biểu hiện màu nhiệm của thánh tích này có vẻ như liên quan đến các sự kiện chính trị khuấy động thành phố Naples và những nơi khác ở Ý.

● Một thánh tích báo trước đại họa

Theo truyền thuyết thì Thánh Januarius là Giám mục ở Bénévênt và là người tử vì đạo ở Pouzzoles dưới triều vua Dioclétiên năm 305. Do ngài được bầy thú dữ tha mạng không ăn thịt nên cuối cùng triều đình đành ra lệnh chém đầu ngài. Một ít máu của ngài được bà nữ mẩu lấy cho vào hai lọ thủy tinh. Sau đó một phần

thi thể cùng đầu của ngài và hai lọ máu được đưa về Naples.

Hiện tượng máu hóa lỏng đầu tiên mà một nhà chép sử biên niên ghi nhận được là vào năm 1389, còn thời gian xuất hiện điều nhiệm màu này

Năm nào phép màu xảy ra với máu Thánh Januarius cũng thu hút nhiều tín đồ kéo đến xem. Trong hình, Tổng Giám mục của Naples, Đức Hồng Y Crescenzo Sepe đang giới thiệu thánh tích này trước công chúng ngày 19 tháng 9 năm 2010.



lần đầu là vào năm 1337. Sự kiện này sau đó tái diễn đều đặn vào mỗi thứ bảy trước ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 5 (kỷ niệm ngày chuyển thánh tích vào hầm mộ Capodimonte) và vào ngày 19 tháng 9, tức ngày giỗ của Thánh Januarius. Nhưng điều kỳ lạ là mỗi khi sắp xảy ra một thảm họa thì máu ngài lại không hóa lỏng. Chính sự việc kỳ lạ này đã biến thánh tích thành trường hợp đặc biệt. Mỗi khi phép màu không xảy ra thì đó là dấu hiệu cho thấy sắp có tai họa. Chính vì thế mà chính quyền sở tại rất quan tâm đến hiện tượng này.

● *Một số ví dụ*

Phép màu này đã không xảy ra vào năm 1527 khi La Mã bị nguyên súy Bourbon cướp phá. Đến năm 1702 thì máu của Thánh Januarius chỉ hóa lỏng phân nửa khi vua Philippe V của Tây Ban Nha đến nhận ngôi vị hoàng đế ở vương quốc Hai Sicily. Trong cuộc chiến giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha (1701-1713), lúc người Pháp đang chiếm đóng thành phố Naples họ đã phải ngậm đe dọa treo cổ Đức Tổng Giám mục để ông làm sao cho phép màu xảy ra. Tháng 4 năm 1799, trước việc người Pháp tái chiếm đóng Naples và trước sự bất loạn của dân chúng, chính quyền địa phương nghĩ rằng điều này sẽ tạo ra phép màu vào tháng 4, tức ngoài khoảng thời gian bình thường xảy ra phép màu. Nhưng máu Thánh Januarius lại hóa lỏng chậm hơn khoảng thời gian đó khiến Đức Hồng y Zurlo bị đe dọa tước đi mạng sống bởi một họng súng giấu sau chiếc áo gi-lê của vị tổng thống xứ Naples. Một lần nữa việc đe dọa lấy đi mạng sống con người đã khiến những giọt máu chứa trong lọ thủy tinh thay đổi. Dân chúng nhìn thấy ở phép màu này sự gắn kết chặt chẽ giữa Thánh Januarius với cuộc Cách mạng Pháp. Ngược lại, vị thánh này lại “giận dữ” Đức

Giáo Hoàng Pie IX và không để ngài chứng kiến phép màu khi ngài đến chứng kiến sự huyền diệu của việc máu thánh hóa lỏng năm 1849.

● ***Phải chăng trong lọ máu có pha chất hóa học?***

Khó có thể giải thích vì sao máu của Thánh Januarius lại hóa lỏng một cách đều đặn theo từng chu kỳ. Có người thực sự tin vào phép màu nhưng có người lại cho rằng một chất gì đó đã được cho vào lọ để tạo ra phản ứng khi không khí lọt vào lúc mở nắp lọ. Các xét nghiệm quang phổ tiến hành năm 1902 và năm 1989 cho thấy có sự hiện diện của huyết cầu tố, điều này không có nghĩa là chỉ có máu trong lọ. Năm 1991, ba nhà nghiên cứu thuộc đại học Pavie đã tái hiện lại phép màu này bằng một dung dịch keo nhạy cảm

với hoạt động cơ học. Dung dịch keo này được cấu tạo theo phương thức thời Trung Cổ và bằng các phương tiện ở thời này. Nhưng nếu như việc hóa lỏng này chỉ là trò bịp bợm muốn tạo ra lúc nào cũng được thì vì sao đến năm 1976 máu của vị thánh này lại không chịu hóa lỏng mặc dù mọi người đã phải mất đến 8 ngày để làm mọi cách hóa lỏng nó? Thật khó mà biết sự thực vì chính quyền Naples từ chối cho mở các lọ thủy tinh quý giá bị niêm phong từ thế kỷ 14 này ra để



*Sự tuân đạo của Thánh Januarius -
Tranh của Girolamo Pesce (1679-1759).*

tiến hành phân tích. Nhưng chính vì các lọ máu bị niêm phong và nhờ sự thận trọng chính đáng của Giáo hội - tuy Giáo hội chưa bao giờ công nhận điều kỳ diệu này nhưng cũng chưa bao giờ chối bỏ - mà việc phân tích máu trong lọ không thể tiến hành.

VÔ SỐ THÁNH TÍCH...

Quá thừa thánh tích. Năm 1982, theo điều tra của nhật báo *Repubblica* ở Ý thì người ta tìm thấy 10 chiếc sọ của Thánh Jean-Baptiste, 18 cánh tay của tông đồ Jacques và những xương cốt có thể ghép lại thành 20 bộ xương của Thánh Georges, tất cả đều được Giáo Hội công nhận là thực. Ngoài ra theo thống kê có đến hơn 1.150 địa điểm chứa một hay nhiều mảnh của chiếc Thập giá thực.

Jesus. Theo thống kê, số thánh tích được cho là của Đức Ki-tô nhiều vô số kể. Nhiều cuống rốn và bao quy đầu của Chúa được mọi người thờ cúng. Nhiều nhà thờ sở hữu răng sữa và nước mắt của Người. Ngoài hai hũ chứa hơi thở của Chúa ra, nhiều cơ sở Thiên Chúa giáo còn chung những "lá thư" của Jesus từ trên trời rơi xuống.

Thánh Joseph và Đức Thánh Thần. Thi sĩ Tin Lành Agrippa d'Aubigné kể rằng, trong cuộc chiến tôn giáo ở Périgueux, những kẻ theo giáo phái Calvin đã đập vỡ một lọ thủy tinh chứa... tiếng hắt hơi của Đức Thánh Thần! Chỉ mỗi ngôi nhà thờ ở gần vùng Blois ở Pháp là còn có thể cạnh tranh với "thánh tích" trên khi thông báo sở hữu tiếng "han!" mà Thánh Joseph thốt ra trong lúc đang bửa củi...

Sự hiện hình ở hang Lourdes

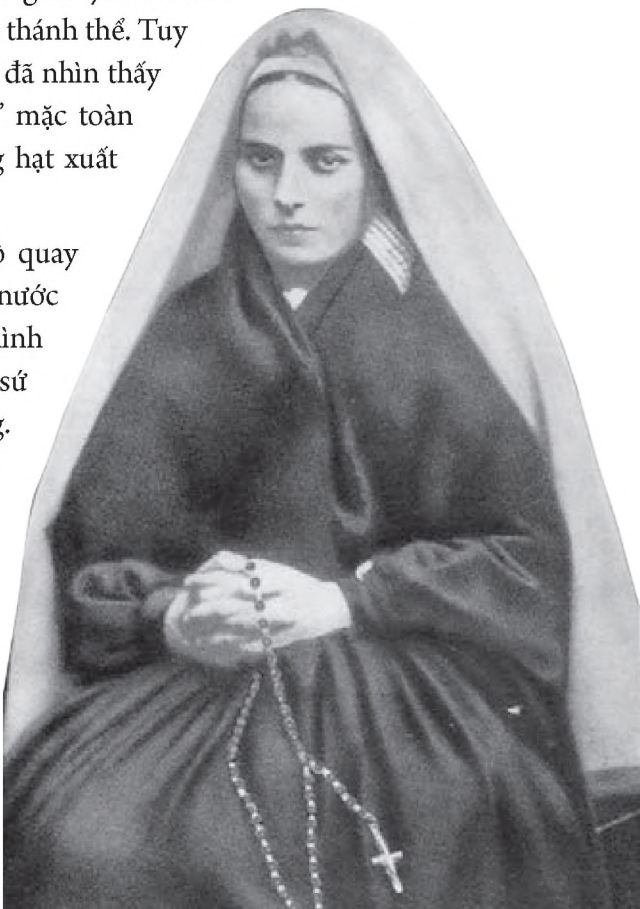
Ngày 11 tháng 2 năm 1858 trong lúc cùng chị và một người bạn gái đi kiếm củi, Bernadette Soubirous tình cờ tiến vào hang Massabielle cạnh thành phố Lourdes (Pháp). Bất chợt, cô thấy một luồng “ánh sáng” phát ra từ hốc đá...

● *Câu chuyện huyền diệu về cô bé Bernadette*

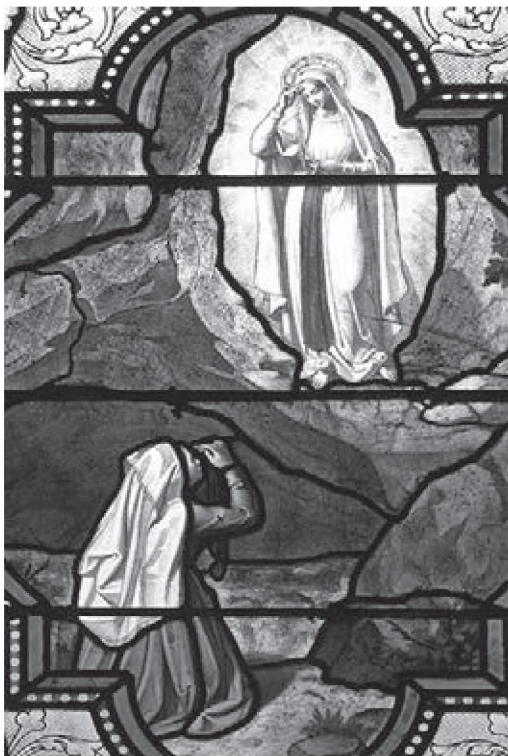
Do bị bệnh suyễn và bệnh lao phổi hành hạ nên cô gái 14 tuổi này trông chỉ như một bé gái 12 tuổi. Là con một người xay bột bị phá sản, cô không học giáo lý nhiều nên chưa bao giờ làm lễ ban thánh thể. Tuy nhiên, ngày hôm đó cô đã nhìn thấy một “quý bà xinh đẹp” mặc toàn đồ trắng tay cầm tràng hạt xuất hiện trước mặt cô.

Ngày 14 tháng 2, cô quay trở lại hang và rảy nước thánh để kiểm tra xem hình ảnh đó có phải do quý sứ tạo ra để lừa cô không. Từ ngày 18 tháng 2 đến ngày 4 tháng 3, người phụ nữ này hiện ra

Bernadette Soubirou là người đầu tiên chứng kiến phép màu trong số rất nhiều “phép màu” xảy ra ở Lourdes.



trước mắt cô hầu như mỗi ngày, rồi sau đó hiện hình ba lần nữa vào cuối tháng 3, tháng 4 và tháng 7. Người phụ nữ thường im lặng khi xuất hiện nhưng một lần kia, bằng thổ ngữ địa phương, bà đã cất tiếng rao giảng về nhân nhục và sám hối, rồi bà khuyên Bernadette lấy nước trong hang để uống và tắm rửa, đồng thời bà cũng khuyến dụ mọi người nên thường xuyên đến hành hương và xây dựng một nhà thờ nhỏ nơi đây. Ngày 25 tháng 3, người phụ nữ cho biết bà là Đấng vô nhiễm nguyên tội (Immaculada Concepcion). Tín điều này chỉ mới được Đức Giáo Hoàng Pie IX công bố cách đó 4 năm trước.



Cảnh Bernadette chứng nghiệm sự hiện hình trên kính ghép màu tại vương cung thánh đường Lourdes.

● **Phép màu đầu tiên**

Khi về đến thành phố, Bernadette tiết lộ điều mình thấy cho mọi người. Mặc dù chỉ một mình cô nhìn thấy “quý bà xinh đẹp” nhưng đến ngày 28 tháng 2 cũng có hơn 1.000 người đi theo cô đến hang. Đến ngày 4 tháng 3 thì con số này tăng lên 8.000. Ngày 1 tháng 3, phép màu đầu tiên xuất hiện. Một phụ nữ tên Catherine Latapie sau khi nhúng tay vào hồ nước trong hang thấy tay mình tự nhiên lạnh lại. Nhưng chính việc người phụ nữ xưng mình là Đấng vô nhiễm nguyên tội mới là thứ thuyết phục các chức sắc

TÔN THỜ ĐỨC MẸ MARIA

Kế tục tinh thần Cách Mạng Pháp năm 1789, thế kỷ thứ 19 ở Pháp được đánh dấu bởi chủ nghĩa duy lý và cũng là giai đoạn rất nhiều người bỏ đạo. Tuy nhiên đây cũng là thời kỳ diễn ra nhiều nỗ lực khôi phục Thiên Chúa giáo. Vào thời kỳ này, một tu sĩ nguồn gốc dân dã cũng có thể ban phép lành, tổ chức hành hương, kêu gọi sùng bái các Thánh và nhất là sùng bái Đức Mẹ đồng trinh.

Năm 1854, Giáo Hoàng Pie IX biến truyền thuyết về việc mẹ của Đức Ki-tô tuy mang thai nhưng không mắc tội tử tông (có nghĩa là được đặc ân vô nhiệm nguyên tội) thành một tín điều. Nhiều đền thờ mới được lập ra để thờ Đức Bà như nhà thờ Fourvière ở Lyon, nhà thờ Notre-Dame de la Garde ở Marseilles. Nhưng nguyên nhân chủ yếu khiến người ta thờ Đức Mẹ đó là do Đức Bà thường xuyên hiện hình. Chính sự nhiệm màu này đã đưa đức tin đến cho mọi người.

Việc Đức Bà thường xuyên hiện ra nói chuyện với các thiếu nữ hay trẻ con xuất thân tâm thường bằng tiếng địa phương nhiều hơn tiếng Pháp đã đem đến cho Giáo hội Pháp một công chúng mới, một công chúng bao gồm các phụ nữ bình dân thậm chí là những người bị gạt ra ngoài lễ xã hội ở thời mà cánh cổng quyền lực luôn đóng lại với phụ nữ.

Giáo hội bởi rõ ràng là đứa trẻ đáng thương này không thể nào bịa ra một tên gọi mà cô hoàn toàn không hiểu ý nghĩa.

Với thái độ khiêm tốn và không vụ lợi, rõ ràng là Bernadette không hề nói dối. Cô không lợi dụng hiện tượng đang lan nhanh ra khắp cả nước để trở nên nổi tiếng và thậm chí còn tránh gặp gỡ khách đến thăm, đồng thời tỏ ra rất nhún nhường. 13 năm cuối đời, cô chuyển vào sống trong một tu viện ở Nevers ở cách xa

Lourdes và qua đời ở đó năm 1879 ở tuổi 35. Năm 1862, giám mục vùng Tarbes chính thức thừa nhận hiện tượng hiện hình này là đúng thực. Trước đó, cảnh sát hoàng gia cũng đã được chính Hoàng đế Napoléon III ra lệnh mở cửa hang trở lại sau một thời gian phong tỏa.

● *Một chuyến hành hương có tổ chức*

Ngoài điều mà Bernadette nhìn thấy còn có nhiều phép màu khác xảy ra. Năm 1859 có 32 trường hợp được chữa khỏi bệnh trong đó có 7 trường hợp mà ngay cả y học thời ấy cũng không thể lý giải. Đây là lý do khiến người ta tổ chức một chuyến hành hương lớn đến đó. Nhờ có tàu hỏa giúp sức nên mọi người đến được Lourdes ngày 19 tháng 5 năm 1866. Sau đó chẳng bao lâu, vào năm 1874, những thành viên của giáo đoàn Lễ mẹ lên trời đã tổ chức chuyến hành hương trong nước đầu tiên cho những người có bệnh. Kể từ đó, danh tiếng của Lourdes ngày càng lên cao khi số khách viếng thăm thành phố này năm 1908 lên đến một triệu người. Từ đó cho đến cuối thế kỷ con số này tăng gấp bốn lần.

● *60 trường hợp lành bệnh một cách nhiệm màu*

Tuy nhiên, Giáo hội vẫn chưa vội vã nhìn nhận các trường hợp khỏi bệnh kỳ lạ này vì sợ đây là trò lừa bịp. Chính vì thế nên Giáo Hội buộc những người đến chữa bệnh phải qua ba lần kiểm tra. Từ năm 1946 trở đi thì việc kiểm tra này trở nên thực sự rất gắt gao.

Một phòng khám được lập tại chỗ và mỗi năm đều tiến hành khám cho 30 đến 50 trường hợp đến Lourdes chữa bệnh bằng phép màu. Nhiệm vụ của phòng khám là xem xét thực tế căn bệnh và kiểm tra xem căn bệnh đó có khỏi hẳn hay không. Thường thì

việc điều tra này rất ngắn gọn bởi nhiều bác sĩ điều trị không muốn chứng kiến chuyện này. Sau đó, cứ mỗi năm một lần, Hội đồng y khoa quốc tế lại họp ở Paris để lọc hồ sơ do phòng khám Lourdes gửi đến. Cuối cùng, các hồ sơ này được giao cho các giám mục địa phận nơi có những người được chữa bằng phép màu để các giám mục này điều tra lại theo một thủ tục giống quy trình thẩm tra phong thánh. Do sàng lọc đến ba lần nên trong tổng số hơn 5.000 trường hợp chỉ còn khoảng 60 trường hợp là được Giáo hội công nhận thực sự là phép màu. Trong số các trường hợp này, số đầu tiên được Giáo hội công nhận năm 1858-1859, sau đó đến số bị kiểm tra gắt gao hơn trong giai đoạn từ 1907 đến 1913, số còn lại chỉ mới được công nhận từ năm 1947 trở lại đây.

Vương cung thánh đường Lourdes



● *Những căn bệnh tự khỏi*

Mặc dù đã kiểm tra gắt gao như vậy nhưng một số người vẫn tỏ vẻ hoài nghi các phép màu này. Họ cho rằng bệnh nhân khỏi bệnh đơn giản chỉ là vì họ bị sốc tâm lý hay bị bệnh tâm thể mặc dù việc trị khỏi những căn bệnh liên quan đến chức năng hay tâm lý không bao giờ được công nhận là phép màu.

Tuy nhiên đôi khi cũng xảy ra trường hợp bệnh nhân tự nhiên lành bệnh sau khi y học đã bó tay. Mà hiện tượng này lại xảy ra trong một môi trường không mang chút hơi hướng tôn giáo nào, chẳng hạn như trong bệnh viện, bất kể bệnh nhân là người có đạo hay không. Để biết vì sao các căn bệnh này tự khỏi, có lẽ ta phải tìm lời giải đáp trong khoa sinh lý và tâm lý học.

● *Tôn giáo bị thương mại hóa*

Như vậy giữa những người theo chủ nghĩa duy lý hay hoài nghi và những người sùng đạo và tin tưởng vào phép màu thường xuyên tồn tại dạng đối thoại theo kiểu chẳng ai nghe ai. Ngoài ra hiện tượng buôn thần bán thánh xen lẫn sự cuồng nhiệt ở Lourdes cũng khiến nhiều người phẫn nộ. Mười lăm năm sau khi Đức Bà hiện hình, Pierre Larousse đã mỉa mai nói rằng “việc khai thác phép màu nhằm trục lợi là một phương thức thương mại hóa tôn giáo”...

Một phụ nữ đã đăng quang Giáo Hoàng?

Từ sau thế kỷ 13, tin đồn lan rộng khắp châu Âu về việc một phụ nữ điều khiển Hội Thánh La Mã từ năm 855 đến năm 858. Cho đến tận thế kỷ 16, Giáo hội vẫn xem sự tồn tại của Nữ Giáo Hoàng là một thực tế đã được chứng minh, nhưng sau đó thì họ chối bỏ mọi điều về nhân vật này.

- *Đức ngài Jean VIII xinh đẹp có thai!*

Được đa số các sử gia xem như một truyền thuyết hàm ý chống giáo quyền, câu chuyện về nữ Giáo Hoàng Jeanne cho đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ. Theo các bản tiểu sử thời Trung Cổ

Giáo Hoàng Jean VIII hay đúng hơn là Jeanne hạ sinh con trong lúc tham gia đám rước. Tin này gây phẫn nộ cho cộng đồng Thiên Chúa giáo.



thì Jeanne sinh năm 822 ở Ingelheim, gần thành phố Mayence. Vốn ham học hỏi nên ngài quyết định đến Athens học. Thời đó phụ nữ không được phép đến trường nên ngài phải cải nam trang và lấy tên là Jean l'Anglais. Nhờ mẹo nhỏ này mà sau đó ngài có thể thường xuyên lui tới các tu viện lớn nhất nước Pháp ở thế kỷ thứ 9, trong đó có tu viện Saint-Germain-des-Prés và tiếp thu vô số kiến thức ở đó. Khi đến Roma, ngài lập tức được chú ý bởi kiến thức uyên thâm, lòng mộ đạo và bởi cả ngoại hình xinh đẹp của ngài. Ngài trở thành Đức Hồng Y và sau khi Đức Cha Leon IV qua đời năm 855 ngài được chỉ định làm người thừa kế ngôi vị giáo hoàng. Dĩ nhiên là không ai biết về nhân thân thật sự của ngài cho nên ngài mới lên được ngôi vị Giáo Hoàng dưới tên gọi Jean VIII Thiên thần. Ngài đã không ngần ngại chi tiền để có được ngôi vị này và chứng tỏ mình hoàn toàn xứng đáng với trọng trách được giao.

Nhưng đến tháng 4 năm 858, khi đang tham dự lễ cầu an thì ngài đột nhiên ngã lăn ra và hạ sinh một đứa bé. Vài giờ sau thì ngài mất. Tin này gây phẫn nộ dữ dội cho giáo dân Thiên Chúa khiến người ta phải vội vã đưa xác nữ Giáo Hoàng đi chôn cất bên ngoài khu đất thánh.

● **Nhiều nguồn tin khác nhau và không rõ ràng**

Quyển sách ở thế kỷ 13 ghi lại câu chuyện về nữ Giáo Hoàng là *Niên giám các Đức Giáo Hoàng và Hoàng đế* của Martin de Troppau thuộc dòng Đa Minh. Trước đó không lâu, một người cũng thuộc dòng Đa Minh tên Étienne de Bourbon cũng đã đề cập đến câu chuyện một phụ nữ làm Giáo Hoàng nhưng thời điểm mà ông ta đưa ra lại là sau câu chuyện trên rất xa, đến tận khoảng năm 1100. Trong thư gởi cho giáo trưởng ở Constantinople giữa thế kỷ 11,

CHUYỆN CHIẾC GHẾ ĐỤC LỖ CÓ THẬT HAY CHỈ LÀ TRUYỀN THUYẾT?

Theo truyền thuyết thì, từ khoảng năm 1000, Giáo hội bắt đầu tiến hành kiểm tra giới tính của những người vừa được sắc phong giáo hoàng. Nghi lễ được tiến hành ở lâu đài Latran. Tất cả các giáo hoàng mới sắc phong đều phải ngồi lên một chiếc ghế bằng đá, bên trên có đục một chiếc lỗ. Một viên trợ tế sẽ chui xuống dưới ghế để kiểm tra xem ứng viên này có đúng là nam nhi không. Nghi thức này được tiến hành mãi đến khi Đức Giáo Hoàng Leon X được sắc phong năm 1543.

Ngày nay, Giáo hội không chịu công nhận là họ đã tiến hành việc “kiểm tra” không mấy cao quý này. Tuy nhiên, rất nhiều người đã làm chứng là chuyện này có thật. Viện bảo tàng Louvre ở Paris còn lưu giữ một chiếc ghế đá cổ mà theo một số người đã từng phục vụ cho việc kiểm tra kỳ cục này.

Nếu quả thực nghi thức này đã từng được tiến hành thì điều đó có nghĩa là Giáo hội e ngại một phụ nữ sẽ tiến đoạt ngôi vị giáo hoàng. Còn trái lại, nếu như nghi thức này hoàn toàn chỉ là câu chuyện huyền thoại thì điều này cho thấy trong suốt một thời gian dài Giáo hội Công giáo đã rất kỳ thị phụ nữ, đồng thời phần nào giải thích được nguyên nhân vì sao người ta bịa ra câu chuyện Nữ Giáo Hoàng Jeanne.

chính Giáo Hoàng Léon II cũng đề cập đến “người phụ nữ làm giáo hoàng ở Roma”.

Duy có một điều chắc chắn, đó là vào đầu thế kỷ 15, tất cả mọi người đều công nhận có một nữ giáo hoàng trong lịch sử bởi câu chuyện mà các chức sắc Hội Thánh công nhận và ghi chép lại này

không hề bị Roma kiểm duyệt. Như vậy, không ai cho rằng câu chuyện nữ Giáo Hoàng Jeanne là do những kẻ không thích Giáo hội đặt ra để phá hoại uy tín Hội Thánh. Trái lại, tác giả đầu tiên không công nhận sự hiện hữu của một nữ giáo hoàng năm 1647 lại là một người theo đạo Tin Lành mang tên David Blondel.

● ***Jeanne và Benoit III phải chăng là một?***

Tuy nhiên luận đề phủ nhận sự hiện hữu của một nữ giáo hoàng vì cho rằng phụ nữ không thể che giấu thân phận dưới lớp áo nam nhi lâu đã bị bác bỏ bởi vì Giáo hội đã công nhận sự tồn tại của Jeanne trong suốt nhiều thế kỷ. Ngoài Jeanne ra còn nhiều Thánh nữ và nữ tuyên thánh khác như Euphrasie, Hildegarde, Eugénie cũng cải nam trang và sống cuộc đời mai danh ẩn tích trong lớp áo tu sĩ cho đến lúc chết.

Ngoài ra, sự nhầm lẫn xung quanh câu chuyện Đức Giáo Hoàng Benoit III, người được công nhận là kẻ kế vị Đức Giáo Hoàng Leon IV, cũng cho phép đặt ra giả thuyết khác. Cái tên Benoit không hề



*Giáo hoàng
Jean VIII
(trái) trong
điện ảnh.*

được đề cập trong danh sách giáo hoàng *Liber pontificalis*. Một số rất ít nhà chép sử biên niên khi đề cập đến Benoit đều mô tả ngài là người có ngoại hình rất xinh đẹp nhưng ghét xuất hiện trước công chúng đồng thời cũng là một người rất chùng mực. Không ai biết gì khác về Đức Giáo Hoàng Benoit ngoài việc ngài suýt nữa thì không được Giáo Hội công nhận và việc ngài đột ngột qua đời ngày 17 tháng 4 năm 858 sau đó được chôn cất bên ngoài nhà thờ Saint-Pierre theo như ý nguyện (ngài tự cho rằng mình “không xứng đáng được đặt gần các thánh”).

Tất cả những chuyện này có thể áp dụng cho cả vị nữ giáo hoàng bí ẩn lẫn vị giáo hoàng mang tên Benoit mà ít ai biết rõ. Phải chăng lịch sử Giáo hội đã đổi tên Jeanne - hay Jean VIII Thiên thần - thành Benoit để che đậy thân phận nữ giới của ngài?

● ***Jeanne phải chăng là một giáo hoàng mềm yếu ủy mị như phụ nữ?***

Theo một giả thuyết khác thì có khả năng có sự nhầm lẫn giữa hai giáo hoàng. Quả thực là vào năm 872 có một giáo hoàng khác mang tên Jean VIII và vị giáo hoàng này được xác nhận là thực sự hiện hữu. Tuy nhiên một vài tư liệu lại gọi ngài là “nữ giáo hoàng” do ngài có thái độ nhu nhược khi đối mặt với bọn Sarrasin (người Hồi giáo ở châu Âu và châu Phi thời Trung Đại) và do ngài bị nghi là đồng tính luyến ái.

Hai nhân vật này phải chăng không hề có chút liên quan nào với nhau hoặc giả có sự nhầm lẫn nào đó giữa người kế vị Giáo Hoàng Leon IV ít ai biết tới và một giáo hoàng khác tên Jean có tác phong giống nữ giới? Tất cả đến nay vẫn còn là một bí ẩn.

TRONG THĂM SÂU
CỦA BÍ ẨN (TẬP 5)

Nguyễn Thị Kim Anh *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: TUẤN VIỆT - THU NHI

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: NHẬT VI

Trình bày: NGUYỄN VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn
